

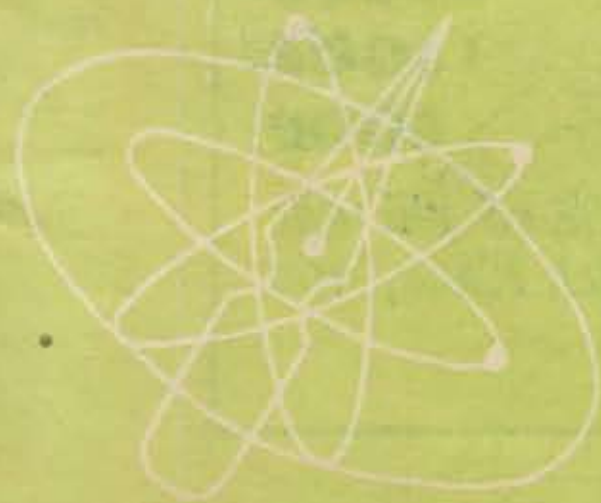
I THÁNG 3 NĂM 1971

BACH KHOA

năm mười lăm

PHẠM LƯƠNG-GIANG *ý nghĩa và bên lề một chuyến công du* * G.E.GAUTHIER *diễn trình của một sự nghiệp : Trên đường việt tiến* (THU THỦY dịch) * KIM ĐỊNH *bốn chặng huyền sử nước Nam : nền tảng và triết lý* * NGUYỄN VĂN HỮU *góp ý với Viện Khảo cổ* * NGUYỄN HIỂN-LÊ *đất Hà-Tiên với họ Mạc và họ Lâm* * TRẦN VĂN TÍCH *Đông Tây y trên đất Bắc ; Đông y tại Trung Hoa* * PHAN DU *trên tàu « Helgoland »* * HOÀNG NGỌC TUẤN *tuổi trẻ hư không* * NGUYỄN THỊ VINH *tội làm người* * PHAN PHỤNG THẠCH *nặng vàng quê hương* * LÊ VĂN TRUNG *đành quên* * TRỊNH KHẢ NGUYÊN *như nổi ước mơ*

SINH HOẠT *thời sự thế giới* * *thời sự khoa học* * *thời sự văn nghệ*



340

TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG Thư ký: TÔN THẮT HÀM
HOÀNG MINH TUYNH Tòa soạn:
Chủ nhiệm: LÊ NGỘ CHÂU Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
Chủ bút: NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO

MỖI SỐ	50đ.
SÁU THÁNG	550đ.
MỘT NĂM	1050đ.

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 50 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí 120 đ. một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trương mục 54.262 Tổng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại 160 Phan đình Phùng Saigon, Trương mục 27-46, Trung Khu Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
1/2 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	2000đ
oOo				
1 trang trống	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/2 trang trống	:	mỗi kỳ	:	1500đ
1/4 trang trống	:	mỗi kỳ	:	800đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

B Á C H

K H O A

Số 340 ngày 1-3-1971

PHẠM LƯƠNG GIANG <i>ý nghĩa và bên lề cuộc công du (chuyến công du của Thủ-tướng Pháp Pompidou sang Hắc-Phi)</i>	05
GEORGES E. GAUTHIER <i>một người Gia-nã-đại và nghệ-thuật Phạm Duy : Diễn trình của một sự nghiệp THU-THỦY (dịch)</i>	19
KIM ĐỊNH <i>bốn chặng huyền sử nước Nam : nền tảng và triết lý</i>	23
NGUYỄN VĂN HẦU <i>góp ý với Viện Khảo-cổ</i>	31
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>đất Hà-Tiên với họ Mạc và họ Lâm</i>	37
TRẦN VĂN TÍCH <i>nghĩ về vấn-đề hiện-đại-hóa Đông-y : Đông-Tây y trên đất Bắc ; Đông-y tại Trung-Hoa</i>	43
PHAN DU <i>trên tàu « Helgoland » (truyện)</i>	51
HOÀNG NGỌC TUẤN <i>tuổi trẻ hư không (truyện dài)</i>	61
NGUYỄN THỊ VINH <i>tội làm người (thơ)</i>	67
PHAN PHỤNG THẠCH <i>nắng vàng quê hương (thơ)</i>	68
LÊ VĂN TRUNG <i>đành quên (thơ)</i>	69
TRỊNH KHẢ NGUYỄN <i>như nỗi ước mơ</i>	71

SINH HOẠT

TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	77
THU THỦY, THẾ NHÂN <i>thời sự văn nghệ</i>	81

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ-CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
Điện-thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ-ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật - Saigon
GIÁ : 50đ Công sở : 100đ
Cao Nguyên và Miền Trung
thêm cước phí máy bay

NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỐI

Giám đốc sáng lập : NHẤT-HẠNH

Lô O số 121 Chung-cư Minh-Mạng

Saigon 10



SÁCH IN NĂM 1970

- | | |
|---|----------------------------|
| — <i>Phong Trào Duy Tân</i> | Nguyễn-văn-Xuân |
| — <i>Xứ Trầm-Hương</i> | Quách-Tấn |
| — <i>Heidegger trước sự phá sản của Tư-Tưởng Tây-Phương</i> | Lê-Tôn-Nghiêm |
| — <i>Lúa Sạ Miền Nam (thơ)</i> | Kiên-Giang |
| — <i>Cầm Ca Việt-Nam</i> | Toan-Ánh |
| — <i>Hải Đảo Thần Tiên</i> | Đặng-Trần-Huân (dịch) |
| — <i>Đạo Phật Ngày Nay Mai (còn rất ít)</i> | Nhất-Hạnh |
| — <i>Sử ký của Tư-Mã-Thiên (còn rất ít)</i> | Giản-Chi và Nguyễn-Hiến-Lê |
| — <i>Nhánh Rong Phiêu Bạt</i> | Võ-Hồng |
| — <i>Chứng Đạo Ca của Huyền Giác</i> | Trúc-Thiên (giới thiệu) |

SÁCH IN NĂM 1971

- | | |
|---|---------------|
| — <i>Tiếng Phèng La</i> | Xuân-Tùng |
| — <i>Đoạn Đường Chiến Binh</i> | Thế-Uyên |
| — <i>Lịch-sử Triết Học Tây Phương I</i> | Lê-Tôn-Nghiêm |

Nhà sách «bỏ túi» (tại nhà xuất bản Lá-Bối) mở cửa vào đầu tháng 3-1971, bán sách của các nhà Xuất-Bản: An-Tiêm, Ca Dao, Cảo Thơm, Hồng-Hà, Nguyễn Hiến-Lê, Thanh-Tân, Thái Độ, Trình Bày, Tu-Thư Vạn-Hạnh, Sáng-Tạo, Võ-Tánh, Lá Bối v.v...

Tổng thống Pháp Georges Pompidou
chánh-thức thăm viếng 5 quốc-gia Hắc-Phi (1)

Ý nghĩa và bên lề một cuộc công du...

PHẠM-LƯƠNG-GIANG

Thế là cuộc công du (2) thai-nghén từ lâu, nay đã tới kỳ khai-hoa mãn-nguyệt. Từ 3-2 đến 13-2-71. Tổng-thống Pháp, Georges Pompidou, và phu-nhân chánh-thức thăm - viếng 5 quốc-gia Hắc-Phi nguyên thuộc Pháp, với một chương-trình đầy-đủ về nội dung, cũng như long trọng về hình-thức :

- 3-2 : Mauritanie,
- 5-2 : Sénégal,
- 7-2 : Côte-d'Ivoire,
- 9-2 : Cameroun,

và từ 11 tới 13-2-71 : Gabon.

Tháp tùng Tổng-thống là một phái-đoàn hùng-hậu và quan-trọng gồm có các ông : Quốc vụ khanh, Thứ trưởng Ngoại giao, Tổng thư ký Cộng đồng và Phi châu vụ v.v... và nhiều nhân vật khác, trong số ta phải kể tới 135 ký giả và nhiếp-ảnh gia, Pháp, Phi, và quốc-tế...

Trong nội năm nay, 1971, hay cùng lắm là năm tới, 1972, sẽ có 1, 2, hay có thể 3 cuộc công-du khác tại các quốc-gia Hắc Phi còn lại trong khối cộng-đồng. Các cuộc công-du nhằm mục-đích để vị Nguyên-thủ Pháp có dịp viếng thăm đáp lễ (3), đồng-thời nhận-xét tại chỗ tính-chất và tầm quan-trọng của các vấn-đề, ngô-hầu nghiên-cứu và hoạch-định chính sách dài hạn thích-nghi, liên quan tới 14 quốc gia Hắc-Phi nguyên thuộc-địa.

Các quốc-gia nguyên thuộc-địa này, ngày nay độc-lập, nhưng đã họp nhau thành một khối, lấy tên là Cộng-đồng (Communauté), với một dân-số tổng-

cộng 46 triệu, lấy tiếng Pháp làm chuyển ngữ chánh-thức, chịu ảnh hưởng của Pháp về nhiều phương diện và cũng về

(1).— Bài này có thể mang một trong các nhan-đề như sau : Từ Charles de Gaulle tới Georges Pompidou, hay Từ Liên-Hiệp-Pháp tới Cộng-đồng, hay Từ Cộng đồng hiến-định tới Cộng-đồng kế-ước (Communauté institutionnelle, Communauté contractuelle), hay Mười năm sau... (Vị Cộng đồng được thành-hình năm 1960).

Từ 20 đến 26 tháng 8 năm 1959, thăm-viếng các quốc-gia Hắc-Phi thuộc Pháp, de Gaulle có tuyên-bổ tại Fort-Lamy : « một buổi bình-minh mới mang danh là Cộng-đồng » (une aube nouvelle qui a nom Communauté...)

Trung tuần tháng 12 năm 1954, de Gaulle đặt viên đá đầu tiên cho tòa nhà Nouakchott, thủ đô tương lai của Mauritanie, một quốc gia hội viên của Cộng - đồng. (Mauritanie diện-tích 1.032.455 cây số vuông dân số 1.500.000 người. Mười năm sau, năm 1970, thủ-đô Nouakchott có 45.000 dân...) Sau đó, de Gaulle tới Saint-Louis (Sénégal), chủ-tọa phiên họp thứ sáu của Hội-đồng chấp-hành Cộng-đồng : đây là bước đầu biến-chuyển Cộng-đồng thành một loại hội-đoàn các quốc-gia độc-lập, (association des Etats indépendants.)

(2).— Nguyên tắc cuộc công-du được chấp nhận từ lâu, dưới thời de Gaulle còn làm Tổng-thống. De Gaulle hy-vọng có thể thực hiện cuộc công-du chánh-trị và tình-cảm này (vì chính ông chủ-trương giải - phóng Hắc-Phi), trước khi mãn-nhiệm vào năm 1973. Nhưng tháng 4 năm 1969, sau một cuộc trưng-ầu dân-ý, ông từ - giã chánh-quyền. Và tháng XI năm 1970, ông từ giã cõi đời.

(3).— Hầu hết các vị Quốc trưởng Hắc-Phi trong khối Cộng-đồng thường có dịp qua lại Paris, nếu không phải là viếng-thăm chánh-thức do chánh-phủ Pháp mời (một lần), thì cũng vì lý-do công-vụ hay gia-đình. Và mỗi lần qua Paris là một lần hội-kiến với vị Nguyên thủ và yếu-nhân trong chánh-giới Pháp.

Phu-nhân Quốc-trưởng Mauritanie, phu-nhân Quốc-trưởng Sénégal, là người Pháp.

nhiều phương-diện, được Pháp là nguyên mẫu quốc nâng-đỡ hết lòng. Toàn thể các nguyên thuộc-quốc này đều nồng-nhiệt tri ân nguyên mẫu-quốc. Và cách đây mấy tháng (11-1970), khi de Gaulle lâm-chung, các vị quốc-trưởng trong Cộng-đồng đã khóc-than thương-tiếc, như người ta đau-đớn tiễn-đưa một vị ân-nhân cố-cựu tới nơi an-nghỉ cuối cùng. Guinée để riêng ra một bên, còn thì đối với 14 quốc-gia hội-viên của khối Cộng-đồng, de Gaulle đã là cha đẻ của công-cuộc giải-phóng Hắc-Phi (năm 1960), là kiến-trúc-sư của sự cấu-tạo các quốc-gia măng-sữa, và một nhà dìu-dắt tận-tình trong những bước chập-chững thuở ban đầu...

Mười tám tháng sau khi đắc-cử (1.6-1969), sau hai cuộc công-du tại hai siêu cường-quốc Hoa-kỳ và Nga-sô, (trong năm 1970), Tổng-thống Georges Pompidou đã sớm chánh-thức công-du tại 5 quốc-gia ghi trên. Sự kiện nói lên tánh-cách quan trọng của vấn-đề, đặt trong một bối-cảnh vừa *chánh-trị*, vừa *lịch-sử*, vừa *tình-cảm*.

* *
*

1. — Cứ kể ra, nếu thực lòng và sáng suốt kịp thời, thì Pháp có thể đã tạo nên khối Cộng-đồng dưới hình thức như hiện nay, ngay từ sau đệ-nhi thế-chiến, và nhất là dưới hay ngay sau thời-kỳ de Gaulle đảm-nhiệm chức-vụ Thủ-tướng Chánh-phủ lâm-thời năm 1946. Nhưng chánh-giới Pháp khi đó ngoan-cổ đã nhất mực trì-hoãn, đồng-thời vận dụng toàn năng-lực để vãn-hồi và củng-cố đế-quốc. Chỉ mãi sau này, thất-bại nặng-nề năm 1954 tại Đông-Dương, trước tấn thãm-kiếm Algérie năm 1958 chỉ một chút nữa

là xô nước Pháp xuống vực thẳm nổi-loạn, de Gaulle trở lại chánh-quyền mới có mỹ-ý ghi dòng chữ « Cộng-đồng » trong hiến-pháp đệ ngũ Cộng-hòa. Có thể nói Cộng-đồng là hậu-thân và biến-thể của Liên-Hiệp-Pháp (Union Française) quá ư chật hẹp, lỗi-thời, nhằm mục-dịch thỏa-mãn quyền-lợi cũng như tự-ái Pháp, mà không một chút quan-tâm tới những nguyện-vọng độc-lập và các phong-trào giải-phóng tại một số quốc-gia, đang dâng cao như nước triều và tràn-lan như lửa cháy...

Chúng ta còn nhớ, năm 1947, trong bài diễn-văn đọc tại tỉnh-ly Hà-đồng chỉ còn là chông gạch vụn, Cao-ủy Pháp Emile Bollaert đã ngập-ngừng thốt lên hai tiếng « độc lập » bằng Việt-ngữ, để tránh ý-kiến đó diễn-tả bằng Pháp-ngữ (indépendance). Cấp chỉ-huy tại Pháp đã mặt chỉ-thị triệt-để không được sử-dụng danh-từ « indépendance », e sẽ có tiếng vang không tốt cho công-cuộc bảo-vệ các lãnh-thổ hải-ngoại.

Nước Pháp khi đó đề nghị và ca-ngợi giải-pháp Liên-Hiệp-Pháp nhằm xoa dịu tinh-thần quật-khởi của các dân-tộc bị trị. Riêng Việt-Nam, Cambodge và Ai-lao (được kêu tổng-quát là Đông-Pháp), mỗi nước còn ở trong cái lồng nhỏ Liên-bang Đông-Dương (Fédération Indochinoise) dựng trong cái lồng Liên-Hiệp Pháp lớn hơn. Tổng-thống Pháp là chủ-tịch Liên-Hiệp Pháp. Các quốc-gia hội-viên tự đảm-nhiệm nội-trị, mà chánh-giới Pháp kêu là « tự-trị » (autonomie). Còn quốc-phòng, tài-chánh đều được nguyên mẫu-quốc tận-tâm phụ-trách giùm. Riêng về ngoại-giao, các quốc-gia hội-viên chỉ bổ-nhiệm Đại-sứ sau khi được chủ-tịch Liên-Hiệp Pháp chấp-thuận, về nhân-viên

cũng như nhiệm-sở. Tại các quốc-gia mà quốc-gia hội-viên không được quyền bổ-nhiệm Đại-sứ, hoạt-động ngoại-giao sẽ do Sứ-quán Pháp phụ-trách giùm...

Trước một sự-thể phũ-phàng như vậy, một số thanh-niên Việt-nam tại Pháp, vào khoảng năm 1948, đã có lần nhận-xét: «Liên-Hiệp Pháp là cái gì? Có ai nói rõ cho chúng tôi biết và hiểu bao giờ? Liên-Hiệp Pháp tựa như một miếng phó-mát Gruyère, có phó-mát đấy, nhưng cũng có nhiều lỗ hổng... Vậy chúng tôi là phó-mát, hay là lỗ hổng? Cũng như trên một chiếc thuyền-thuyền, có vị thuyền-trưởng, các viên phụ-tá, có «cạp-răng», thợ máy, lao-công, phu xúc than hay khuôn-vác... Ai cũng biết Pháp thủ vai thuyền-trưởng. Thế còn chúng tôi, là «cạp-răng», thợ máy hay lao-công?...» Một số thanh-niên, sinh-viên, nhận-xét thực-tế: «Nếu tính-chất Pháp được quá chú-trọng trong tổ-chức Liên-hiệp, tan-vỡ là điều sẽ không thể tránh được...» (Si l'Union est Française, elle cessera d'être unie...). Vì chỉ có độc lập hay bị trị, chứ không thể có hai quan-niệm độc lập... Độc lập người Pháp hiểu cho nước Pháp, và Độc lập người Pháp hiểu cho các quốc-gia bị trị đang khát khao giải-phóng.

Cộng-đồng, trái lại, táo-bạo, cởi-mở, và đi sát với thực-tế hơn. Trước hết, người ta không dùng chữ «Cộng-đồng Pháp», mà chỉ gọi vắn-tắt là «Cộng-đồng». i. lĩ-nhiên, Pháp là Chủ-tịch, các quốc-gia là hội-viên, nhưng mối tương-quan tự-do, rộng-rãi, không quá gò-bó. Nhất là như trong hiện-tại, Cộng-đồng có lợi thiết-thực cho cả đôi bên, nhưng cho các quốc gia hội-viên nhiều hơn là Pháp, phải cáng đáng nhiều trách-nhiệm mà chỉ

có lợi về chánh-trị, xa-xôi, tể-nhị, cùng là thỏa-mãn về tình-cảm trong đó có vấn-đề văn-hóa... Ngược lại, có một số quốc-gia trong Cộng-đồng có thể nguy-khốn nếu chưa muốn nói là suy-xụp, nếu không được Pháp nâng- đỡ. Mặc-dẫu và lẽ dĩ-nhiên công-cuộc nâng- đỡ này có hiệu-quả hỗ-tương, có đi có lại, như chúng ta sẽ nhận-chân qua một vài thí-dụ và một vài con số.

Có thể nói tổ chức do Pháp thực-hiện, mang danh là Cộng-đồng (Communauté), một phần nào đã rập khuôn theo tổ-chức Liên-Hiệp (Commonwealth) do Anh đã sáng-chế và áp-dụng tiên-phong. Mỗi tương đồng bắt nguồn ngay ở cách sử-dụng danh-từ: một đảng là Commonwealth, một đảng là Communauté, dịch ý đại-cương giống nhau mà không hề dùng tới chữ British hay Française.

Đã vậy, liên-lạc và trung-gian giữa một bên Pháp, và một bên các quốc-gia hội-viên Liên-Hiệp Pháp, là Hội-đồng Liên-Hiệp Pháp và Bộ Thuộc-địa sau này được đổi tên thành Bộ Pháp-quốc Hải-ngoại. Các quốc-gia liên-kết (Etats Associés) tùy vấn-đề, có thể liên-lạc qua trung-gian Bộ Ngoại-giao... Đối với Cộng-đồng, trái lại, cơ-sở minh-bạch và thủ-tục mềm-dẻo hơn, và đó là một bước tiến đáng kể.

Các quốc-gia Hắc-Phi gia-nhập Cộng-đồng năm 1960, sau một đôi chút do-dự và thắc-mắc từ một vài tầng-lớp dân-chúng (4). Năm 1961, các thỏa-ước cộng-tác (accords de coopération) đầu

(4) Xin coi lại bài «Cuộc đời hào-hùng của Tướng De Gaulle» của Từ-Trì, bài «Bản di-chức của Tướng De Gaulle» của Phạm-Lương-Giang, Bách-Khoa số 334 và 336, ngày 1-12-70 và 1-1-70. (LTS)

tiên được ký-kết tại Paris. Một bộ đặc-trách về cộng-tác (Ministère de la Coopération) được thành-lập năm 1962. Sau chuyến công-du của Tướng de Gaulle tại châu Mỹ la-tinh (có nhiều quốc-gia kém mở-mang), năm 1964 nguyên-tắc cộng-tác được hình-dung dưới một nhãn-tuyến rộng-rãi hơn vì gồm cả một số quốc-gia khác, trung-lập, chậm tiến, không tham khởi. Từ năm 1966, Bộ Ngoại-giao đặc-biệt phụ-trách riêng về vấn-đề cộng-tác với các quốc-gia Hắc-Phi trong khối Cộng-đồng, qua trung-gian của một văn-phòng Thứ-trưởng đặc-trách về cộng-tác với Hắc-Phi (Secrétariat d'Etat aux Affaires Etrangères chargé de la coopération). Năm 1968, mặc-dù vẫn tiếp-tục hoạt-động như trước, nhưng văn-phòng này mang một danh-hiệu văn-tất hơn, kêu là: *văn-phòng Thứ-trưởng Ngoại-giao*. (Chúng ta hiểu tại sao trong thành-phần phái-đoàn của Tổng-thống Georges Pompidou có Thứ-trưởng Ngoại-giao Yvon Bourges, mà không có Tổng trưởng Ngoại-giao Maurice Schumann. Là vì các vấn-đề chánh-trị, ngoại-giao, đều đã được thông-cảm, và cuộc công-du đặt trọng-tâm vào các bài toán viện-trợ và cộng-tác...) Liên-lạc chặt-chẽ với Nha Tổng Thư-ký Cộng-đồng và các vấn-đề Phi-châu-Mã-đảo (Affaires Africaines et Malgaches), chính văn-phòng Thứ-trưởng Ngoại-giao nghiên-cứu chánh-sách viện-trợ và cộng-tác của Pháp đối với các quốc-gia Phi-châu Pháp-ngữ, từ phía Nam Sahara trở xuống... Nha Tổng Thư-ký Cộng-đồng và các vấn-đề Phi-châu-Mã-đảo trực thuộc điện Élysée, nghĩa là Phủ Tổng-thống; và ô. Jacques Foccart vẫn đảm-nhiệm chức-vụ Tổng

Thư-ký từ buổi đầu mới thành-lập, dưới thời de Gaulle làm Tổng-thống và ô. Georges Pompidou làm Thủ-tướng. Sự-kiện nói lên tất cả tánh-cách liên-tục của chánh-sách, qua hai triều-đại...

Mặt khác, qua thời-gian biến-chuyển, tổ-chức Cộng-đồng cũng có phần thay-đổi, khiến mối tương quan trở nên linh-động hơn nữa, để thoát khỏi những gò bó hình thức buổi đầu. Chúng ta không thấy cả các phiên họp thường niên hay có định-kỳ, như khối Liên-Hiệp theo phương-thức của Anh. Trái lại, giữa từng quốc-gia hội-viên Cộng-đồng và nước Pháp, mỗi khi có vấn-đề cần cùng giải-quyết, các vai chủ-động thường gặp-gỡ để cùng nghiên-cứu, đề-nghị, ngõ-hầu đi tới một thỏa-ước tay đôi (accord bilatéral). Nói tóm lại, mỗi bên trong thực-tế đều có khả-năng tự-do hoạt-động. Tự-do này chỉ bị hạn-chế bởi quyền-lợi chung của hai bên đương sự ký kết, với sự hỗ-trợ và phối-hiệp của quốc-gia huynh-trưởng là nước Pháp Mạnh-thường-quân... Bởi vậy, ta không ngạc-nhiên khi nhận thấy trong gia-đình Cộng-đồng có những trường-hợp thật khác-biệt về ngoại-chánh. Tỷ-dụ: cùng ở trong một khối và cùng sử-dụng Pháp-ngữ, Mauritanie và Congo (Brazzaville) chỉ thiết-lập liên-lạc ngoại-giao với Trung-Cộng, trong khi Côte-d'Ivoire và Gabon lại chỉ công-nhận Trung-hoa Dân-quốc. Một tỷ-dụ nữa: Pháp không công-nhận cả Bắc lẫn Nam Việt-nam mà chỉ thiết-lập liên-lạc chánh-trị trên thực-tế (tại Paris: Bắc-Việt có Tòa Tổng Đại-diện (Délégation générale); Nam-Việt có Tòa Tổng Lãnh-sự (Consulat général). Trong khi Sénégal công-nhận cả hai miền Nam Bắc trước pháp-ly, và tiếp-

nhận cả hai vị Đại-sứ, Việt-nam Cộng-hòa và Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa...

Nói tóm lại, từ sau cuộc thế-chiến, chánh-sách của Pháp đối với các nguyên-thuộc-quốc Hắc-Phi đã linh-động, tùy-thời biến chuyển, đại-cương theo chiều-hướng như sau:

- muốn củng-cố đế quốc
- Liên-Hiệp Pháp, gò bó và chặt-hẹp
- Cộng-đồng như ghi trong hiến-pháp năm 1958. Có thể kêu là *Cộng-đồng hiến-định*, (Communauté institutionnelle).

— Cộng-đồng quan-niệm theo một phương-thức mới, cởi-mở hơn, căn-cứ trên nền-tảng thông-cảm và tự-do. Có thể kêu là *Cộng-đồng khế-uớc*, (Communauté contractuelle).

* * *

2.— Trên đây có nói tới Pháp viện-trợ cho các quốc-gia trong khối Cộng-đồng, đồng-thời cộng-tác với các quốc-gia đó. Thiển-nghĩ cũng nên nhìn qua ngân-sách mà Pháp dành cho loại hoạt-động này.

Năm 1971, ngân-khoản được tăng 15% so với năm 1970, trong khi tổng số ngân-sách Pháp chỉ tăng có 9%. Số tiền lên tới 1.326 triệu đồng quan Pháp (mỗi Mỹ-kim đổi-giá chánh-thức khoảng 5 quan 1/2), được đem sử-dụng vào mục « cộng-tác với các quốc-gia Hắc phi Pháp-ngữ và một số lãnh-thổ trên bờ Ấn-độ-dương », chia như sau :

- viện-trợ kỹ-thuật 571 triệu
- hoạt-động văn-hóa và kỹ-thuật 250 »
- công-tác quân-sự 36 »

— hỗ-trợ tài chánh	90 triệu
— viện-trợ kinh-tế	328 »
— phí-khoản điều hành	51 »
	<hr/>
	1.326 triệu

Riêng tại Sénégal, với một dân-số 3.800.000 người, với thủ-đô Dakar gần 600.000 người, mà Pháp hiện cung-cấp tới 1.186 chuyên viên, trong số có 888 giáo-sư đủ môn, đủ cấp, 25.000 cuốn sách (Pháp) cho thư-viện, và 1.200 cuốn phim giáo dục giải-trí. 48% ngoại-thương của Sénégal là với Pháp. Mặc-dẫu vậy, nền ngoại-thương không sáng-sủa, với 31,9 tỷ đồng quan CFA (Communauté Financière Africaine) xuất-cảng, trong khi nhập-cảng tới 51,3 tỷ. Nghĩa là cán cân thương-mại không thăng-bằng, xuất-cảng chỉ đáp-ứng được khoảng 62% nhu cầu nhập-cảng. Cũng như kinh-tế Sénégal độc-năng, chỉ trông cậy vào đậu-phụng : Sénégal là nước sản xuất thứ nhì thế-giới, và đậu phụng là 2/3 nguồn ngoại-tệ, 70% tổng-số hàng xuất-cảng. Chẳng may gặp hạn hán, đậu-phụng mất mùa, ấy là kinh-tài suy-xụp Sénégal không trông cậy vào ai hơn là Pháp để bù đắp vào những thiếu hụt bi-đát đó, dưới hình-thức này hay hình-thức khác.

Trước khi lên đường công-du, Tổng-thống Georges Pompidou đã không quên tuyên-bổ khuyến-khích : các giới kinh-tài Pháp nên đầu-tư tại Hắc-phi. Các vụ đầu-tư được hai chánh-phủ công-nhận là kinh-tế ưu tiên, sẽ được chánh-phủ Pháp bảo-đảm : tin này đã khiến các quốc gia Hắc-phi hân-hoan, phấn-khởi...

Từ nhiều năm nay tại một số quốc-

gia kém mở mang hoặc gặp tình-trạng khó-khăn đặc-biệt, tiền-tệ lạm-phát thường bị mất giá với một tốc-độ đáng lo ngại. Theo tài-liệu Pick's Currency Year Book xuất-bản đầu năm 1971 tại New-York, một số tiền-tệ địa-phương đã mất giá rất nhiều so với đồng Mỹ-kim tính theo hối-xuất chánh-thức. Chúng ta có thể nhận-xét tỷ-lệ qua bảng đối-chiếu sau đây (lập vào khoảng đệ nhất tam cá-nguyệt 1970):

Tỷ lệ sụt giá :

CFA	1,9 ⁰ / ₀
Đại-Hàn	19,6 ⁰ / ₀
Cambodge	54,5 ⁰ / ₀
Ấn-độ	67,3 ⁰ / ₀
Phi-luật-tâu	73,1 ⁰ / ₀
Bắc-Cao	338,3 ⁰ / ₀
Bắc-Việt	344,8 ⁰ / ₀
Nam-Việt	362,5 ⁰ / ₀
Nga-sô	605,6 ⁰ / ₀
Mông-cổ	650,0 ⁰ / ₀
Albanie	1.100,0 ⁰ / ₀
Ba-lan	3.150,0 ⁰ / ₀

C.F.A là đồng quan của Communauté Financière Africaine, » (Cộng-đồng Tiền-tệ Phi-châu), có Pháp bảo-lãnh nên tương-đối được vững giá, so với một số tiền-tệ khác.

* * *

3. Ngày 21-1-1971, nhân một cuộc họp báo tại điện Elysée, Tổng-thống Georges Pompidou đã tuyên-bố nhiều câu trực-tiếp hay gián-tiếp có liên-quan tới vấn-đề Hắc-Phi, mà chúng ta có thể tóm-tắt như sau :

— Ông đã cộng-tác chặt-chẽ với Tướng de Gaulle trong hơn 10 năm trời. Ông cho biết một cách vô-tư, không kiêu-hãnh : chính ông đã góp một

phần nào hữu-hiệu vào chánh-sách giải-phóng Hắc-Phi của Tướng de Gaulle.

— Tuy nhiên, ông không viện-dẫn uy-tín của Tướng de Gaulle, coi đó như một thứ chiêu-bài, để cầu xin quốc-dân tán-thành đường lối và hoạt-động của ông.

— Ông sẽ tiếp-tục chánh-sách mà ông đã góp phần cấu-tạo nên. Nhưng ông cũng dành quyền có sáng-kiến mỗi khi tình-thế đòi-hỏi.

— Tướng de Gaulle là một vĩ-nhân đã đi vào lịch-sử. Tướng de Gaulle chỉ thuộc về chính ông, (le général de Gaulle n'appartient qu'à lui même...)

— Ông không phủ-nhận là các quốc-gia Hắc-Phi chờ đợi đón Tướng de Gaulle. Nhưng tình-cờ của lịch-sử đã khiến ông đi thay. Ông sẽ công-du nhân-danh nguyên-tắc *liên-tục quốc-gia*, và ông sẽ tiếp-tục chánh-sách đã khơi mào. Tùy tình-thế, trong tương-lai, ông sẽ uyển-chuyển cho hợp với hoàn-cảnh.

Tánh-cách chánh-thống (5) của ông không phải do tướng de Gaulle truyền lại, mà là do 58% số các cử-tri có đi bầu, đã bỏ phiếu cho ông...

Thật rõ-ràng, minh-bạch, khả-dĩ dẫn-chứng tánh-cách tự-cường, và thái-độ độc-lập. Độc-lập mà vẫn thủy-chung với người quá-cổ là cấp chỉ-huy cũ của mình. Georges Pompidou đã giữ trọn-vẹn về cả hai phương-diện tình và lý, chứng-tỏ uy-quyền bản-thân mà vẫn không xúc-phạm tới uy-tín của người đi trước.

Và ông đã cộng-du Hắc-Phi với đầy-đủ tư-cách, như tướng de Gaulle công-

(5) *Légitimité.*

du nếu còn sống. Một cuộc công-du chánh-trị đã danh, ma còn vừa lịch-sử, vừa tình-cảm.

Lịch-sử là vì trải qua một thời-gian dài lâu, liên-quan tới hai triều nguyên-thủ, với những năm, những tháng, đánh dấu những đoạn đường, những sáng-kiến, những biến-chuyển, những tư-tưởng và triết-lý... có ảnh-hưởng sâu rộng tới Hắc-Phi nói riêng, và cả nhân-loại nói chung.

Cuộc công-du còn đượm tánh chất tình-cảm là vì gây liên-lạc và mối ân-tình giữa de Gaulle và Georges Pompidou; rồi lại giữa Georges Pompidou và các vị Quốc-trưởng Hắc Phi mà ông quen biết thân tình đa-số. Trong các bạn đồng đường đồng hội này, đặc-biệt nhất là ông Leopold Sedar Senghor, bạn đồng-song với Georges Pompidou, 40 năm về trước...

4— Bởi vậy, ta sẽ không ngạc-nhiên trước nhiều sự-kiện gặp-gỡ tại các quốc-gia Hắc-Phi trong khối Cộng-đồng. Thời-kỳ mâu-thuẫn giữa người thống-trị và kẻ bị-trị đã trôi xa vào dĩ-vãng. Ngày nay, với tinh-thần mới và trong bối-cảnh mới, Pháp luôn luôn ở vào một địa-vị ưu-thế, một vị-trí đặc-biệt, không những trong đời sống hàng ngày mà thường khi còn cả trong lòng người dân địa-phương, thuộc đủ mọi tầng lớp. Đã đành là cũng có những trường-hợp chống-đối, nhưng tương-đối không đáng kể.

☉ Có nhiều nhân vật chỉ huy Hắc-Phi, trước đây có quốc-tịch Pháp, mà ngày nay có lẽ vẫn còn giữ. Có một số nhân-vật lãnh-đạo Hắc-Phi, đã từng phen là dân-biểu, nghị-sĩ, hay nhân-viên chánh-

phủ Pháp. Một số nhân-vật, hay nhân-viên cao cao cấp Hắc-Phi có vợ Pháp, thường khi có định-kỳ, vẫn về Pháp nghỉ-ngơi, xum họp với gia đình nội ngoại...

Tại tất cả các quốc-gia trong khối Cộng-đồng, Đại-sứ Pháp mặc-dù mới tới, đương-nhiên là Niên-trưởng Ngoại-giao đoàn. Thật chẳng khác tại các quốc-gia công-giáo, đức Khâm-mạng Tòa Thánh đương-nhiên là Niên-trưởng Ngoại-giao đoàn, mặc dù tới sau các ông Đại-sứ khác.

Người Pháp được thông-thả hành nghề: y-sĩ, nha-sĩ, kỹ-sư, thương-mại. Tại Sénégal, Tổng-trưởng Tài-chánh kiêm Kinh-tế nguyên là một nhân-viên cao-cấp trong « ngạch cai-trị thuộc-địa » người Pháp nhập quốc-tịch Sénégal, có lẽ vẫn còn giữ cả quốc-tịch Pháp.

Tại Liên-Hiệp-Quốc, tại các Hội-nghị quốc-tế, mặc-dù không có một qui-lệ nào cưỡng-bách hay khuyến-cáo nào hướng dẫn, nhưng quan-điểm của Pháp rất dễ được những đại-diện các quốc-gia Cộng-đồng tán-thành, ủng-hộ.

Kỹ-nghệ Pháp đầu tư, thương mại Pháp hoạt-động, dễ-dàng, thâu lợi. Thành-thủ một mặt quốc-gia Pháp viện-trợ, thì mặt khác, các tư-nhân Pháp thâu lợi, và chuyển một phần lợi về nước. Và dân giàu, ấy là nước mạnh...

Về văn-hóa, các trường Pháp không những hoạt-động tự-do, mà còn được chánh-quyền địa-phương khuyến-kích. Có nhiều ban Đại-học giảng-dạy chương trình như ở Pháp, và bằng-cấp được Bộ Giáo-dục Pháp công-nhận hoàn-toàn giá-trị.

Tại nhiều nơi, các bảng chỉ-dẫn, các biển ghi tên phố, đều bằng Pháp-ngữ. Du khách tới nơi, quên-lãng, có thể vô-

tình ngộ-nhận mình đang đi trên mặt đường phố tỉnh-ly Pháp.

Tại Dakar, đặc-biệt, ngoại-trừ một vài đường phố mang tên nhân-vật lịch-sử hoặc chánh-trị địa-phương, còn tối đại đa-số vẫn mang tên Pháp. Không phải chỉ có tên những văn-sĩ thời-danh, những nhà khoa-học cứu-nhân, y-khoa độ-thể, như Anatole France, Victor Hugo, Pasteur, Yersin, Calmette..., mà còn cả các nhà phiêu-lưu thám-hiểm đã đi chiếm-cứ lãnh-thổ, các nhân-vật nước Pháp hay các "quan cai-trị" cũ: Faidherbe, Jules Ferry, Félix Faure, Van Volenhoven, Albert Sarraut... Và ta cũng không ngạc-nhiên khi biết tổng-số Pháp-kiều làm ăn buôn bán tại Sénégal lên tới 25.000, tại một quốc-gia dân-số 3.800.000 người. Nghĩa là trung-bình, trên toàn-quốc, trong số 160 người là có một người dân Pháp...

*
*
*

5 — Trên đây, có đề cập đến khía cạnh tình-cảm. Thật đúng như vậy, mà trường-hợp phong phú nhất là tại Sénégal. Bề ngoài là Tổng thống Pháp (Chủ-tịch Cộng-đồng) thăm-viếng Cộng-hòa Sénégal, để đáp lễ, chào hỏi, đàm-đạo, theo nghi lễ... Nhưng bề trong còn là Georges Pompidou thăm-viếng Léopold Sédar Senghor: hai người bạn học đồng trường, đã từng phen «mày tao chi tớ» (6). Và sau khi ra trường, không những vẫn giữ được mối tình bạn thân-giao, mà còn vun-sới trau dồi, khiến thêm đậm-đà, thắm-thiết.

Chúng ta hãy chứng kiến cuộc tiếp-đón «tuy ngoài là lễ, nhưng trong là tình», cùng là nghe hai vai chủ động tâm-sự hay tuyên-bổ.

Tác giả những dòng này thú thực là đã được coi hay dự nhiều cuộc tiếp-đón thật long trọng, mà chưa bao giờ gặp một trường-hợp nồng-nhiệt ân-tình đến vậy. Từ hai tháng trước, thành-phố được tích-cực «điểm phấn tô son», đường-xá được sửa-sang thắm cỏ được vun-trồng. Rồi ngày đại-hội tới... Các băng khẩu-hiệu căng ngang phố, công chào cho mỗi chặng đường khoảng hai hay ba trăm thước, trên suốt lộ-trình từ phi-trường vào thủ-đô, dài lối hai mươi mấy cây số. Tại các đường phố ớn, cờ quạt rợp trời. Mười ngàn thước vải in hình Tổng-thống Pháp và Tổng-thống Sénégal để các thiếu-nữ may áo mặc, hay phất theo chiều gió. Đoàn xe đi nghênh-tiếp, ngoài «mô-tô», xe hơi có tới gần trăm chiếc, còn là hai toán kỵ-binh: toán mang nhung-phục màu xanh, và toán mang nhung-phục màu đỏ.

Tỉnh Dakar dân-số chưa tới 600.000, mà có tới 200.000 người, (nghĩa là 1/3 dân-số), ra đường chào-đón, hoan-hô, vừa nhảy múa vừa ca hát các điệu cổ-xưa của từng bộ-lạc.

Sau một buổi lễ, từ trong Tòa Thị-sảnh ra, Tổng-thống Pháp muốn đi bắt tay những người dân chất-phác đứng chào ở bên đường: ông bị bao vây, ai ai cũng cố rờ tay vào áo khách, khiến sau cùng ông phải trở lên xe về dinh Tổng-thống. Tại công-trường Độc-lập, mặt tiền cao ớc, có hai lá cờ Pháp và Séné-

(6) Câu chuyện làm tôi liên-tưởng đến một buổi họp mặt của các cựu học-sinh trường Bưởi. Cảm-động, thân-tình:

Chẳng Cự chẳng Ông: trò Bưởi cũ,
Rằng Anh, rằng Tớ: quý Hồ Tây..

gal, treo dài che phủ cả 7 tầng lầu...
Tượng tượng hai lá cờ đỏ bị gió mùa thổi mạnh rơi xuống đất, tất chẳng tránh khỏi oan-gia. án-mạng...

Cả khách lẫn chủ đều ngụ tại dinh Tổng-thống. Những buổi dạ-tiệc, dạ-hội, tiếp-tân, văn-nghệ... linh-đình long-trọng, mà vẫn thân-tình, được tổ-chức trong suốt thời-gian thăm-viếng.

Một tiệm ủi, nhuộm và giặt khô, do một thiếu-phụ Pháp chủ-trương, nơi đại-lộ trung-tâm thành-phố. Trên tấm kính cửa hàng, bà chủ tiệm vô-tình trưng hình Tổng-thống Georges Pompidou khách quý ngay dưới dòng chữ « Nettoyage à sec ». Và phía bên, bà chủ tiệm lại vô-tình (vì đứng từ trong nhìn ra trong khi chữ đọc từ ngoài vào) trưng hình Tổng-thống Senghor (Hắc-chủng) ngay trên dòng chữ « Blanchissage »... Một khách bộ-hành Sénégalais đi qua, nhận thấy, cười hóm-hỉnh, rồi đẩy cửa vào nói những gì với bà chủ tiệm. Một lát sau, cả hai tấm hình đều được cắt vào trong, và hai quốc-kỳ được treo trên cửa ra vào, ngoài mặt phố...

Tại phi-trường Yoff Dakar, Tổng-thống Senghor đón khách tuyên-bố : « với cả một tấm lòng » (Avec notre cœur !). Tổng-thống Pompidou trả lời : « biết bao nhiêu kỷ-niệm » (Tant de souvenirs !)

Ngoài những vấn-đề trọng-đại liên-quan tới vận-mệnh của hai quốc-gia, cả chủ lẫn khách đã có dịp ôn lại những kỷ-niệm xa-xưa, thời-kỳ còn cùng là học-sinh trường Louis-le-Grand, và sau này, trường Cao-đẳng Sư-phạm Paris. Ra trường, hai thanh-niên đã từng phen hẹn-hò rạo bước nơi vườn Luxembourg ở Paris, hay bên bờ sông Loire tỉnh Tours, để đàm-luận về chủng-tộc,

về chánh-trị, về hiện-tại, về tương-lai... Còn gì cảm-động và ý-nghĩa cho bằng, ngày nay, cả hai đều giữ trách-nhiệm tối-cao của nước mình, quan trọng như nhau, mà lại có tương-quan mật-thiết. Trong tay mỗi người đang cầm vận-mệnh quốc-gia, khiến khi gặp nhau chánh-thức, tuy bề ngoài lễ-nghi trang-trọng, mà trong thâm-tâm tế nhị, tránh sao khỏi rung-động với các tình các ý tha-thiết chân-thành, như những buổi thiếu-thời?...

Ông Léopold Sédar Senghor tuyên-bố với các báo-chí : « khi hai người bạn gặp nhau, thật là hạnh-phúc ». (Quand deux amis se rencontrent, c'est un instant de bonheur.) Rồi tự-nhiên và hồn-nhiên, ông nhắc đến ông Phạm-Duy-Khiêm là bạn đồng-học thân-thiết của ông cũng như của Tổng-thống Pompidou : « Senghor Pompidou và Phạm-Duy-Khiêm đã sớm trở nên một bộ ba bạn chí thân » (Senghor, Pompidou et Phạm-duy-Khiêm forment aussi-tôt un trio d'amis.)

Một nhà báo nêu câu hỏi ;

— Hai vị là bạn chí thân. Vậy Tổng-thống có tin rằng tình bạn có ảnh-hưởng ích-lợi cho Sénégal, về hai phương-diện viện-trợ và cộng-tác ?

Và Tổng-thống Senghor đã đáp lời :

— Chúng tôi lo việc ích chung cho cả hai quốc-gia Lẽ dĩ-nhiên là tình bạn có thể đôi khi san bằng nhiều trở-ngại. Nhưng từ đó để kết-luận rằng Tổng-thống Georges Pompidou có thể thiên-vị, đi ngược với quyền-lợi nước Pháp để dành đặc-ân biệt-lệ cho Sénégal, tôi tin rằng điều đó không thể xảy ra. Và chẳng, thật bất-xứng nếu các nhà lãnh-đạo lại mong muốn hay chấp-nhận một sự-

thể như vậy... (S'il y avait eu entre la France et le Sénégal quelques nuages, je pense que cette amitié aurait contribué à les dissiper, car la politique est faite par des hommes. Mais la politique est faite, d'abord, pour des raisons d'Etat, pour l'intérêt des nations... On aurait pu penser que cette amitié personnelle allait donner à la coopération franco-sénégalaise je ne sais quel caractère privilégié. Il eut été indigne d'hommes d'Etat de le vouloir ou de l'accepter..)

Về phần Tổng-thống Georges Pompidou cũng có những ý-nghĩ và tuyên-bố tương-tự. Tổng-thống Pompidou mà Quốc-hội Sénégal ca-ngợi là « luôn luôn chấp-nhận và thực-hành những đức-tính chân-chánh, nghĩa là những giá-trị đạo lý và văn-hóa », (admettant et pratiquant ces seules et véritables vertus que sont les valeurs morales et intellectuelles).

Ô. Cissé Dia, Chủ-tịch Quốc-hội Sénégal, trong bài diễn-văn chào đón Tổng-thống Georges Pompidou đã nhắc lại một đoạn của T.T. Georges Pompidou trả lời nhà báo như sau :

— Chẳng phải vì tò-mò chuộng lạ, mà tôi đã hướng tới bạn L. S. Senghor,

cũng như tôi hướng tới người bạn chung của chúng tôi là Phạm-Duy Khiêm. Lẽ tất-nhiên, tôi giàu lòng cảm-mến đối với người từ phương xa tới, mà lại thấu-hiểu văn-hóa của chúng tôi, không phải chỉ riêng Âu-châu mà còn cả La-tinh Hy-lạp. Dầu sao, với thời-gian, *ba chúng tôi càng trở nên thân-thiết*. Không một chút khó-khăn, tôi nhận thấy ở các bạn tôi một thái-độ kiêu-hùng, hãnh-diện vì dân-tộc và tha-thiết với đất nước, mặc dầu rất thắm-nhuần văn hóa của Âu-châu và nước Pháp... (C'e n'est pas la curiosité de l'exotisme qui m'attira vers lui (L.S. Senghor), non plus que vers notre camarade Pham-Duy-Khiem. A coup sur, l'estime pour quelqu'un qui, venu de si loin, avait parfaitement assimilé notre culture, non seulement française, mais grecolatine... Toujours est-il que nous nous sommes liés étroitement au fil des années. Je rencontrais ainsi, sans peine, son orgueil d'homme fier de son peuple et amoureux de son pays, même s'il était imprégné de culture européenne et française...)

PHẠM LƯƠNG GIANG

9-2-71

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin anh NGUYỄN XUÂN THANH Cao-học điện-tử vâng lệnh 2 Bác (ông bà Nguyễn Xuân Phiếm — Huế) kết duyên với cô HOÀNG THỊ BÊ, sinh viên, ái nữ ông bà Hoàng văn Đê (Paris).

Hôn lễ sẽ cử hành tại Paris ngày 23 tháng 2 năm 1971 tức 28 tháng Giêng năm Tân Hợi.

Xin có lời mừng 2 Bác và chúc cô dâu chú rể một đời Hạnh Phúc.

VĂN THANH — HOÀNG OANH
10, Cư xá K.O.C Tân Định Saigon

Một người Gia-nã-đại và nghệ thuật của Phạm-Duy

Diễn trình của một sự nghiệp

*Từ lòng vực sâu thẳm nhất
tôi sẽ tiếp tục tạ ơn đời*
NIETZCHE

Trên đường việt tiến

Như tương phản với bức bích họa lớn của năm 1960, trong năm 1961 Phạm Duy cống hiến cho chúng ta một loạt những thi nhạc phẩm nhỏ nhắn, tinh vi. Những bài *Xuân Ca*, *Bài Ca Trắng*, *Bài Ca Sao* và *Những Bàn Chân* ra đời — ca khúc sau cùng này lại không phải là một bức tiểu họa mà là một thứ tranh màu rất mạnh mẽ; lời thơ rần rỏi và đầy ý nghĩa, nét nhạc vững vàng về kỹ thuật đã cho tác phẩm một đặc tính riêng — Rồi lại những bản *Nước Chảy Bon Bon*, *Ngày Em Hai Mười Tuổi*, rồi *Nước Mắt Rơi* với một giọng sâu thu hút, và cuối cùng là *Ngậm Ngùi* — Bài thơ đẹp đẽ của Huy Cận đã gợi hứng cho Phạm Duy hoàn thành một trong những khúc điệu đặc thù nhất của mình, một khúc điệu vừa nồng-nàn vừa tinh tế, với lối xây dựng đặc biệt chu đáo.

Mặt khác, nếu trong cùng năm ấy Phạm Duy đã cho ra đời các bản dân ca cổ truyền miền Bắc mà ông đã

suu tầm từ những năm trước như *Ởi Hoa Đẹp*, *Trèo Lên Quán Giốc*, *Qua Cầu Gió Day*, *Cây Trúc Xanh*, *Hái Hoa*, thì vào năm 1962 ông lại cho xuất bản những bài *Một Mẹ Trăm Con*, *Ngày Mùa*, *Chiêng Trống Cồng*, *Hát Đôi*, *Về Đồng Bằng*, *Anh Mau Về*, những dân điệu Jarai, Thái, Takua và H'rê mà ông đã viết thêm lời mới. Tiếp theo đó, lại là những bài dân ca khác của miền Bắc: *Hát Ru*, *Chuồn Chuồn*, *Se Chỉ Luồn Kim* và *Trấn Thủ Lưu Đồn*, *Lơ Thơ Tơ Liễu* — hai bài sau này, xin nói cho rõ, vốn ghi phỏng theo những điệu hát chèo ở miền Bắc, điệu hát mà Phạm Duy đã luyện tập từ ngày bé và ban nhạc A.V.T. đã canh tân ít nhiều, một cách rất linh động, trong lối trình diễn theo kiểu khôi hài của họ.

Nhưng trong lúc ấy, nghệ thuật của nhạc sĩ không ngót sâu sắc thêm, và cũng vào năm 1962 Phạm Duy hiến cho chúng ta bài *Mộ Khúc*, lời thơ

của Xuân Diệu : đây là một bức thủy thái họa của bức thầy, màu sắc mờ nhạt, tinh vi, với vẻ đẹp mê ảo của phái ấn tượng. Và lại còn bài *Tâm Sự Gửi Về Đâu*, thơ của Lê minh Ngọc : tác phẩm trữ tình nồng nhiệt và say mê này là một trong những nhạc phẩm cảm động nhất của Phạm Duy

Trong năm 1963 lại có bốn bài hát mới, bắt nguồn từ dân ca hay có dáng dấp dân ca là : *Xuân Buôn Thượng*, *Mẹ Gọi Con*, *Anh Hỡi Anh Cũ Về* và *Miền Nam Lửa Sống*. Phần thơ của các tác phẩm này nhuốm vẻ giản dị rất gần dân chúng, nhưng phần nhạc thì trái lại, chứa đựng muôn vàn tinh vi tế nhị, chứng tỏ thiên tài sáng tạo bất tận của tác giả. Tiếp theo là *Truyện Ca Quán Bên Đường* — thơ của tác giả vô danh — ở đây từ một mẫu nhạc khởi sơ nhỏ bé, Phạm Duy đã xây dựng cả một công trình khá mạnh mẽ và đa dạng, về phương diện nhạc điệu cũng như về phương diện tiết điệu và hòa điệu.

Nhưng năm 1963 ấy lại đặc sắc ở chỗ đã hướng nhạc sĩ về một kinh nghiệm sáng tạo khác : đề thỏa mãn nhu cầu của hai cuốn phim, tác giả đã soạn hai tiểu ca kịch : *Chức Nữ Về Trời* và *Tấm Cám*. Hình như các tác phẩm này không được quảng đại quần chúng biết đến mấy, tuy nhiên — tôi đã nhấn mạnh ở bài trước — đó là những chứng cứ về thiên tài uyển chuyển và đa diện của Phạm-Duy. Kinh nghiệm sáng tác này có phần khó khăn và táo bạo đối với chàng nhạc sĩ của chúng ta, nhưng nhạc sĩ vẫn vượt qua vẻ vang. Dĩ

nhiên đây là những tiểu ca kịch theo lối Phạm Duy, nhưng lúc nào cũng đầy những vẻ đẹp dễ, duyên dáng ! Phạm Duy thật là tài tình !

Trong năm 1964 xuất hiện *Tôi Còn Yêu Tôi Cứ Yêu* — tác phẩm cảm động và đầy ý nghĩa — và *Tuổi Trẻ Bất Khuất*. Nhưng bản đại hợp phò của Phạm Duy trong năm ấy là thiên *Trường Ca Mẹ Việt Nam*. Đây là một tác phẩm vĩ đại, một phép lạ về sự đổi mới bản thân, một tuyệt đỉnh của chất trữ tình trong thơ và nhạc Phạm Duy lúc bấy giờ. Nếu bản liên hợp phò *Con Đường Cái Quan* đã đẹp dễ và tuyệt hảo một cách lạ lùng, thì bản liên hợp phò *Mẹ Việt Nam* mới lại càng thâm trầm hơn và vĩ đại biết bao, hoàn toàn hơn biết bao ! Từng trang từng trang, hết trang trọng đến lâm ly, hết băng khuâng lại buồn thảm, rồi rạng rỡ khai phóng và hân hoan. Sức viết tiến thật là khiếp ! Ngôi tuệ tinh năm 1960 đang biến thành một mặt trời, và những tia nắng mạnh mẽ xuyên thủng bầu không khí Việt Nam mỗi lúc một u ám thêm của khoảng giữa những năm sáu mươi vậy...

* * *

1965, Phạm Duy soạn *Huyền sử ca Một Người Mang Tên Quốc* — bài hát có khúc điệu vừa kiêu hãnh vừa cao nhã ấy chắc chắn là một trong những nhạc phẩm mạnh mẽ nhất của Phạm Duy vào giai đoạn này — nhưng tác giả đã cho chúng ta thấy mức độ nghệ thuật về khúc điệu và hòa điệu của ông cao đến bậc nào trong bức miêu thần thạch *Mùa Xuân Yêu Em*

thơ của Đỗ qui Toàn. Với âm thề mibémol trường rạng rỡ và luôn luôn đặc ý đối với Phạm Duy, nhạc sĩ đã xây dựng một khúc điệu chuyển biến linh động rất trác tuyệt, vô cùng tế nhị tinh vi. Lối hòa âm của khúc điệu phong phú và tân kỳ, gần như của Debussy, nhưng một Debussy ở Việt Nam, lối hòa âm ấy không phải không liên hệ với những hòa âm của *Sông Mẹ* và *Biển Mẹ*, hai phần cuối cùng trong *Mẹ Việt Nam* lúc bấy giờ hãy còn mới mẻ trong trí nhớ của Phạm Duy.

Nhưng trong lúc ấy thì Việt Nam mỗi lúc mỗi biến thành xứ sở của đau thương và tan tác. Và trước cuối năm ấy, *Mười Bài Tâm Ca* ra đời... *Tâm Ca*! — Tất cả nhạc phẩm Phạm Duy há không phải là tiếng hát của con tim, rồi sao?! — Tiếng kêu của con tim của cõi lòng khốn khổ của một con người, của một nghệ sĩ đã sống từ hăm lăm năm giữa một thế giới bạo động và khổ đau. Đây là những cái nhìn bi thảm nhưng đầy mến thương của một người muốn cố gắng nhận rõ niềm khổ đau *đích thực* của dân tộc mình, những cái nhìn sắc bén của một người muốn cố gắng nhận diện kẻ thù *đích thực*, những cái nhìn băng khuâng hay suy tư của một người đang thắc mắc về cuộc sống về cái chết, về định mệnh, những cái nhìn khinh khoái hơn hay tươi vui hơn của một người đang *từ đáy thăm của vực sâu, vẫn tiếp tục tạ ơn đời*. Đây là những khúc điệu phần nhiều lượm về giản dị trơ trụi và cũng cảm kích nữa — Cái giản dị và trơ trụi ấy đối với Phạm Duy nó bất thường đến nỗi khi ông mới soạn một bài *Tâm Ca*

thì có kẻ đã tưởng ông «cạn nguồn nhạc hứng». Cái giản dị và trơ trụi của phần nhạc điệu trong một số bài *Tâm Ca* ấy hiển nhiên là do tác giả cố ý, bởi vì nếu không phải thế thì làm sao cắt nghĩa được sự *phong phú* về khúc điệu cũng như về hòa điệu trong các bài *Tâm Ca mới*, soạn ra sau này vào những năm 1966 và 1968, như *Nhân Danh*, *Bi Hải Kịch*, *Những Gì Sẽ Đem Theo Về Cõi Chết*, *Đi Vào Quê Hương*, *Chuyện Hai Người Linh* và *Trả Lại Tôi Tuổi Trẻ ???* (Trong những bài *Tâm ca mới* này có bốn bài không được xuất bản, vì những lý do mà người ta có thể đoán biết dễ dàng...) Phần lời thì cô đọng và phong phú, phần nhạc lại giản dị và trơ trụi: chỗ tương phản nghệ thuật, do chính sự cố ý của Phạm Duy ấy, thực ra chỉ làm cho mười bài tâm ca đầu tiên thêm phần ác liệt.

Mười Bài Tâm Ca được quần chúng và phần lớn các nhà phê bình Việt Nam đón tiếp với nhiều xúc cảm và cảm tình, nhưng có lẽ cũng không nên lấy làm ngạc nhiên về chuyện một vài kẻ đã tìm cách bôi đen tiếng lòng của Phạm Duy, và có lẽ cũng không nên lấy làm ngạc nhiên về chuyện các bài *Tâm Ca* đã bị mấy nhóm chính trị lợi dụng để trút tội lỗi chiến tranh lên đầu nhà cầm quyền hiện tại (Dường như rồi cũng mấy nhóm chính trị này làm lại những trò ấy đối với Trịnh công Sơn...) Tuy nhiên tất cả những chuyện ấy không dính dấp gì đến mục đích của Phạm Duy khi ông soạn *Tâm Ca*. Con người vốn tương đối ít chịu giải thích về các hoạt động nghệ sĩ của mình đó

một hôm đã viết cho tôi những giòng đầy ý nghĩa : ... tôi không muốn làm lợi khí của bất cứ bên nào. Tất cả những điều tôi muốn nói đều đã được nói ra trong các bài tâm ca hay trường ca, tôi không muốn vênh vang một thái độ trong các tác phẩm ấy, tôi chỉ muốn phô diễn một lời than thở... Ở đây tất cả dân tộc bị khiếp đảm vì cuộc chiến tranh kéo dài từ ba mươi năm nay. Ai cũng muốn tìm nơi lẩn trốn, nhưng sự ra đi không phải chuyện dễ dàng, cho nên người ta hóa ra tù túng, ngờ vực và đôi khi bạo ngược nữa ! Người ta không có thì giờ để học hỏi, để đoàn kết, để giáo dục nhau... Mười Bài Tâm Ca ra đời là để chống lại sự vong thân ấy !... Tôi không muốn nói gì thêm vào những lời này !

1966 Phạm Duy ít nhiều bị nhốt trong chiếc lồng son của các *Tâm Ca*, cố gắng vùng vẫy để thoát ra. Do đó mà có các bài *Via Hè Ca*. Chắc chắn là tôi không dám trách Phạm Duy đã soạn ra mấy bài hát thông tục ấy. Trái lại còn than phục con người đã ráng cười qua nước mắt, đã cố gắng làm vơi nỗi khổ đau của mình bằng một cách thức tâm thường hơn. — Mặt khác, làm sao mà một số người Việt Nam lại tố cáo Phạm Duy nhất là về vấn đề các bài *Via Hè Ca*, đã nhận tiền của ngoại nhân (!) để làm những bài hát vui, hồng hỏa lấp những nỗi đau thương của dân tộc Việt Nam» được nhỉ ??? Thật là chuyện giả dối vu cáo tội tệ !!! Phạm Duy há chưa nói khá đầy đủ về những nỗi đau thương và thăng trầm của dân tộc hay sao để

người ta phải kết tội ấy muốn «khỏa lấp» những đau thương của dân tộc mình và, tệ hơn nữa, còn để «nhận tiền bạc» nữa à ?! — Thế Uyên cũng đã nhận thấy, Phạm Duy là một nghệ sĩ không chịu bị *phồng hóa*. Đó là một người chỉ hoàn toàn là mình, đó cũng là một người hoàn toàn hợp lý với chính mình. Vì vậy, theo tôi thì những bài *Via Hè Ca* ấy là những giây phút chân lý mà Phạm Duy không muốn phổ biến bằng cách nào khác hơn. Và lại, mặc dù người ta không thể xếp các bài ấy vào hàng tuyệt phẩm, tuy nhiên chúng vẫn có rất nhiều nét duy nhất đáng và linh hoạt. Tác giả đã có lần bao : «khuôn mặt mờ nhạt của Phạm Duy, có lẽ, nhưng đó vẫn là những khuôn mặt.» Phạm Duy có lẽ phần nào giống như những con hải điều to lớn nọ, lượn trên tầng cao thì tài tình nhanh nhẹn, nhưng một khi xuống đất thì lại có dáng điệu lúng túng vụng về. Tuy vậy Phạm Duy vẫn đi được, và, tôi có cần nói thêm chăng, dù sao vẫn đi một cách đẹp đẽ hơn là những loài du cầm kẻ trên.

Tiếng cười có lẽ không phải là sở trường của Phạm Duy — Ở đây tôi không muốn bảo rằng con người ấy không biết cười và luôn luôn sống trong niềm lo hãi của đau buồn : trái hẳn lại. Có lẽ nên nhớ rằng Phạm Duy quả là con của cụ thân sinh ra mình, ông Phạm Duy Tồn, nhà văn, nho sĩ Khổng giáo, đầu tiên đã dám viết cả chuyện *tục tũu*, ông Phạm Duy Tồn mà một số báo Văn Học gần đây dành riêng cho văn chương hài hước

(Xem tiếp trang 84)

Bốn chặng huyền sử nước Nam nền tảng và triết lý

5) Việt-Hồng

a) *Khu vực*: Theo những lý chứng âm u rút ra từ huyền sử thì ta có thể ước đoán địa vực thời Việt-Hồng nằm trong miền Thục-Sơn. Theo nhiều học giả hiện nay (1) thì Thục-Sơn là trung tâm đầu tiên của nền văn hóa Nho-Việt. Điểm này hợp với điều đã nói trong Việt lý tổ-nguyên (tr. 53) là Miêu-tộc vào đất Tàu trước nhất theo triền sông Dương-Tử, phát nguyên từ núi Dân Sơn trong miền Ba-Thục, vì thế cần phải xem nó liên-hệ với nước ta như thế nào, vì mối liên-hệ có mật-thiết thì Việt-Nho mới có nền-tảng, vậy theo huyền-sử chúng ta nhận thấy ít ra ba lần liên-hệ như sau:

— Lần thứ nhất gắn liền với Toại-Nhân, thời biết dùng lửa. Toại-Nhân cũng ở vùng Thục-Sơn và huyền-sử cho là ngài có xuống tới Nam-Thùy mà các học-giả đoán là Vân-Nam và Bắc-Việt. Trong thực-chất có nghĩa là sự dùng lửa phát ra ở Thục-Sơn rồi lan tràn xuống đến Việt-Nam.

— Lần thứ hai là lúc Đế-Minh cháu ba đời Thần-Nông tuần thú phương Nam lấy Vụ-Tiên trên Ngũ-Linh. Thần-Nông kỳ thủy cũng cư ngụ ở Thục-Sơn hiểu là nghề Nông đã được phát-minh từ Thục-Sơn rồi truyền-bá xuống Việt-Nam,

— Lần thứ ba là An-Dương-Vương người Ba-Thục đánh lấy nước Văn-Lang gồm vào với một số đất-đai cũ của mình và cải tên là Âu-Lạc. Đó là đại đề ba lần nhắc đến mối liên-hệ giữa Thục-Sơn và Việt-Nam. Hễ cái gì phát minh ở Thục-Sơn thì cũng truyền xuống đến Việt-Nam liền: lửa, nông-nghiệp, quân-sự, văn-hóa... Vì thế có thể nói văn-hóa Thục-Sơn và Việt-Nam là một.

b) *Nội dung*: Giai-đoạn đầu-tiên khai sáng văn-minh này gọi là Việt-điều hoặc Hồng-Bàng (2). Ở lúc đầu rất có thể điều là vật tổ, về sau tiến-bộ thêm thì vật-tổ biến ra vật-biểu, tức là làm biểu-tượng cho tiên nên tiên đi đôi với chim, vì thế khi tu tiên đắc-đạo cũng gọi là «mọc cánh», chữ Nho kêu là Vũ-hóa, nói kiểu bình dân là biến ra hạc trắng nên Bạch-hạc được coi là chim cõi tiên.

Có thể giai đoạn này được manh-nha ở thời Phục-Hi và Nữ-Oa, nhiều sách nói cả hai ông bà đều có họ Phong-Phong là núi nơi ở của tiên và chim. Ta có thể ngờ rằng đã có mối liên-

(1) Ở đây chỉ là tóm lược một phần nhỏ tập « Bốn chặng huyền sử nước Nam » xuất bản trong tập « Triết lý cái đình », phải đọc ở đó mới có xuất-xứ.

(2) Chữ Bàng là nhà lớn có thể gợi ý do thời mới sáng chế ra nhà gọi là « Hữu Sào »

hệ nào đó giữa giai-đoạn Việt-điều này với những hình người giắt lông chim thấy được trên một số trống đồng (1) hoặc có liên-hệ với Cửu-Lê mà huyền-sử nói là có cánh nhưng không biết bay, hoặc những thổ-dân mang lông chim bên Mỹ-Châu như Astèque là dân có những yếu-tố văn-minh chung với Viễn-Đông như giáo có hình chữ nhật và bán nguyệt (xem Việt-ly tổ-nguyên tr. 46). Khi sách nói: «*Âu-Cơ đưa 50 con lên núi Phong-Châu ở Bạch-Hạc*» thì nên hiểu theo huyền-sử với ý nghĩa Phong-Châu là núi, còn Bạch-Hạc là chim mà khỏi cần đưa trí khôn đến Phú-thọ. Phú-thọ chỉ là nét tùy phụ sau mượn tên trước. Trong Kinh-Dịch quẻ Lữ nói đến lửa trên núi (hỏa sơn lữ) thì có thể hiểu vào giai-đoạn Toại-nhân này, cũng như lối làm ruộng đốt rẫy mà Lĩnh-Nam gọi là «*đào canh hỏa nậu*» (giáo sư Wiens dịch là Fire-Field). Hầu chắc vì những mối liên-hệ đó với lửa mà có tên nước là Xích-Quy vì Xích thuộc lửa. Đây là giai-đoạn đầu đi với những vật-biểu như chim, núi, lửa. Sẽ tiến tới giai-đoạn sau là xà, long, hải, thủy gọi là Việt-Long.

6) Việt-Long

a) *Khu vực*: Giai-đoạn này vận-hành trên hai châu Kinh và châu Dương. Châu Kinh cũng gọi là Kinh-Man sẽ mang tên nước Sở thời Xuân-Thu. Còn trước đó là quê-hương của tiên-tổ ta xưa. Huyền-sử ghi rằng con Đế-Minh là Lộc-Tục làm vua phương Nam hiệu là Kinh-Dương-Vương lấy Long-Nữ đẻ ra Lạc-Long-Quân. Lạc-Long-Quân lấy Âu-Cơ đẻ

ra Hùng-Vương. Hùng-Vương cai-trị nước Văn-Lang. Như thế Hùng-Vương là con đẻ của Tiên-Sơn Nhân và Long-Thủy-Trí. Hai đàng Nhân Trí giao thoa đẻ ra con rất hùng dũng nên lấy hiệu là Hùng-Vương. Còn chữ Kinh-Dương-Vương xác-định bờ-cõi Việt-Long là hai châu Kinh và Dương nằm dài ở bờ Dương-Tử-Giang có lẫn là biên-cương của nước Kinh Sở hay Kinh-Man.

b) *Nội dung*: Giáo sư Wiens ghi nhận «*về nguồn gốc sử liệu thì nước Sở vẫn liên-kết với Việt cũng như với các dân hai nước Ba và Thục*» (Wiens 80). Chính vì mối liên-hệ mật thiết đó mà cả hai nước Việt và Sở xưa kia là một, nên Hùng-Vương nước Sở được dùng làm vua huyền-sử nước Văn-Lang. Chữ Văn gồm hai nét trời đất giao hội (xem Việt-ly tr. 364) ở đây là tiên rồng gặp nhau đẻ ra con là Hùng-Vương. Hùng-Vương là đức dũng sau trí và nhân.

Trí giả nhạo thủy: nên Lạc-Long-Quân ở thủy phủ.

Nhân giả nhạo sơn: nên Âu-Cơ đưa 50 con lên núi. Như vậy xét về cơ-cấu uyên nguyên thì triết-ly Việt-Nho đặt cơ-sở xong ở giai-đoạn hai này gồm cả Rồng thêm vào Tiên ở giai-đoạn nhất. Nhờ đó đã gây nên một thời hoàng-kim quân-bình kéo dài trên hai ngàn năm với 18 đời Hùng-Vương. Vì thế tiên-nhân coi là tổ thì phải hiểu

(1) Mỹ-Châu cũng theo tục giắt lông chim trên mình. Còn chữ Vụ-tiên viết được hai lối là chỉ sao và là một loại chim nước. Cả hai đều có ý nghĩa.

là *văn-tổ* tức tổ tron-ven mà J. Legge dịch là «The accomplished ancestor», cai-trị nước Văn-Lang gồm 15 bộ trong đó có bộ Bình-văn... Thời này sẽ dứt với nhà Thục mà ta không cần hiểu vào năm 257-208 mà chỉ cần ghi lại sự sụp đổ của nước Văn-Lang. Rồi Văn-Lang có phục-hưng ở văn-minh Loa-Thành. Nhưng rồi Loa-thành sụp đổ đối với Trọng-Thủy từ phương Bắc đem óc xảo-quyết vào. Đây là quãng mở ra giai-đoạn sau là Việt-Ngư và Việt-Tượng.

7) Việt-Ngư

a) *Khu-vực*: Giai-đoạn này cũng gọi được là Việt-Chiết-Giang thu gọn vào Châu Dương còn Châu Kinh thì đã mất. Huyền-sử hầu như không nói đến giai-đoạn này bởi một là đã đi vào sử nhiều rồi, hai là phần lớn người làm ra nước Việt-Nam đã đến từ miền Châu-Kinh. Còn những người từ miền Châu-Dương hay Chiết-Giang mà xuống thì vừa ít vừa đã qua giai đoạn quyết định cho nước Việt, nghĩa là nước Việt đã có thể-chế của một quốc-gia như ngôn-ngữ và thói tục riêng. Lẽ thứ ba là lúc ấy Việt-Nho đã bị Bắc-phương biến-chế và truyền bá lan rộng, nên huyền sử có lý đề gọi giai đoạn này là «tam ngư» tức giai đoạn chịu ảnh hưởng của Bắc phương thuộc hành thủy quê quán của loài cá.

b) *Nội dung*: Gọi là cá vì lý do khác nữa đó là lúc ấy Việt-Chiết-Giang giỏi nhất trong thủy-chiến. Người ta nhận thấy vùng này có lối trang trí nóc nhà bằng hình con cá,

về sau lan rộng lên Lạc-Dương cũng như truyền xuống tới Việt-Nam (xem tạp chí *Sử Địa* số 4, 1966, tr. 93). Có lẽ đó biểu-hiệu cho nước Việt thời «tam ngư» vì đã làm chúa tể suốt dọc miền duyên hải nước Tàu với đoàn chiến thuyền lớn nhất thế-giới. Lúc ấy chưa có Đế-quốc Trung-Hoa mà chỉ có 4 nước lớn là Tề, Tần, Sở, Việt, trong đó có lúc Việt mạnh nhất. Thế nhưng sau thời Câu-Tiền thì hết vua tài đến đời Vô-Cương thì Việt thua nước Sở. Tuy nhiên sau này vẫn còn vùng vẫy nhiều lần nên đến đời Tần-Thủy-Hoàng phải phân ra ba quận là Nam-Hải, Quế-Lâm và Tượng-Quận. Tượng-Quận mở sang giai đoạn 4 là Việt-Tượng.

8) Tứ-Tượng

a) *Khu vực*: Có thể ví đó là giai đoạn 4 được gọi là Tứ-Tượng hoặc nữa là thời mà nước Việt-Nam mở rộng bờ cõi vào vùng có nhiều voi hoặc là thời tiếp xúc với văn-minh Ấn-Độ có đạo thờ thần voi gọi là «Ganesha» là vị thánh quan thầy cho mọi ngành thành tựu nên tất nhiên được sùng bái rất rộng. (Journal 268). Đây là giai đoạn Nam Việt với Triệu-Đà, một nhân vật có chân trong huyền-sử do vụ sai con là Trọng-Thủy đi ăn cắp nõ thần.

b) *Nội dung*: Đứng về Sử thì Triệu-Đà có thể coi như một cố gắng dẻo dai lập lại nước Văn-Lang xưa, bởi không những Triệu-Đà thiết-lập được một nước có nhiều độc lập chính-trị mà nhất là về phương-diện văn-hóa, vì trong một hành vi

cử chỉ ông đã từ bỏ lối Hán để tự đồng-hóa với người Việt: lấy vợ Việt, sống theo thói tục Việt, cai trị theo lối Việt, đặt quan chức toàn người Việt. Và khi đã mở rộng bờ cõi thì tự xưng là đại tù trưởng các dân Man-di (Wiens 136). Trong gần một trăm năm, Nam-Việt đứng riêng một nước, các vua kế tiếp đều lấy công-chúa Việt, nên người Việt trong ba quận được un đúc thành một khối vững mạnh có bản-sắc riêng. Xét như vậy thì Triệu-Đà quả có lòng thành với nền Việt-Nho nên được «Bách-Việt đáp ứng đứng dưới cờ» (Wiens 137) và dựng nên một nước mạnh làm ngạc nhiên phương Bắc (biểu lộ qua sứ-giả Đường Mông). Đó có thể là hình ảnh cuối cùng của một nước Việt Văn-Lang huyền bí, nhưng hình như vẫn chưa đến lúc phát triển trở lại nên rồi Triệu-Đà cũng như Câu-Tiễn xưa không có được người tài giỏi nổi nghiệp khiến cơ đồ phải sụp đổ vào tay Hán-tộc.

9) Nền móng triết-lý

Trở lên là tóm lược đại cương 4 chặng huyền-sử nước Nam với 4 địa vực hết sức cơ giản :

Giai đoạn Việt-Hồng là trục Ba-Thục Việt-Nam ;

Giai đoạn Việt-Hồng là hai châu Kinh-Dương Việt-Nam ;

Giai đoạn Việt-Ngư hay là Chiết-Giang Việt-Nam ;

Giai đoạn Việt-Tượng là Nam-Hải Tượng-Quận Việt-Nam.

Đó là những bờ cõi chập chùng trôi sụt không có gì xác định : càng

trở về xa xưa càng lu mờ hơn. Chúng tôi không có ý xác định cho bằng nhằm cảm một hai mốc giới để tìm hiểu được nền văn minh của nó. Đó mới là điểm then chốt.

Như trong đầu bài đã nói huyền-sử một dân nói lên nền Minh-triết của dân ấy. Nền Minh-triết của nước Việt-Nam cũng chính là nền Minh-triết của Kinh-Dịch mà then chốt nằm trong ba chữ âm-dương-hòa. Vì thế nên biểu-tượng căn-đề của Kinh-Dịch nói lên sự hòa đó bằng «trong âm có dương cũng như trong dương có âm». Có nghĩa là khi nào âm-dương-hòa thì đạt Minh-triết được hưng thịnh : còn khi âm-dương chia li là sa đọa «thiên địa bất giao nhi vạn vật bất hưng».

Đó là tóm lược nền Minh-triết của Dịch Kinh. Nếu xét kỹ sẽ thấy huyền sử nước ta đều hợp lực minh chứng chân-lý trên. Ở đây chỉ xin kể vài thí dụ. Trước hết tên nước là Văn-Lang thì chính chữ Văn đã nói lên hai nét âm dương giao hội (xem Việt-lý tr. 337).

Sau đó đến vật tổ cũng nói lên cùng một chân lý tức là tiên rồng. Tiên đi sát rồng nên ta quen nói «tiên rồng» nhập một và đó là nét đặc trưng của nước ta, một nước duy nhất trên hoàn cầu có hai vật tổ nối liền. Đó là một điều quý trọng biết bao khi chúng ta biết rằng nhân loại đã đánh mất nét gấp đôi tức trở nên con người một chiều : hoặc duy-vật hoặc duy-tâm. Không hiểu nguyên-ủy xa xôi đã có tự khi nào, chỉ biết các

nước trên thế giới đều chỉ có một vật tổ : nước Tàu là rồng, Nhật là mặt trời, Pháp là gà trống, Đức là phượng hoàng v.v... có lẽ đó là đầu mối sa đọa. Như thế nước nào có hai vật tổ nối liền thì cũng ngầm chỉ rằng nước đó có liều thuốc vạn-năng để chữa được bệnh thời-đại của mình. Đó là trường hợp vật-tổ của nước nhà. Hãn tiên-nhân đã nhận-thức sâu xa điều đó, cho nên cả đến vật-biểu cũng diễn tả chân-lý nền móng kia như sau :

Chúng ta biết rằng tiên có vật biểu (1) là chim vật bay trên trời ở trên núi ; còn rồng có vật biểu là nước là thủy phủ, sông hồ. Thế mà hai vật biểu đó lại xoắn xuýt lấy nhau như hai vật biểu tiên rồng. Tức cả hai đều nói lên nguyên lý nền tảng của Dịch-Lý là "âm trung hữu dương căn, và dương trung hữu âm căn" cho nên trong chim có nước, chữ Hồng trong Hồng Bàng có bộ thủy kép bởi chữ Giang và Điều, còn trong Rồng lại bao hàm trời nên rồng tuy ở thủy phủ mà cũng thường bay trên trời nên ta quen vẽ rồng với mây gọi là Long-Vân cho hợp câu quẻ Kiền "long phi tại thiên". Chính nhờ sự giao thoa xoắn xuýt này mà nước Văn-Lang kéo dài trên hai ngàn năm. Đến các giai đoạn sau vì Âm dương chia ly nên nước chỉ kéo dài chừng dăm chục năm như những giai đoạn mang quốc hiệu Âu-Lạc, Giao-Chi. Và ở những giai-đoạn này danh hiệu chỉ còn là sự mong ước cho âm dương giao hội chứ trong thực chất thì âm

dương đã phân ly. Thí dụ ở giai đoạn tam ngư thì cá sẽ không còn giao hội với trời như rồng, tức là không biết bay lên, vì muốn bay được thì có phải hóa long, đàng này cá lại hóa tinh, đề dốc ra Thủy-tinh chống lại với Sơn-tinh tượng trời, vì thế tam ngư sẽ bị Lạc-Long-Quân tiêu diệt.

Đến giai đoạn tứ tượng lại xuống bậc nữa vì tượng không còn hiệu là tượng linh mà hiệu là tượng voi, thế thì còn sa đọa hơn nữa vì cá tuy không biết bay nhưng còn hơn voi ở chỗ có môi trường lung linh uyển chuyển nên còn trông có ngày hóa long, đàng này môi trường của voi là rừng là cây, nên sẽ biến ra mộc tinh đặt trọn vẹn 4 chân trong cõi hiện tượng chỉ còn biết có ích dụng thô-đại :

"cái vòi đi trước

hai chân trước đi trước

hai chân sau đi sau"

nghĩa là cục mịch như thợ quan võ. Vì thế ai dám tậu voi chung với đức ông (ông Hán hoặc ông Tây) thì chỉ còn kiếp "vừa phải đánh công vừa phải hót phân". Đánh công là tha những ý-hệ ngoại-lai về mà hò la reo rắc, hóa cho nên nước trở nên thối tha tham những chẳng biết bao giờ mới hót đi cho xong. Xa biết bao với thời của "nước non tiên rồng" đoàn tụ. Từ ngày bước vào đợt Tượng tuy con Việt-điều đã mấy lần toan vỗ cánh tung bay qua hờn các

(1) Nói vật biểu là khi đã đạt vật tổ «tiên» thì điều trụt xuống hàng vật biểu cho tiên. Còn rồng vì là long đức nên vừa là vật tổ (đức) vừa là vật biểu.

bà Trưng bà Triệu... nhưng giáo sư Wiens nhận xét "bao cuộc chỗi dậy đều hồng vì người Lĩnh-Nam tự phá nhau". Thế là đi đòi các nước Văn-Lang man mác với một nền văn-hóa uyển-chuyển giữa hai *chỉ* âm-dương *giao* hợp, một thứ văn-minh rất cân đối mà nhiều người mong ước tìm lại được đặng chữa bệnh một chiều hiện nay.

Liệu có còn làm nổi chăng. Nhìn lại cở sử nước nhà ta thấy 4 chặng khác trọng trưng bằng 4 vật linh là "long, li, qui, phượng". Long Li là trục-dọc Bắc-Nam. Còn Qui Phượng là trục ngang Đông-Tây. Cả 4 chặng đều vận hành trong vòng "sinh sinh đại diện" (nguyên hạnh lợi trinh). Ngược lại 4 chặng "điều, xà, ngư, tượng" thì chỉ đúng được có hai chặng đầu, còn hai chặng sau đi vào vòng "sinh diệt" là thành, thịnh, suy, hủy.

Thành ở Việt-Hồng

Thịnh ở Việt-Long

Suy ở Tam Ngư

Hủy ở Tứ Tượng

Ta hỏi tại đâu lại có sự trật đường tai hại như thế thì câu thưa hiện lên rõ rệt là do phía Tây-Bắc. Vì trong thực-tế thì trục Qui-Phượng đã bắt đầu hiện lên trong vòm trời nước Nam. Qui là thần Kim Qui cho An-Dương-Vương nỏ thần, còn Phượng đi với My-Châu lúc nào cũng mang trên mình bộ áo lông chim. Thế nhưng bị văn-minh Tây Bắc mà đại diện là Thục An-Dương-Vương và Trọng-Thủy phá hoại lái sang qui đao của vòng "sinh diệt" cho nên Loa-Thành sụp đổ : An-Dương-Vương bị Kim Qui trả lại cho Tây còn My-Châu trả cho Bắc là hóa ra giếng nước chứa xác Trọng-Thủy. Làm thế nào cho My-Châu phục-sinh, cho văn-minh nước nhà trở lại vòng "sinh sinh" là Qui-Phượng, đấy là sứ mạng của các văn-hiến. Liệu nước ta có còn tìm ra đủ số văn-hiến cần thiết để hiện-thực sứ mạng đó cùng chăng?

KIM ĐỊNH

* * *

Chú thích 1 :

Bài này được viết ra khi chúng tôi đọc tài liệu của giáo sư Wiens, khi xong xem lại mới thấy tương tự 4 chặng mà chúng tôi đã phỏng đoán "nhất điều, nhì xà, tam ngư, tứ tượng". Sự trùng hợp này cần được nhấn mạnh vì thứ tự Điều Long không bị ảnh hưởng do câu "nhất điều, nhì xà... mà là do cảm nghĩ khi nghiên cứu. Vì thế nếu trùng hợp với câu trên thì chỉ là sự ngẫu nhiên. Và sau đó tôi mới đổi tên hai đợt sau Việt-Chiết Giang ra tam ngư và Nam Việt ra Tứ tượng. Còn câu "nhất điều, nhì xà..." là tôi trưng theo thứ tự của ông Thái-văn-Kiểm trong quyển "Đất Việt Trời Nam" (trang 282). Có một lưu truyền xếp khác là "nhất điều, nhì ngư, tam xà, tứ

tượng». Thứ tự sau này có tính cách vũ trụ. Trong đó Điều biểu thị trời, Ngự biểu-thị nước (đất), nếu có áp dụng vào quá trình hình thành nền văn hóa nước ta thì lúc ấy nhì ngự sẽ là giai đoạn Viêm Việt tiến lên mạn Bắc nước Tàu mà sá h xưa nói phạn dã nước Việt là hai sao Ngự Nữ (cả hai đều ở phương Bắc). Còn nhân vật tượng trưng sinh quán ở nước Việt khi còn trên Bắc sẽ là Đế Lai và Âu Cơ nghi mẫu. Lúc ấy tam xà sẽ là Lạc Long Quân hay Hùng Vương là con đẻ của *non nhân* (nhất điều) *nước trí* (nhì ngự). Chiều nào thì cũng nói lên cái tinh hoa Kinh Dịch được huyền sử Việt-Nam thâm hóa cách thâm sâu hơn huyền-sử nước Tàu. Sự thay đổi thứ tự này (nhì xà hay nhì ngự) được phép vì tính chất rất cơ giãn của linh-tượng như chúng tôi sẽ trình bày trong quyển «*Loa thành đô thuyết*» (sắp ra) nhờ đó sự dùng linh tượng hợp cho việc phác họa cơ cấu uyên nguyên của nền văn-hóa nước nhà được hết sức uyên chuyên và thi vị.

Chú thích II :

Phụng với Loan là một. Hoặc có phân biệt thì cũng rất uyên chuyên như Phụng đực Loan cái, hoặc Phụng sắc xanh, Loan ngũ sắc... Theo một số nhà bác học thì Phụng với trĩ là một (xem Đất Việt Người Việt tr. 200 và 292) và đều là loại chim vật-biểu của Việt-Nam cổ-đại nên Loan cũng có tên là :

Nam-chủ (làm chủ phía Nam)

Châu-tước (tên sao phương Nam)

Thanh-phượng : (Thanh=Đông) Hồ hay Hồ ô, Đất Việt Trời Nam của Thái-văn-Kiểm tr. 290.

Vì chim là vật biểu của tiên nên cũng biểu-thị nền Minh-triết Việt-Nho như tiên. Bởi đó cũng thường đi với các con số 2, 5, 9, thí dụ : khi thì nói phương có lông ngũ sắc hay chín sắc và cũng bị Bắc-phương đàn áp như nền Việt-Nho ; thí dụ có người làm chiếc lồng chim gáy để nhốt Hồ ô, nhưng vì cánh nó quá dài nên không chui lọt (Đất Việt 289). Rõ rệt là nền Minh-triết vô ngôn của Việt-nho mà muốn dùng phạm trù hữu ngôn (chim gáy) của Tây Bắc thì không nói lên hết được. Sách Đất Việt có trưng một đoạn cò thư rằng « một vị Thượng-hư đến chào Hoàng-đế và nói : Tôi đi du lịch về phía Đông và bắt được con chim Hồ non chín sắc trong một khu rừng 1.000 dặm » (Đất Việt 289). Xem mấy truyện trên đủ thấy huyền-sử nhấn mạnh đến vai trò của điều và Việt điển bị cưỡng ép :

Loan bị đặt trước gương.

Hồ ô bị nhốt lồng quá hẹp

Hồ chín sắc bị bắt lúc còn non do người của Hoàng-đế...

Tất cả đều nói lên vụ Việt-Nho bị phương Bắc cướp đoạt lúc đang hình thành.

... Theo tôi người ta đã lầm, trong đó có người Mỹ, khi khai thác một số mâu thuẫn nhỏ để mong tạo nên một chia lìa lịch-sử ở quốc-gia đang suy yếu này

VÒNG ĐAI XANH

tiểu thuyết chấn động của
NGÔ THẾ VINH

NGHIÊU ĐỀ *trình bày*
THÁI ĐỘ *xuất bản*

ĐÃ PHÁT HÀNH TOÀN QUỐC

Góp ý kiến với Viện Khảo-cổ

Nhìn qua những công tác đã thực hiện được của Viện Khảo Cổ, người ta phải thừa nhận Viện làm việc kỹ lưỡng, thận trọng, tuy rằng cũng phải công bằng để nói những số lượng công tác đó còn khiêm nhường, ít ỏi so với thời gian và nhân số.

Tất nhiên chúng ta phải thông cảm hoàn cảnh khó khăn của Viện. Động một chút là thủ tục: thủ tục lộ trình, thủ tục đặt hàng, thủ tục chi phiếu hóa đơn, thủ tục kiểm soát ước chi, thủ tục duyệt xét tác phẩm để ấn loát và thủ tục phúc báo kết quả các công tác nhỏ lớn v.v... Mà qua mỗi chặng đường để cho trôi lọt được các thủ tục ấy cũng không dễ, nó còn phải nằm ý ra đó để chịu đựng các thủ tục liên-hệ để rồi mới tới được cái mức sau cùng.

Lại còn thủ tục thu nhận chuyên viên, Người ta quá chú trọng vào bằng cấp để rồi đưa vào Viện những người có văn bằng Cử nhân chưa để ý gì tới việc khảo cổ hoặc không hề yêu thích trang a tờ b, không quen với những thủ bản và rất chán ghét những cái học phiếu vô tri, khô khan... Một chuyên viên của Viện đã phải kêu lên với tôi như vậy. Và tôi cũng đã tin rằng do vậy mà Viện đã phải bị trì chệm trong việc thực hiện các công tác.

Tuy nhiên dù có thông cảm hoàn cảnh của Viện tới bậc nào, trách nhiệm bảo tồn cổ tích, nghiên cứu cổ học và phát huy các tài liệu quý giá thuộc phạm vi

cổ học phải ở nơi Viện. Và do đó mà khi muốn đi vào vấn đề, người ta không thể nào không hướng về Viện.

Chín năm trước đây, khi đề tựa cho quyển sách nhan đề *Chí sĩ Nguyễn Quan Diêu*, học giả Nguyễn Hiến-Lê có đề cập vấn đề làm việc của Viện. Ông viết:

«Mấy năm nay viện Khảo Cổ của mình đã chịu khó hoạt động. Tôi đã được đọc vài cuốn sách dịch, vài cuốn khảo cứu, vài tập san của Viện, kết quả cũng là đáng khuyến khích. Nhưng người ta làm việc âm thầm quá — đó là cái đức chung mà cũng là cái tật chung của các học giả — không chịu tìm «đồng chí» ở khắp nơi».

Rồi ông Nguyễn Hiến Lê đưa ra một số đề nghị. Đề nghị mở rộng nhân viên hoạt động để sưu tập tài liệu cho Viện đề nghị phổ biến tài liệu một cách hữu ích cho quần chúng. Những đề nghị đó dài hàng trang sách, tôi chỉ xin phớt qua ở đây. Đó là cái nhiệt tâm của các nhà làm văn hóa, cái thiện chí muốn sao cho ngành cổ học mỗi lúc mỗi thêm phát triển vững vàng.

Từ ấy đến nay, Viện đã từ từ tiến, mặc dù chưa thấy có trạng thái sinh hoạt nào theo đề nghị trên.

Về phần ấn loát và phát hành, chúng ta thấy Viện đã cho xuất bản thêm được mấy cuốn sách dịch, một số sách biên khảo và vài số *Khảo cổ tập san*. Điều đáng ghi nhận là một số sách phiên dịch sau

này như *Bản triều bản nghịch liệt truyện*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (quyển 1 và 2), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* (Bang giao, Nhu Viễn), Viện đều cho chụp hình tất cả từng trang chữ Hán để in kèm theo (1). Các học giả cũng không thể quên được là nhờ Viện mà ta mới có thêm được vài bản sách *Đại Nam thực lục* do *Hiên Lân Đường* ở Nhật Bản ấn hành để rộng bề mượn đọc mỗi khi đến Viện.

Về phần chụp vi ảnh (micro films), Viện cũng đã thực hiện được hoặc thu nhận được khá nhiều cuốn phim vi ảnh về các tác phẩm cổ nghiên cứu về Việt Nam bằng các thứ chữ Hán, Nôm, Nhật, Bồ, Anh, Pháp.

Về phần bảo tồn cổ tích và cổ vật, Viện đã cử mấy phái đoàn đến tận nơi nghiên cứu và khảo sát tại Tuyên Đức, Đà Nẵng, Huế, Châu Đốc và An Giang...

Trước những sinh hoạt cụ thể đó của Viện, chúng tôi thấy còn có thể đưa ra một vài ý kiến, điều mà tôi chỉ nhắm cố gắng tha thiết góp phần xây dựng, nghĩ rằng có lợi cho việc và cho người, tuyệt nhiên không một mảy may hậu ý.

Thiết tưởng công việc bảo tồn cổ tích và cổ vật, Viện nên xúc tiến mạnh hơn. Tình trạng chiến tranh dai dẳng trên đất nước này đã tàn phá quá nhiều di sản vật chất của tiền nhân ta, không ai chối cãi. Nhưng cho đến nay thì tại nhiều chỗ an ninh đã được vãn hồi. Người ta đã bắt đầu kiến thiết lại. Những vết tích xưa nhiều nơi đã được trùng tu, hoặc các cổ vật bị hủy hoại trong thời chiến tranh, nay đã được coi trọng hơn trước. Chúng tôi đề nghị Viện nên chú ý đến việc sưu tầm lại các cổ vật đó và đặc biệt

quan tâm đến những việc trùng tu ở các địa phương. Một sự mất mát cổ vật như trường hợp đền đài mấy tượng Chăm bị đánh cắp bán cho ngoại bang mà dư luận báo chí đã làm sôi nổi trước đây không lâu, cũng như những trùng tu vô trách nhiệm tại Văn Thánh Miếu Vinh Long trước kia là bằng cứ.

Văn Thánh Miếu Vinh Long được dựng lên từ năm Bính Dần (1866), có bia đá khắc lại do, do chính cụ Kinh lược Phan Thanh Giản soạn ra. Đó là một di tích lịch sử khá xưa tại miền Nam này. Nhưng chỉ non 40 năm sau thì được trùng tu. Có lẽ là do chiến tranh Việt Pháp làm hư hỏng chăng? Chứ một công trình đồ sộ có dựng thạch bi để kỉ niệm như vậy không lẽ lại dễ dàng sụp đổ trong một thời gian rất ngắn (2). Việc trùng tu không chú ý tồn cổ đã làm sai lạc những nét kiến trúc xưa. Đó là công tác do cụ Tổng Hữu Định chủ trương năm 1903 và sau đó thỉnh thoảng lại được sửa chữa, thêm thắt. Một nhân viên tại tòa Hành chánh Vinh Long vừa thuật lại cho tôi nghe rằng trước đây vài năm, có một nhà hiếu cổ người Mỹ đến Vinh Long tỏ ý muốn tìm xem cổ tích. Chánh quyền tỉnh đưa ông này đến Văn Thánh Miếu cách tính lý độ vài cây số. Khi trở về, ông ta lắc đầu:

(1) Trừ những tờ đầu từ 1a đến 12a in theo lối sắp chữ, sách *Bản triều bản nghịch liệt truyện* cũng in chữ Hán theo lối chụp hình.

(2) Theo Văn bia do cụ Phan Thanh Giản soạn, dựng năm 1867 thì công tác xây cất văn miếu lúc đầu tiên rất đồ sộ, có tòa điện hai bên, có thư lâu phía phải, có cấp tự điện và có cả 20 người thủ hộ để chăm nom văn miếu.

— Ngoài bi kí, không có gì là cổ tích đáng khảo cứu cả!

Một nhân viên hữu trách trả lời:

— Đó là đền thờ xưa lắm, sao nói không phải cổ?

Ông Mỹ hiểu cổ đó lại một lần nữa lắc đầu:

— Có những cánh cửa gắn bản lè tây và những nền vách tô bằng xi măng! Xưa nổi gì?

Ai cũng biết người Mỹ kia có lý và chúng ta đã thấy cái hại của sự trùng tu có thể làm lai căn hay mất gốc những dấu tích xưa mà giới hữu trách bất cứ ở nước nào cũng đều biết tôn trọng.

Hồi cuối năm 1966, qua sự giới thiệu của ông Nguyễn Triệu Đan, lúc đó ông Đan đang làm Tổng lãnh sự tại sứ quán Việt Nam Cộng Hòa ở Ấn Độ, tôi được dịp tiếp xúc với Giáo sư Kaship, Viện trưởng viện đại học Nalanda. Giáo sư Kaship đã hướng dẫn tôi đến thăm Viện bảo tàng Sarnath và tôi đã tỏ ý quá tiếc khi trông thấy mấy tượng Phật rất đẹp được sáng tạo từ thế kỷ thứ 11 bị sút đầu gãy tay đặt theo thứ lớp trong Viện. Giáo sư Kaship đã giảng cho tôi nghe rằng đầu có tiếc vẫn phải để vậy. Đã có nhiều kiến trúc sư danh tiếng xin sửa lại và hứa sẽ làm gần y hệt như cũ, nhưng các đương quyền về Cổ học ở Ấn Độ không cho, vì e rằng sẽ làm lạc lối cho sự tìm hiểu của đời sau.

Một lần khác trên đất Nhật, tôi vào thăm một ngôi chùa cổ được cất bằng 100 năm trước. Cột chùa bằng danh mộc, lớn quá vòng tay người ồm, đó là ngôi Đông bản nguyện tự (Higashi

Honganji). Trong chùa có một thùng kiếng vĩ đại dành đựng một sợi dây lượt xe bằng tóc người và chột to bằng cườm chân. Bác sĩ Hisao Shoga, Chủ tịch toàn Á hiệp hội (1) đã cho tôi biết sợi dây lượt đánh bằng tóc đó có từ khi mới cất chùa. Nhiều phụ nữ Nhật khắp nước đã xuống tóc để cầu nguyện hiến dâng cái đẹp để dùng đó làm dây dựng các cột chùa. Cho nên ngày nay càng lâu năm cuộn lượt tóc càng quý và ngôi chùa dù thấp lè tè mà đất Nhật thì chặt, người ta vẫn giữ y, không phá bỏ để cất thành nhiều tầng cho thêm rộng rãi. Tinh thần bảo tồn cổ tích là như vậy.

Tại phần đất Việt Nam Cộng Hòa ngày nay, ngoài các sơn lăng, các điện đền, từ miếu ở Huế, các tháp Chàm và các bảo vật Chàm ở Bình Thuận, Tuyên Đức, còn có những lăng mộ những đền thờ cần được bảo vệ cho khỏi bị hoại diệt và cần được trông nom cho khỏi bị sửa sang một cách vô ý thức. Đành rằng không phải hông tu sửa, nhưng cứ bày thêm những cái rất « tây » như trường hợp người ta xây thêm vòng rào bên ngoài lăng mộ Thoại Ngọc Hầu tại núi Sam Châu Đốc gần đây, thì e rằng không làm lợi gì cho di tích lịch sử!

Ngoài những ngôi cổ mộ, như lăng mộ họ Hồ ở Linh Chiểu Tây Thủ Đức thân sinh Hoàng hậu Tá Thiên Nhơn, vợ vua Minh Mạng), lăng Long Vân Hầu Trương Tấn Bửu ở ấp Tây Nhứt Gia Định và lăng Thoại Ngọc Hầu

(1) Bác sĩ Hisao Shoga đã cùng vợ, cũng là nữ bác sĩ, sang nước ta vào năm 1966 và có nhiều tình miền Tây.

Nguyễn Văn Thoại ở núi Sam Châu Đốc nằm trong vùng tương đối an ninh lâu nay mà Viện xếp vào hàng cổ tích quốc gia, còn có những khu lăng mộ ở trong những vùng « tử địa » mà chiến dịch bình định và phát triển nông thôn mới vừa tiếp thu được, Viện cũng cần đặc biệt chú ý tới.

Ví dụ hai ngôi lăng mộ to tát nằm trong Cù Lao Dài, xã Quới Thiện, trên dòng sông Cổ Chiên, là một cổ tích lịch sử quý báu vô cùng. Dân chúng quen gọi nơi đây là « Lăng Ông Bảo Hộ ». Một khu mộ chôn bà Nguyễn thị Tuyết (sắc phong mỹ hiệu Thực-Nhân) mẹ ruột của Đô Thống Thoại-Ngọc-Hầu và một khu mộ khác cách đó chừng 1000 thước theo con đường lầy lội kinh rạch chằng chịt cong queo, chôn ông Châu Vĩnh Huy và bà Đỗ thị Toán, cha mẹ ruột của Hoàng triều sắc tứ Nhất phẩm phu nhân Châu Thị Tế. Hai khu mộ này được chính Thoại Ngọc Hầu chủ trương kiến trúc xong trong năm Minh Mạng thứ chín (1828), đến nay đã 142 năm. Hồ vôi cát trộn với ô được va nước đường xây theo lối cổ kính đông phương, đã chịu đựng bền bỉ với thời gian và sức tàn phá của chiến tranh. Một trái bom dội xuống lăng mộ này trong năm vừa qua, chỉ đủ làm hư bể những lớp mỏng tô ở bên ngoài chứ không làm đổ được mấy trụ cổng to tướng. Trông cảnh tượng hai khu mộ này thật đáng thương tâm: cây cỏ mọc tràn lan trong lăng, dẫu trâu bò lội nhấm. Hối ra mới biết đó là khu an toàn cho người và vật mỗi khi có tàu chiến phóng pháo vào hoặc những hồi có đụng độ lớn.

Viện có thủ phương tiện xe dịch và có đủ thẩm quyền để được bảo vệ an-ninh, chúng tôi tưởng nên cử chuyên-viên đến tận nơi để khảo sát và tìm cách tu bổ, bảo trợ (1).

Về việc chụp vi ảnh, chúng tôi được biết Viện đã và đang lo liên lạc với nhiều thư viện ngoại quốc để tìm kiếm và xin chụp các tài liệu liên hệ về văn học, lịch sử Việt Nam. Viện cũng đã có vận động nhờ các cơ quan văn hóa ngoại-quốc như Trung Hoa, Nhật Bản in giúp một số sách chữ Hán cho ta. Kết quả cụ thể là Trung Hoa đã in cho ta được một bộ mà tôi không nhớ rõ là bộ nào (hình như *Lịch triều hiến chương?*) và Nhật Bản đã in giúp ta sách *Đại Nam thực lục*. Nghe nói ông Trương Bửu Lâm đã phí nhiều công trong việc vận động in các sách đó. Nhưng tiếc rằng sách không phát hành trong nước ta, vì vậy rất bất tiện cho sự tham khảo bởi những bộ sách đó lớn, phải đọc lâu ngày, và bất tiện nhất là những sinh viên, những nhà biên khảo ở xa thủ đô.

Tôi đề nghị trong trường hợp đó Viện nên mua về một số để bán lại cho những ai trong nước cần đến. Chỉ một số giới hạn thôi cũng đủ làm lợi cho nền sử học. Những bộ sách khác, đã chụp được vi ảnh, Viện cũng nên cố gắng cho in ra giấy để phổ biến nguyên văn. Như tôi vừa nói, những số sách này dù phổ biến chỉ được một ít, có làm

(1) Trước đây 27 năm, thời thái bình, Ngọc Xuyên Ca Văn Thịnh có đến đây một lần để khảo cứu. Ông đã ngâm ngợi cổ sự sau khi tìm hiểu những sự kiện liên hệ với những lăng mộ này (bài đăng Đại Việt tạp chí số 28, ngày 1 tháng 12 năm 1945).

tốn kém nhiều cho Viện thật đấy, nhưng cũng đủ làm lợi cho nền sử học, vì ngoài cái lợi tham khảo và trình bày, chắc thế nào cũng có người theo nguyên văn dịch ra tiếng Việt để phổ biến. Như vậy đỡ tốn công tốn của cho Viện mà công việc của Viện cũng bớt ôm đồm, lại thêm cái lợi lớn nữa là công tác được phát triển mau.

Đọc *Khảo cổ tập san* số 3, trang 239 xuất bản từ năm 1962, tôi đã thấy Viện công bố:

« Từ nay, công việc phổ biến và khai thác các tài liệu về nền văn hóa cổ truyền và sử liệu Việt Nam sẽ được thêm phương tiện. Có thể cung cấp được dễ dàng những tài liệu cho Sở Tư Thư, các cơ quan Văn Hóa, các nhà văn, nhà báo, các học giả, giáo sư, sinh viên, các cơ quan Chính quyền muốn cần dùng những tài liệu để tra cứu, tham khảo, dịch sách, viết bài, làm sách, nghiên cứu ».

Ai mà không lạc quai khi được đọc những dòng trên. Nhưng cho mãi đến nay, đã trải qua tám năm trời, ta vẫn chưa thấy Viện thực hiện được các điều ấy. Điển hình là cách đây vài tháng, tôi vào Viện để mượn đọc tại chỗ sách *Đại Nam Chính biên liệt truyện*. Anh em nhân viên trong Viện đã hết lòng tìm giúp để hằng ngày trao ra cho tôi. Nhưng tiếc vì sách chỉ mỗi một bộ mà một số quyển lại có chuyện cần phải đưa về Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn Hóa. Tôi buộc lòng phải theo đến đó và phải tiếp xúc với ông Giám đốc Nha Văn Hóa hai lần để mới có thể tìm nốt được những điều cần. Nếu Viện đã thực hiện được những công bố trên, hoặc

sẽ cố gắng như những đề nghị của chúng tôi, thì chắc rằng từ đó về sau những trở ngại như vậy sẽ không còn có.

Trở lại việc ấn loát, tôi thành thật hoan nghênh việc chụp ảnh nguyên văn bản chánh để in kèm theo bản dịch mà Viện đã xuất bản được một ít quyển. Làm như vậy sẽ giúp được các sinh viên còn trong thời nghiên cứu học hỏi có phương tiện so sánh, tìm tòi. Riêng đối với các học giả, sẽ có thể vừa có đủ tài liệu chính xác để tham khảo, vừa tiếp tay với các dịch giả trong sự bổ khuyết các sai lầm về nhân danh và địa danh. Chắc ai cũng công nhận rằng việc phiên dịch bộ *Đại Nam nhất thống chí* của Viện là rất hữu ích, nhưng những người để tâm học hỏi thì không ai mà không thấy được khá nhiều lầm lẫn về các danh xưng, điều mà học giả Lê Thọ Xuân đã nói lên những cảm nghĩ của ông trong suốt hai kì *Đông Nai văn tập* số 12 và 14 (1967).

Về việc phát hành sách do « *Tủ sách Viện Khảo Cổ* », viện tính giá rất thấp, điều đó có lợi cho độc giả. Nhưng phải cái không thấy phát hành rộng rãi! Không nói tại các tỉnh, chỉ nội ở thủ đô thôi cũng không có mấy nơi bày bán. Người mua phải chạy tìm. Đến mấy nhà sách lớn, lắm khi không có, phải hỏi lẫn vào Viện. Ở Viện thì không phải là chỗ bao giờ cũng có người chực sẵn như hàng sách, nên cũng trả lời là không. Người ta phải đi vào Viện Bảo tàng, may lắm mới có thể mua được quyển mình cần. Như vậy sự tính giá hạ không đủ bù vào số tiền xê dịch để mua được một quyển sách. Điều này tôi có đem bàn với cụ

Quốc Vụ Khanh Mai Thọ Truyền và cụ đã quyết định sẽ cho mở rộng chỗ phát hành và cho người thường trực tại các cơ quan liên hệ để luôn luôn tiếp xúc với độc giả.

Đến đây, tôi thấy cần nhắc lại đề nghị của ông Nguyễn Hiến Lê về việc phổ biến tài liệu. Theo ông, Viện thu thập tài liệu được rồi, lại còn phải lo phổ biến nó nữa. « Ta nên lập một cơ quan như *Service de documentation* ở Pháp, để người dân nào muốn nghiên cứu về vấn đề nào cũng biết nên dùng những tài liệu nào, kiếm được những tài liệu đó ở đâu, như vậy tài liệu mới thật là có ích cho quần chúng ».

Chúng tôi không phải là nhà chuyên môn, tất nhiên những hiểu biết và nhận xét không sao khỏi có sự sai sót, nên xin chân thành cáo lỗi ở đây. Tôi cũng hoàn

toàn không có ý muốn kể công cho Viện hoặc chỉ trích Viện mà y như đầu đề đã nói, là tôi chỉ muốn trình bày và góp ý với viện, góp ý một cách xây dựng theo thiện kiến và chỗ thấy cần thiết của tôi cũng như một số anh em sinh viên, giáo sư, văn nhân, học giả.

Nhìn suốt quá trình hoạt động của Viện kể từ ngày có dự định thành lập, 18 tháng giêng năm 1956 đến nay, đã 14 năm qua, người ta phải thăm nghĩ rằng mọi công tác do Viện chủ trương vẫn còn trong vòng khiêm tốn.

Người ta đặt hi vọng vào một tập thể có đủ tư cách, tài năng, thừa phương tiện và không thiếu tài chánh như Viện Khảo Cổ Việt Nam phải làm được những cái gì phong phú hơn điều đã tưởng.

NGUYỄN VĂN HẦU

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

ĐẤT HÀ - TIÊN

với họ Mạc và họ Lâm

Đất Hà-tiên

Nam Việt là « tặng phẩm » của sông Cửu Long, hằng vạn năm trước là biển, sông Cửu Long chớ phù sa xuống, bồi lặn lặn mà thành đồng ruộng. Thời tiền chiến, tôi không nhớ rõ là năm một ngàn chín trăm ba mươi mấy, người ta đào được những đồng tiền vàng La Mã ở Ốc Eo (gần chân núi Ba Thê), vậy thì khoảng đầu công nguyên, biển vô tới Ốc Eo hoặc cách Ốc Eo không bao xa, chỉ vài ba cây số. Hồi đó các núi ở Hà Tiên, Ba Hòn, Hòn Trạn chắc còn nằm ở ngoài biển, không biết từ thế kỷ thứ mấy, miền đó mới được bồi xong. Ngày nay ai đi ngang qua Ba Hòn, còn thấy trên những núi đá vôi ở sát đường lộ Rạch Giá - Hà Tiên, có những ngấn nước cao hơn mặt đất khoảng một thước, có lẽ vì đất của miền đó dâng lên dần dần.

Dãy núi từ Hà Tiên tới Hòn Trẹm đó hiện nay nằm sát hoặc gần bờ biển, nhìn ra các hòn ngoài khơi : hòn Phụ tử, Hòn Heo, Hòn Ngang, hòn Một, hòn Phú Quốc .. và quay lưng lại với một cánh đồng bát ngát (xưa là rừng nầy vẫn còn là đất phèn) cách vài chục cây số mới có dãy núi Thất Sơn. Như vậy Hà Tiên là một miền hẻo lánh ở nơi chân trời góc biển. Trước năm 1930, khi chưa có con đường trải đá Rạch Giá—Hà Tiên

thị trấn đó gần như cô lập với các miền chung quanh : muốn xuống Rạch Giá phải dùng đường biển mất nửa ngày, mà muốn vô Châu Đốc thì phải đi vòng lên biên giới, mượn một con đường trên phần đất Cao Miên

Nó đã cô lập mà lại kỳ đặc, không giống một miền nào khác. Thi sĩ Đông Hồ trong cuốn *Văn học Hà Tiên* (1) đã tả nó như sau :

« Ở đó [Hà Tiên], kỳ thú thay, như gồm hầu đủ hết.

Có một ít hang sâu động hiểm của Lạng Sơn. Có một ít ngọn đá chơi giữa biển của Hạ Long. Có một ít núi vôi của Ninh Bình, một ít thạch thất sơn môn của Hương Tích. Có một ít Tây hồ, một ít Hương giang. Có một ít chùa chiền của Bắc Ninh, lăng tẩm của Thuận hóa. Có một ít Đồ-sơn Cửa tùng, có một ít Nha trang, Long hải.

Ở đây, không có một cảnh nào to lớn đầy đủ ; ở đây chỉ nhỏ nhắn xinh xinh, mà cảnh nào cũng có ».

Tóm lại, nó là một tiểu vũ trụ biệt lập, rất hợp cho kẻ nào có chí vùng vẫy, muốn nghênh ngang một cõi.

(1) Quỳnh Lâm xuất bản, 1970.

Họ Mạc

Kẻ đó là Mạc Cửu ở cuối thế kỉ XVII.

Cũng như Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch, Mạc Cửu không chịu nhận chủ quyền của Mãn Thanh, bỏ quê hương và dắt bộ hạ xuống miền Nam Hải, nhưng Trần và Dương ghé vào Quảng Nam (1679), qui phục chúa Nguyễn Phúc Tần, được Chúa cho vào chiếm đất Đồng Nai và đất Mỹ Tho để tự kinh lí lấy mà lập nên một nơi buôn bán thịnh vượng là Cù lao Phố (Biên Hòa); còn Mạc thì tiến xa hơn, tới địa phận Chân Lạp (cũng gọi là Giản Phố Trại) — tức Cao Miên — vào khoảng 1671 (theo Trần kinh Hòa trong Hà Tiên Mạc thị thế hệ khảo — Hoa cương học báo), làm chức « ớc nha » (một chức quan lớn Chân Lạp), năm 1700 xin vua Chân Lạp ra khai khẩn miền Bankay Meas, tức Mang Khảm, mới đầu mở sông bạc sau qui tụ các người Hoa, Việt, Miên, lập ấp, mở hải khẩu, thành lập một tiểu quốc, nhưng thường bị giặc Xiêm quấy nhiễu, nên năm 1708, nhận sự bảo hộ của Chúa Nguyễn Phúc Chu. Mang Khảm từ đó đổi tên là Hà Tiên, thành một cửa ngõ của Chân Lạp mà thuộc về Việt Nam xuất cảng hầu hết các sản phẩm Chân Lạp.

Nếu chỉ là một hải khẩu thì Hà Tiên, dù một thời tàu ghe tấp nập, cũng chưa có gì đặc biệt cho lắm. Điều đáng cho ngày nay chúng ta nhắc nhở nhất là tiểu quốc đó chỉ trong nửa thế kỉ đã thành một « văn

hiển quốc » ở giữa một vùng hẻo lánh, y như một đầm sen ở giữa đồng hoang vậy, khiến ai cũng phải ngạc nhiên.

Công đó là nhờ Mạc Thiên Tích (1) con của Mạc Cửu. Thiên Tích kế nghiệp cha làm đô đốc Hà Tiên năm 1735, thì ngay năm sau, 1736, thành lập Chiêu Anh Các, một tao đàn kiêm một nghĩa thực có miếu thờ Khổng Tử. Thiên Tích cha Trung Hoa, mẹ Việt (2), rất đa tài: trị nước, ngoại giao, cầm quân, đặc biệt là có tài văn thơ, mà lại rất trọng tiếng Nôm, chiêu lập được 36 (có sách chép là 32) vị văn nhân thi sĩ về Chiêu Anh Các (gọi là tam thập lục kiệt),

(1) Chính tên là Tông, tự là Thiên Tứ. Chữ Tứ này bộ bối, nghĩa là cho; sau Chúa Nguyễn Phúc Chu (1725-38) tứ danh cho, mới đổi bộ bối ra bộ kim, thành chữ Tích cũng nghĩa là cho.

(2) Theo Đông Hồ (Văn học Hà Tiên, trang 142) căn cứ trên mộ bia ở núi Bình Sơn Hà Tiên hiện hầy còn, khi Mạc Thiên Tích lập thạch cho mẹ, đề Thái phu nhân là họ Nguyễn, thì chúng ta có thể quyết được mẹ Thiên Tích là người Việt. Bởi người Tàu ít có người họ Nguyễn.

Theo Gia Định thành Thông chí quyển II. Ông Hãn Nguyên dẫn trong bài Hà Tiên chia khóa nam tiến của dân tộc Việt Nam xuống đồng bằng sông Cửu Long, tập san Sử Địa số 19-20, năm 1970, trang 265, thì mẹ Mạc Thiên Tích là người Việt, tên Bùi Thị Lãm, gốc ở Đồng Môn, thuộc Biên Hòa.

Cũng trong bài đó, ông Hãn Nguyên còn dẫn lời của Pierre Poivre, cũng nhận Thiên Tích là một người lai.

Chúng ta có thể tin lời trên mộ bia hơn là lời trong Thông Chí. Dù sao chúng ta có thể chắc chắn rằng mẹ Thiên Tích là người Việt, cho nên Thiên Tích mới giỏi thơ Nôm được.

Lịch sử Hà Tiên còn nhiều nghi vấn: như năm sinh của Mạc Cửu và Mạc Thiên Tích, mỗi thuyết một khác...

trong số đó 6 vị người Việt. còn thì là người Trung Hoa, người Minh Hương. Họ từ Thuận, Quảng vô, hoặc từ Gia Định tới, hoặc từ Quảng Đông, Phúc Kiến sang. Thiên Tích làm minh chủ.

Theo Trịnh Hoài Đức, họ sáng tác được 6 bộ sách, gồm ba tập truyện nay chắc đã thất lạc gần hết, còn ba tập thơ thì có lẽ là :

— tập *Hà Tiên thập vịnh*. gồm 320 bài, toàn bằng thơ Hán, mười bài do Mạc Thiên Tích thủ xướng, còn các vị kia trong Chiêu Anh các họa ;

— tập *Hà Tiên thập cảnh khúc vịnh* bằng thơ Nôm, của Mạc Thiên Tích,

— tập *Minh-bột di ngư thi thảo* gồm những bài thơ, phú chữ Hán cũng của Mạc Thiên Tích.

Hai tập trên còn truyền được trọn vẹn, tập cuối nay chỉ còn sót được vài bài.

Những sáng tác của nhóm Chiêu Anh các nổi tiếng ngay từ thời đó, và Lê Quý Đôn trong sách *Phủ biên tạp lục* (1776), đoạn chép về họ Mạc ở trấn Hà Tiên, khen rằng : « Không thể bảo ở hải ngoại xa xôi không có văn chương » rồi trong *Kiến văn tiểu lục* lại khen thêm rằng « Văn thơ nhiều bài hay lắm ».

Có giá trị nhất là những bài thơ cả Hán lẫn Nôm của Mạc Thiên Tích.

Ngay những người ngoại quốc cũng nhận Hà Tiên là đất văn hiến. Các giáo sĩ dòng Franciscaïn bảo :

« Trong xứ [Hà Tiên] có miếu thờ Khổng Tử mà từ Vương [Thiên Tích] đến dân ai cũng thờ. Có một

nhà nghĩa học dạy các thanh niên ưu tú, nghèo không thể tự túc học được. Những người Trung Hoa sang đây mà có khả năng văn học thì được mời đến đó dạy học » (1).

Còn sách *Văn hiến thông khảo* đời Thanh vào năm 1747 chép rằng : « phong tục [Hà Tiên] trong văn học, thích thi thơ, có cả một hàn lâm viện nhỏ » (2).

Trong khi đó thì đừng nói chi Gia Định, ngay ở Thuận Hóa cũng chẳng có một thi đàn, văn đàn nào cả. Sự kiện đó quả thực là chưa hề xảy ra trong lịch sử văn học. Ta thử tưởng tượng một nhóm người di cư qua một nước tuy là đồng văn nhưng vẫn là lạ, dựng nghiệp ở một nơi hẻo lánh nhất và chỉ nửa thế kỷ sau, làm cho nơi đó thành một nơi văn vật nhất trong cõi, góp công vào văn học xứ đó bằng chữ của mình và bằng cả thờ ngữ, thì có lạ không chứ.

Tiếc thay nền văn học Hà Tiên bưng lên rực rỡ được có ba mươi một năm ; đến năm 1771, Hà Tiên bị quân Xiêm đánh chiếm, Thiên Tích phải chạy về Gia Định. Chiêu Anh Các tan rã, sách vở bị thiếu hụt hết ; năm 1778, phải trốn tránh Tây Sơn qua Xiêm, và hai năm sau, 1780, Thiên Tích tuấn tiết ở Xiêm ; từ đó Hà Tiên cũng cùng với họ Mạc mà suy tàn.

(1) Hãn Nguyên : *Bãi đã dẫn. Tập san Sử Địa* 19-20, tr. 120,

(2) Theo Gaspardone, Hãn Nguyên dẫn trong bài kể trên.

Họ Lâm

Trong một trăm rưỡi năm, Hà Tiên thiêm thiếp ngủ yên trên bờ vịnh Thái Lan, chỉ còn là một thị trấn nhỏ ở biên giới, không ai nhớ đến. Tới khoảng 1926-28, người ta mới lại nhắc tới nó, vì nó là quê hương của Đông Hồ, Lâm Tấn Phác, một nhà văn mới cầm bút mà đã nổi tiếng ngay về bài khóc vợ *Linh Phượng* (tức *Trác Chi lệ kí tập*) và bài *Phú Đông Hồ*, lại sáng lập Trí Đức học xá, trường đầu tiên trong nước chuyên dạy tiếng Việt.

Ngày nay chúng ta quen với tên Đông Hồ quá rồi, phải lùi lại thời đó mới thấy ngôi sao của họ Lâm rực rỡ ra sao. Khắp nước chỉ có mỗi một tạp chí văn học là tờ Nam Phong, ai muốn được coi là trí thức thì cũng phải đọc Nam Phong, và có thể nói ở Nam Việt làng nào cũng có người mua dài hạn Nam Phong; mà nhóm Nam Phong hầu hết gồm các học giả Bắc, chỉ có vài nhà gốc ở Trung, vậy mà một người Nam, lại ở Hà Tiên nữa, mới ngoài hai mươi tuổi, chẳng có bằng cấp, thành tích gì cả, chen chân được vào cái « hội » đó, thì quả là phi thường. Chẳng những chen chân được, lại còn được sắp vào hàng kiện tướng: viết nhiều và đủ loại, thơ, nghị luận, tùy bút, lịch, du kí. Đặc biệt nhất là giọng văn giống ý như của một nhà cựu học đất Bắc có pha chút tân học, bóng bẩy, tô chuốt, du dương, cân đối trang trọng, thường dùng tiếng Bắc, khác hẳn cái giọng quá tự nhiên hóa ra ~~hơi~~ thô của các cây bút trong Nam thời đó.

Sở trường đó của ông, khoảng mười năm nay một số người cho là sở đoản. Trong văn chương cũng như trong mọi nghệ thuật khác, thị hiếu thường thay đổi, có vậy mới tiến hóa, nhưng có người quá khích không nhận ông là nhà văn miền Nam nữa, trách sao ông không theo trào lưu văn học miền Nam từ trước tới đây thế chiến vừa rồi, nghĩa là trào lưu văn học bình dân, giữ màu sắc và ngôn ngữ địa phương — chẳng hạn như văn Hồ Biểu Chánh.

Di nhiên, những lời chê đó tới tai ông, nhưng tôi không bao giờ thấy ông lên tiếng cả; chỉ mới rồi, trong cuốn *Văn học Hà Tiên*, ông gián tiếp trả lời như sau:

« Đọc những sách báo quốc ngữ miền Nam xuất bản khoảng từ 1900 đến 1920, chúng ta thấy có một lối viết lỏng lẻo, hơi hợt mất hẳn văn hóa cố hữu, tế nhị, cò truyền của hai miền Trung Bắc (..)

« Mãi cho đến sau thế chiến thứ nhất 1914-18, nhờ cuộc giao thông tiện lợi, phong trào sách báo ở Hà-Nội truyền được vào Nam, tình trạng bế tắc này mới thay đổi. Bắt đầu là *Nam Phong tạp chí* (1917-1934) rồi đến báo *Phong Hóa, Ngày Nay* ở Hà Nội (1932-40), báo *Tiếng Dân* ở Huế (1927) (...) [Và] từ năm 1925 về sau, có những nhà thơ, nhà văn giá trị miền Bắc, miền Trung vào làm báo ở Sài Gòn, như những Tấn Đà, Ngô Tất Tố, Phan Khôi, Đào Trinh Nhất, Bùi Thế Mỹ, Thiếu Sơn vân vân... Chính họ là sứ giả văn hóa cho thời kỳ này (...)

« Từ đó văn học miền Nam dần

dần khởi sắc và cũng từ đó mất dần tính cách đặc thù địa phương mà hòa đồng, thống nhất với văn học dân tộc hai miền Trung Bắc.»

Vậy chủ trương của ông thật rõ rệt : phụng sự văn học dân tộc, chứ không phải văn học địa phương.

Sở dĩ ông có chủ trương đó — có từ hồi nào, tôi không biết, nhưng chắc là sớm lắm — là nhờ ông sinh ở Hà Tiên, trong một gia đình nho gia.

Hà Tiên thuộc về miền Tây, mà miền Tây chịu ảnh hưởng đậm của lưu dân Trung Hoa.

Sách *Văn hiến thông khảo* (do Hãn Nguyên dẫn trong bài kể trên chép về cách sinh hoạt ở Hà Tiên thời Mạc Thiên Tích :

« Nhà cửa không khác Trung quốc, từ nhà Vương [Mạc Thiên Tích tất cả đều làm bằng gạch lợp ngói. Trong cách ăn mặc, họ bắt chước triều đại trước (nhà Minh). Vương bới tóc lười, đội khăn hay mũ bằng nhiễu, mình mặc áo thêu rồng, đai bằng sừng, mang hia. Dân chúng mặc áo cò cao tay rộng. Tang chế đều mặc áo trắng. Ngày thường họ dùng đủ màu (...) Gặp thì họ chấp tay chào nhau. »

Tới gần đây, nghĩa là sau hơn hai thế kỷ, Hà Tiên còn giữ được ít nhiều màu sắc Trung Hoa, từ phong tục, cách ăn ở tới ngôn ngữ, giao tế ; còn miền Đông, từ Vĩnh Long trở ra Biên Hòa, Bà Rịa, chịu ảnh hưởng của những lớp người Nam tiến cuồn cuộn từ miền Trung vô, hạng người tiền đạo này tháo vát,

phóng khoáng, tự tạo một nếp sống mới, có tinh thần bình dân hơn, phóng khoáng, tự nhiên, ưa văn học bình dân hơn.

Tổ tiên của Đông Hồ, gốc gác ở Phúc Kiến (Hoa Nam), có lẽ cùng qua Việt Nam với họ Mạc (Mạc Cửu có dùng một quan kí lục họ Lâm), đời đời theo Nho học và cụ Hữu Lân, bá phụ của Đông Hồ là một nhà nho nổi tiếng văn hay chữ tốt. Thiếu thời, Đông Hồ được cụ dạy dỗ, đào tạo trong nền cò học, gần như không ra khỏi Hà Tiên, không được đọc gì khác ngoài văn thơ Hán và Nôm. Vì vậy tâm hồn ông gần với tâm hồn các nhà Nho Bắc, Trung hơn các người Nam đồng thời với ông ở miền Đông, chẳng hạn như Hồ Biểu Chánh. Vì vậy mà hai mươi hai tuổi, ông đã làm được bài *Phú Đông Hồ*, khiến các nhà Nho phải phục. Vì vậy mà ông được nhận ngay vào phái Nam Phong, suốt đời có nếp sống của nhà Nho, có cảm tình với những nhà văn Bắc, Trung.

Lần lần tinh thần ông hơi thay đổi, mới hơn nhiều nhà Nho trong nhóm Nam Phong, đã rạn hòa với những trào lưu mới, nhưng cốt cách, bút pháp thì hồi ba mươi tuổi đã định rồi. Nhờ cốt cách, bút pháp đó, ông là nhà văn, nhà thơ đầu tiên trong Nam, bắc chiếc cầu Nam—Bắc, mở đường cho sự « thống nhất văn học dân tộc », như ông nói.

Đó là mục đích thứ nhất trong đời ông.

(còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN HIẾN LÊ



M.C. CHOLON

HIỆU THUỐC THƠM
VIRGINIA NỔI TIẾNG
NHỜ...
DẦU LỘC

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (équette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-diện

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

NGHĨ VỀ VĂN-ĐỀ hiện đại hóa Đông-Y

« Der Geist der Medizin ist leicht zu fassen »...

GOETHE

Cũng như khoa-học hiện-tại, Đông-Y không những chỉ nhận-định rằng trong cơ-thể con người luôn tồn-tại quá-trình mâu-thuẫn thống-nhất, mà còn nhấn mạnh sự *thống-nhất giữa cơ-thể con người và hoàn-cảnh cỡ ngoài*. Con người không thể tách rời khỏi hoàn-cảnh thiên-nhiên để cô-độc tồn-tại mà luôn luôn chịu ảnh-hưởng các kích-thích của ngoại-giới, đồng-thời, không ngừng thích-ứng với mọi biến-đổi, khiến cho nội ngoại điều-hòa để duy-trì thân-thể khỏe mạnh. Nhưng ngoại nhân phải thông qua nội-nhan thì mới có tác-dụng. Theo quan-điểm của cổ-nhan, bất luận về mặt điều-trị bệnh-tật hay phòng ngừa bệnh tật, đều phải đặc-biệt chú-trọng tới công năng bên trong cơ-thể. Cho nên *Nội-kinh Tố vấn* viết: « Chân khí tàng chi, tinh thần nội thủ, bệnh an tồn lại », với ý nói nếu cơ-thể sinh-lý kiên-toàn thì có thể chiến-thắng các ngoại nhân và bệnh - tật không phát-sinh được; hoặc « chính-khi tồn nội, là bất khả càn ». Quan-niệm người xưa hoàn-toàn phù hợp với y-lý ngày nay. Khi cơ-thể đã suy-yếu, sức đề-kháng giảm, nhân-tố ngoại-giới dễ tác-dụng để gây bệnh cho cơ thể. Điều này ai cũng biết. Ví dụ vi-trùng Kock một khi đã xâm nhập cơ thể không phải lúc nào cũng gây

được bệnh, mà phát bệnh hay không còn tùy thuộc nhiều yếu tố bên trong như tinh-thần tình-cảm (thất tình của Đông-Y), sức đề-kháng (chính-khi của Đông-Y), và những nhân-tố bên ngoài như khí-hậu, dinh-dưỡng, lao-động...

Xuyên qua các điểm lý-luận trên, và áp-dụng vào thực-tiến lâm-sàng, tứ chẩn, bát cương, bát pháp của Đông-Y cũng vô cùng khoa-học. Chúng ta thử dùng nhị cương hàn nhiệt chẳng hạn, để thử phân-tích theo quan-điểm y-học Thái-Tây. Theo Đông-y, bệnh-nhan được mô-tả là có *chứng hàn* khi sắc mặt trắng xám, người lạnh, tay chân giá, môi trắng nhợt, hoặc tím tái, móng tay tím, năm sắp co quắp, thích uống nước nóng, miệng không khát, nước bọt nhiều, tiểu-tiện trong nhiều rêu lười trắng trơn ướt, mạch trì hoãn hoặc trầm tế vô lực, trầm tĩnh ít nói. Người bị *chứng nhiệt* ngược lại mặt đỏ, phát sốt, chân tay ấm nóng, môi khô cháy hoặc mọng đỏ, móng chân tay đỏ, thích duỗi chân nằm ngửa, thích uống nước lạnh, miệng khát, ít nước bọt, tiểu tiện đỏ, ít, táo bón, rêu lười thô và khô vàng, mạch sắc cấp hoặc phù hồng, hữu lực. Bực bội

nói nhiều. Dem ánh sáng khoa-học hiện-đại chiếu rọi vào hai cảnh-sắc lâm-sàng hàn và nhiệt của y-lý cổ-truyền vừa mô-tả, chúng ta thấy rằng *hàn tương ứng với tình-trạng nhiệt-lượng cơ-thể không đủ, nhiệt biểu-thị tình-trạng nhiệt-lượng cơ thể dư thừa*. Cho nên «sắc mặt trắng xám, người lạnh, tay chân giá, môi, móng tay tím» là do cơ-thể cố-gắng thích-ứng với hiện-tượng nhiệt-lượng bất-túc, khiến giảm bớt hiện-tượng tỏa-nhiệt ngoại-vi, và vì vậy, để ứng phó, cơ-thể phát-sinh phản-xạ, co thắt mao mạch và tiểu-động-mạch ngoại-biên, hầu giảm-bớt lưu-lượng và tốc độ máu ngoài da. «Năm sắp co quắp» là thu-hẹp diện-tích tỏa-nhiệt bì-phụ; «thích uống nước nóng» là biện-pháp để bổ-sung thêm nhiệt-lượng ở bên ngoài vào; «miệng không khát, nước bọt nhiều, tiểu-tiện trong nhiều» là do thân-nhiệt tương-đối thấp, hô-hấp tương-đối chậm, hơi nước tóát ra do mặt da và đường phổi giảm-thiểu, vì vậy khối nước trong máu tăng cao, đưa đến bài-tiết nước bọt đầy-đủ, đồng-thời các ống sinh-niêu (1) trong thận tái-hấp-thụ (2) ít phần nước của nước tiểu ban đầu. «Rêu lưỡi trắng, trơn ướt» vì chuyển-hóa phân-giải các chất giảm-thấp, vì nói năng ít, lưỡi ít hoạt-động, nên lớp thượng-bì tróc ra còn tồn-tại trên màng nhầy lưỡi. «Mạch trì-hoãn hoặc trầm-tế vô lực» là do nhiệt-lượng thiếu, chuyển-hóa giảm-nhịp tim vì vậy đập chậm (mạch trì hoặc hoãn) và xuất-lượng máu do mỗi lần tim co bóp bơm đi cũng ít

(mạch trầm tế, vô lực). Cuối cùng, bệnh-nhân «trầm-tĩnh ít nói» vẫn là do nhiệt-năng không đủ, tế-bào võ não giảm-bớt hưng-phấn. Đối với các triệu-chứng lâm-sàng thuộc chứng nhiệt, dĩ nhiên có thể giải-thích ngược lại. Đi xa hơn, đối với những phức hợp chứng-trạng, như chứng biểu hàn lý nhiệt, chứng biểu nhiệt lý hàn, chứng thượng hàn hạ nhiệt, chứng thượng nhiệt hạ hàn—Đông-Y gọi chung là hàn nhiệt thác tạp—ta cũng có thể tìm ra rất nhiều điểm tương lân đồng-điều giữa hai nền y-lý tân cổ. Chẳng hạn chứng đại thanh-long thang trong *Thương-hàn-luận* (3) thuộc loại biểu hàn lý

(1) Ống sinh-niêu: tube urinifère

(2) Tái-hấp-thụ: réabsorption tubulaire.

(3) *Thương-hàn-luận* do Trương-trọng-Cảnh viết, là một bộ sách căn-bản của Đông Y, được xem như một pho sinh-lý bệnh-lý (physiopathology) tiêu biểu của y-lý cổ-truyền. Trương-trọng-Cảnh, người quận Nam-Dương tỉnh Hồ-nam, sinh vào khoảng 158-166 sau TCGS, đỗ hiệu-liêm dưới thời vua Linh Đế nhà Hậu-Hán. Tiên-sinh được xem là Hippocrate của Trung-Hoa, và vừa là một nhà lâm-sàng-học vừa là một nhà trị-liệu-học lỗi lạc. *Thương-hàn-luận* gồm hai phần: Thương hàn tạp-bệnh luận và Kim-quỹ yếu lược phương. Sách, vì được viết bằng cổ-văn, nên có phần khó hiểu, và bởi vậy, đã được đời sau, hoặc bổ-sung, tu-chỉnh, hoặc giản-ược canh-tân. Ấn-bản cổ có giá-trị nhất là bản khắc bằng gỗ của Thiệu-khai-Mạc đời Minh, với những lời chú-thích của Thành-vu-Tri, đời Tống (khoảng thế-kỷ thứ 11). Các ấn-bản tân-thời nổi tiếng là bản Thương hàn-luận tân-biên, do Lý-hoãn-Lợi hiệu-định năm 1956 và in ở Bắc-Kinh năm 1957. Dựa vào bộ này, Trung-Tâm Nghiên-Cứu Thương-Hàn thuộc Hàn-lâm-viện Y-Khoa, Nam-Kinh đã ấn-hành cuốn Thương-hàn cương-yếu năm 1959. Một ấn-bản khác của Nhân-dân Ấn-quán Giang-Tô, được Thành-tân-An chú-thích, xuất bản năm 1956.

nhật được mô-tả như sau : “chứng thái dương trúng phong, mạch phù khàn, phát sốt, sợ lạnh, thân mình đau nhức, không có mồ hôi, tâm-thần phiền-táo”. Những triệu-chứng sợ lạnh, không ra mồ-hôi, thân mình đau nhức, mạch phù khàn là thuộc « *biểu hàn* » (1) theo Đông-Y và theo Tây-Y, có thể quy về hiện-tượng co-thắt các động-mạch nhỏ ở ngoại-biên hầu giảm bớt sự tỏa-nhiệt, vì « *biểu* » đang « *hàn* ». Khi lưu-lượng máu ít đi, nhiệt lượng ngoại-biên tương-đối thiếu, các cơ-quan cảm-thụ lạnh ở bì-phu sẽ bị kích-thích, cho nên có « *sợ lạnh* ». Sức cản-kháng ở đầu chi trên tăng cao, gia-bội trương-lực thành mạch của động mạch quay (2), cho nên có « *mạch phù khàn* », « *thân mình đau nhức* » có thể là do độc-tổ — của vi trùng chẳng hạn — tác dụng tới các trung-khu cảm-giác ngoài da, hoặc các đầu sợi thần-kinh, « *không ra mồ hôi* » rất có thể là một hiện-tượng sinh-lý, một phản-ứng phòng-ngự nhằm giảm bớt sự tỏa-nhiệt. Hai triệu-chứng phát sốt và phiền táo lại thuộc « *lý nhiệt* » và có thể được giải-thích là hậu-quả của sự-kiện nhiệt-lượng dư-thừa bên trong cơ-thể, gây kích-thích các tế-bào vỏ não. Ngược lại, chứng « *biểu nhiệt lý hàn* » như chứng *Thông mạch tứ nghịch thang* trong bệnh thiếu âm được mô-tả rất chi-tiết như sau : ... « *Hạ lợi thanh cốc, lý hàn ngoại phiệt, mạch vi muốn tuyệt, bệnh-nhân không sợ lạnh, sắc mặt đỏ, hoặc đau bụng, hoặc oẹ khan, hoặc đau họng...* » « *Mạch vi muốn tuyệt, mạch không thấy* » là do nhiệt-lượng ở lý không

đủ (*lý hàn*) nên cơ-năng tuần-hoàn suy-yếu ; « *đau bụng* » có thể do các cơ trơn ở thành ống tiêu-hóa co-thắt vẫn vì thiếu nhiệt lượng ; « *oẹ khan* » có thể do co thắt cơ trơn dạ dày, hoặc do trung-khu nôn mửa của não bộ vì thiếu nhiệt-lượng mà bị kích-thích ; « *họng đau* » có thể là vì nhiệt-lượng thiếu, sức đề-kháng của niêm-mạc họng xuống thấp, nên các vi-trùng nằm vùng thừa thắng xông lên mà gây viêm ; cuối cùng « *mặt sắc đỏ, không sợ lạnh* » là do mạch máu ngoài da giãn-nở, tăng-cường sự tán-nhiệt (vì da đang nóng, *biểu-nhiệt*)...

Về lâm-sàng-học, có nhiều bệnh mãi đến thế kỷ thứ hai mươi mới được Tây-Y biết tới, thì Đông-Y đã đề-cập đến trong các tài-liệu kinh-điền từ hàng nghìn năm trước. Chẳng hạn bệnh viêm tắc động-mạch mà Đông-Y gọi là *thoát thư* hay *thoát ung*. *Nội-kinh* đã ghi chép khá rõ-ràng về bệnh này : « *Bệnh phát ở ngón chân, gọi là thoát ung, nếu màu ngón chân tím đen thì chết không chữa được. Nếu không tím đen, không chết, không suy-yếu, thì nên mau cắt ngón ấy đi, bằng không tất chết* ». Y-lý cổ-truyền cho rằng các ngón chân hay ngón tay sinh thư (1) nặng, nên bị tím ngắt và lở-loét, lâu ngày khiến rụng cả ngón chân ngón tay, vì vậy gọi là *thoát thư*. Trong Tây-Y, mãi cho tới năm 1906 *Léo Buerger* mới mô-tả bệnh này một

(1) *Biểu hàn tức là lạnh ở bên ngoài, lý nhiệt nghĩa là nóng ở bên trong (xin xem lại tiêu-mục tứ chân, bát cương, bát pháp)*

(2) *Tây - Y và Đông - Y đều bắt mạch ở động mạch quay, nơi vùng cổ tay, mà Tây - Y gọi là rãnh mạch (gouillère du pouls).*

cách chi-tiết rõ-ràng, và vì vậy, y-học ngày nay gọi chứng viêm tắc động-mạch là *maladie de Buerger*. Bệnh hen suyễn (1) cũng được Đông-Y biết đến rất sớm, vì *Nội kinh* đã tả: « Phế bị bệnh, suyễn khái khí nghịch, vai lưng đau, mồ hôi ra... » Riêng về bệnh-cơ của chứng suyễn, cô-nhân rất chú-ý đến đàm, cho nên *Sào-nguyên-Phương* nói: « ...phế-quản không lợi, khí-đạo thu - hẹp lại, khí nghịch lên, khó thở... » *Trần-tu-Viên* cũng tả: « Lúc phát suyễn, hàn-tả ở phế-du cùng trọc-đàm ở phế-mô cấu-kết với nhau, bít lấp đường thở ». Quan-niệm về bệnh-cơ này rất phù-hợp với quan-niệm của y-lý hiện-đại. Tây-Y cho rằng khi lên cơn suyễn, cơ trơn của các tiểu-phế-quản co rút lại, màng nhầy sưng thũng lên, bài-tiết ra nhiều. Các chất bài-tiết — Đông-Y gọi là các chất phân-bí — tức là đàm của tiền-nhân. Các tiểu phế-quản co-rút đã được Đông-Y mô-tả là khí-đạo thu-hẹp. Nhưng điều đáng nói ở đây là *Sào-nguyên-Phương* và *Trần-tu-Viên* đã giải-thích cơ-chế bệnh-lý của chứng suyễn trước Tây-Y nhiều.

Ngay trong các khoa-học căn-bản của y-thuật, như cơ-thể sinh-lý-học, tiền-nhân cũng đã có những ý-niệm khá chính-xác, dấu rằng người xưa không giải-phẫu thi-hài, không dùng phương-pháp thực-nghiệm. Ví-dụ hệ tuần-hoàn. Phát-hiện được sự tuần-hoàn huyết dịch là một thành-tích vô-cùng vĩ-đại của Tây-Y, với tác-giả tiên-phong là *Harvey*, vào thế-kỷ thứ mười bảy. Nhưng từ mấy nghìn năm trước, thiên « *Vinh vệ sinh hội* »

trong *Linh-khu* đã mô-tả đại-khái nguồn-gốc chủ-yếu của huyết-dịch là do đồ ăn thức uống sau khi tiêu-hóa trở thành chất dinh-dưỡng nuôi khắp cơ-thể, và nêu rõ huyết dịch chia làm hai loại, một loại « vinh hành mạch trung » tức là máu và một loại « vệ hành mạch ngoại » tức là bạch-huyết(3) Đi vào chi tiết hơn nữa, người xưa cũng từng nghiên-cứu về thành-phần căn-bản của huyết-dịch, nên *Tổ-Vấn* đã ghi « diêm giả thắng huyết ». Về hiện-tượng máu đông, sinh ra huyết-thanh, dấu chưa biết rõ nguyên-nhân khiến đông máu, nhưng cũng đã có danh-từ « huyết trấp » để chỉ huyết-thanh của Tây-Y. Tiền-nhân cũng biết tủy, gan và tỳ có liên-hệ mật-thiết với công-năng tạo-huyết. Cho nên *Tổ-vấn* viết: « Cốt tủy kiên cố, khí-huyết giai tòng... tà bất năng hại ». *Linh-khu* cũng ghi « Não vi tủy chi hải », phù-hợp với nhận định của khoa-học hiện-đại là não-bộ có liên-quan chặt chẽ với tủy, tức là những trung-khu điều-tiết sự tạo huyết. Và lại, khi nói « thận sinh cốt tủy, tủy sinh can » là tiền-nhân đã biết thận, gan đều sản-xuất những chất để đối-phó với những trường-hợp thiếu máu: về điểm này, trong

(1) *Thư* là một sâu trong thịt, ung là một cặn ngoài da (do đó, có danh-từ ung-thư). Thoát: róc thịt ở xương ra.

(2) Hen suyễn là do hai chữ hao suyễn: hen dịch nghĩa chữ hao, suyễn dịch âm chữ suyễn.

(3) « Nhân thụ khí ư cốc, cốc nhập vu vị, tán tinh vu oan dĩ truyền vu phế, ngũ tạng lục phủ, giai dĩ thụ khí, kỳ thanh giả vi vinh, trọc giả vi vệ, vinh hành mạch trung, vệ hành mạch ngoại... »

Tây-Y, mãi đến năm 1898, *Tigertedt* và *Bergmann* mới trích-khai được từ miền vỏ thân của thỏ chất *renin*, một chất có tác-dụng gia-tăng huyết-áp.

Trong chẩn-đoán, phương pháp xem *hồ-khầu*, hay nói nôm na là xem mạch máu ngón tay ở trẻ nhỏ, vừa để chẩn-đoán bệnh, vừa để biết bệnh nặng nhẹ, được Đông-Y ứng-dụng vào lâm-sàng nhi-khoa từ cuối đời Bắc-Tống, khiến chúng ta liên-tưởng đến phương-pháp soi *mao quản* của Tây-Y, vì trong phương-pháp này, Tây y-sĩ cũng quan sát các mao-quản ở vùng chân móng tay (1).

Trên đây, chúng tôi chỉ so-sánh sơ-lược một vài khía-cạnh của kho-tàng y-lý cổ-truyền với những dữ-kiện tương-đương trong y-học hiện-đại. Phạm-vi và đề-tài bài khảo-luận này không cho phép đi sâu hơn nữa.

Đông Tây-y kết-hợp trên đất Bắc

Chủ-trương «Đông Tây Y kết-hợp» là một trong những phương-châm chính của nền y-học hiện nay tại miền Bắc Việt-Nam, nền y học mà chính quyền ngoài ấy gọi là y-học cách-mạng (!). Nhưng thực ra đây chỉ là phỏng theo nguyên-tắc «Trung Tây Y đoàn kết» của Trung-Hoa lục-địa.

Miền Bắc hiện có một Hội Đông-Y hoạt-động chính-thức từ năm 1957, dưới sự lãnh-đạo của Đảng và Chính-phủ, theo một nghị-định do Bộ-Trưởng Nội-vụ Ung-văn-Khiêm ký. Hội-trưởng hiện nay dường như là Cụ Đặng-văn Cáp, một vị lương-y lão-

thành. Từ Trung-ương đến địa-phương, Hội có những chi-hội, phân-hội. Ở một vài huyện và tỉnh, Hội có những bệnh-xá bệnh viện Đông-Y, chuyên phụ-trách trị-liệu các bệnh-nhân bằng dược-liệu cổ truyền, và so-sánh kết-quả với các phương-thức trị-liệu tân-tiến.

Bên cạnh là một tổ-chức chính-quyền, trực-thuộc Bộ Y-Tế: Viện Đông-Y, phụ-trách nghiên-cứu Đông-Y về mọi phương-diện dưới khía-cạnh khoa-học. Đáng lưu-ý là các cán-bộ nòng-cốt của Viện Đông-Y là những bác sĩ Tây-Y biệt-phái. Viện-trưởng Viện Đông-Y cũng là một Tây-y bác-sĩ, hiện nay dường như là bác-sĩ Nguyễn-văn-Hường, đồng-thời kiêm-nhiệm chức-vụ phó hội-trưởng Hội Đông-Y.

Chủ-trương chung của chính-quyền miền Bắc là dùng nhiều thuốc nam thay thế thuốc bắc thuốc tây. Vì vậy, các bài thuốc gia-truyền, các toa thuốc của đồng-bào thôn quê và miền núi được kiêm-nhiệm, nghiên-

(1) *Hồ-khầu* là một huyết ở chỗ khe ngón tay cái, giáp giới ngón tay trỏ. Khi trẻ mắc bệnh thì hiện ra một tia máu nhỏ từ khe ngón cái dẫn lên sườn ngón trỏ. Bộ vị để xem là ngón tay trỏ. Đốt thứ nhất gần huyết hồ-khầu là phong quan, đốt thứ hai là khí quan, đốt thứ ba là mệnh quan. Đông-Y gọi là hồ-khầu tam quan. Căn cứ vào hình-sắc của chỉ mạch hiện ra ở tam quan, có thể phân-biệt được các loại bệnh. Chỉ mạch hiện ra ở phong quan là bệnh tương đối dễ chữa, chỉ hiện ra ở khí quan là bệnh đã hơi nặng chỉ chạy ra mệnh quan là thời-kỳ rất nặng, phần nhiều thuộc bệnh nguy hiểm. Do đó có câu phong khinh, khí trọng, mệnh nguy. Màu sắc và hình-thái chỉ ngón tay thay-đổi tùy theo tình-trạng nặng nhẹ của bệnh, từ màu hồng đến đen, cũng giống như trong phương-pháp soi mao-quản (*capillaroscopie*), nhưng phương-pháp này đòi-hỏi phải dùng kính soi mao-quản, chứ không xem bằng mắt không.

cứu nhiều, được áp-dụng song-song cùng các biện-pháp trị-liệu Tây-Y.

Tạp chí Đông-Y do Hội Đông-Y xuất-bản cũng phổ-biến những bài giảng về cơ-thể, sinh-lý, dược-lực, trị-liệu thuần-túy Tây-Y, bên cạnh những phương thức trị-liệu kết-hợp Đông-Tây.

Trường Đại-Học Y-Khoa Hà-nội có giảng-dạy Đông-Y cho sinh-viên Y-khoa các năm cuối, và đã đào tạo ra một số bác-sĩ Tây-Y chuyên về Đông-Y. Năm 1965 chẳng hạn, có 27 bác-sĩ loại này tốt-nghiệp (1). Ngoài ra, Bộ Y-Tế và Viện Đông-Y thỉnh thoảng cũng tổ-chức những cuộc "tham quan" các di-tích lịch-sử của Trung-Y như năm 1968, hai bác-sĩ Phạm - bạch - Cư và Nguyễn - văn - Hưởng đã thăm viếng Bắc-Kinh (2).

Xu-hướng hiện-đại-hóa Đông-Y tại Trung-Hoa

Trung tâm của Đông-Y là Trung-Hoa. Từ khi có sự xâm-nhập của chủ-nghĩa đế-quốc, mang theo cả nền Tây-Y vào chiếm địa-vị ưu-thế thì nền Đông-Y rơi xuống địa-vị thứ-yếu. Đông Y trong thời-kỳ này (1801-1936) coi như ở giai đoạn thoái-trào.

Rồi kể từ 1884, khi Đương-tôn-Hải, với quyền Trung Tây Hồi Thông, đề-xướng việc dùng Tây-y để giải-thích lý-luận Đông-y và nhất là sau khi quyền Hoàng-Hán Y-Học của Bác-sĩ Thang-Bản Cầu-Chân (bác-sĩ Tây-y Nhật-bản) ra đời vào năm 1927, được truyền sang Trung-Hoa ảnh-hưởng tới giới Đông-Y Trung-

Quốc, càng ngày càng có nhiều tác-giả theo con đường giải-thích lý-luận và thực-hành Đông-Y bằng y-lý Tây-phương.

Đại-biểu cho đường hướng này cho tới năm 1959 có Lục-Uyên-Lôi (Thượng-Hải), Dư-Vô-Ngôn (Nam-Kinh), Trần-Cự-Lâm (Hương-Cảng), Thời-Dật-Nhân (Hương-Cảng, tác-giả bộ Thời-thị Y-học từng-thư). Những học-giả này thường lấy Tây-Y giải-thích và chứng-minh cho Đông-Y và có khi còn Tây-y-hóa ít nhiều Đông-Y. Chẳng hạn, nguyên-nhân, triệu-chứng, chẩn đoán dựa trên cơ-sở Tây-Y, nhưng điều-trị còn giữ phép biện-chứng luận-trị, áp-dụng các đông-dược thích-hợp.

Về châm-cứu cũng vậy, phần lớn đều theo hướng ít nhiều Tây-y-hóa. Nhà tiên-phong trong xu-hướng này là Thừa-Đạm-Am, tác-giả bộ Trung-quốc châm-cứu-học, iếp theo có Chu - Liễn (3), Lý - Thanh - Hiệp, Vương-Tuyết-Đài v.v... đều theo hướng này, tức là giải-thích cơ-chế châm-cứu chủ-yếu dựa vào môn giải-phẫu thần-kinh hiện-đại, lấy cơ-thể-học làm căn-bản trong việc sắp xếp các huyệt, không chú-ý đường kinh-

(1) Nguyễn-văn Hưởng. *Renovation of traditional medicine Vietnamese Studies* 6. 1965.

(2) P. Huard et M. Wuno. *Chinese Medicine. World University Library Mc Graw Hill Book Company. New York Toronto. 1968.*

(3) Bà Chu-Liễn, Viện-phó Hàn-Lâm Viện Y-Khoa Trung-Hoa (lục-địa) là giám-đốc một trung-tâm quốc-tế về châm-cứu ở Bắc-Kinh. Học-viên từ khắp nơi trên thế giới được gửi đến đây thụ-huấn. (P. Huard ttd)

lạc cổ truyền. Về bệnh cũng lấy tên bệnh, nguyên-nhân, triệu-chứng theo Tây-Y, Đông-Y chỉ lấy ở phần định nuyệt và thủ-thuật châm-cứu.

Đường-hướng này có cái lợi thực-tiến là giúp nhiều cho Đông-Y cụ-thể-hóa hơn khái-niệm vốn trừu-tượng của mình, do đó, giúp Tây-Y hiểu Đông-Y dễ hơn, song nếu muốn gò ép giải-thích hết Đông-Y bằng Tây-Y thì — ít nhất là trong giai-đoạn hiện-tại của khoa-học — Tây-Y chưa thể làm được, và vô-tình sẽ hạn-chế công-tác đào sâu lý-luận và thực-tiến Đông-Y vốn vô-cùng phong-phú.

Vì những lý do trên, dần-dà thấy có sự chuyển-hướng trong việc nghiên-cứu Đông-Y, theo hướng phát-triển Đông-Y trên toàn-bộ cơ-sở lý-luận và thực-hành của y-thuật này. Tiên-phong trong chiều này là một loạt bài nghiên cứu của dược-viện Trung-Y Giang-Tân về kinh lạc, nhi-khoa khái-yếu v.v... đăng trên Trung-Y tạp-chí từ năm 1957. Rồi đến năm 1960, phó *Trung-Y giảng-nghiã* 17 quyền của 5 Trường Đại-Học Đông-Y Bắc-Kinh, Nam-Kinh, Thượng-Hải, Quảng-Châu và Thành-Đô được ấn-hành, vẫn theo cùng xu-hướng.

Kết-quả là sự thành-lập một *Hàn-Lâm-Viện Y-Khoa* chung cho cả nước, quy-tụ các bác-sĩ bên cạnh các lương-y cổ-truyền, đồng thời với sự tổ-chức những bệnh-viện hỗn-hợp hoặc thiên về Tây-Y, hoặc thiên về Đông-Y. Trong các bệnh-viện loại thứ nhất chín phần mười lương-y là Tây y-sĩ, một phần mười là Đông y-sĩ; trong các bệnh-viện loại thứ hai, tỷ-số y-sĩ, đảo -ngược. (1)

Tại Đài-Loan, nhìn chung, phong-trào hiện-đại-hóa Đông-Y tuy có được đề-xướng nhưng dường như không được hưởng-ứng nhiều. Đài-Loan hiện có khoảng trên một nghìn Đông-Y-sĩ hành-nghề hợp-pháp (năm 1957, danh-sách đoàn-viên Đông-Y ghi nhận 1089 y-sĩ) (2).

Trung-Tâm Nghiên-Cứu Trung-Y-Dược được thành-lập vào khoảng 1957, với vị Giám-Đốc đầu tiên, Bác-sĩ Lý-Hoãn-Tân, một bác-sĩ Tây-Y tốt-nghiệp tại Đức-Quốc. Trung-Tâm ấn-hành một tập-san, tờ *Trung-Quốc Y-Dược*, với chủ-trương tổng-quát là dung-hợp Đông-Y với Tây-Y, khuyến-khích Đông-Y cung-cấp cho nền y-học tân-tiến, nền y-học thế-giới những gì hữu-ích, hữu hiệu, trong khi vẫn bảo-tồn cá-tính đặc-thù của nền y-học quốc-gia. Đồng-thời, một Trường Đông-Y được thiết-lập ở Đài-Trung, nhưng tuy được chính-phủ Tưởng-Thống-Chế chấp-nhận, mà trên thực-tế, Trường lại chỉ là một thứ tư-thực học-đường. Trở-ngại trầm-trọng cho việc điều-hành nhà trường là sự thiếu giáo-sư đủ khả-năng và tài-liệu huấn-giảng. Dầu sao đi nữa, thì vị Giám-Đốc của Trường, vào những năm 1967-1968 lại là một Tây-Y Bác-Sĩ! (3)

Ngoài ra, Hiệp-Hội Trung-Quốc Y-Dược Cổ-Truyền còn xuất-bản một tập-san định-kỳ khác, tờ *Cải-thiện Trung-Y*, mà nội-dung và chủ-trương vẫn là dùng khoa-học để cải-cách nền y-thuật cổ-truyền.

(còn tiếp)

Bs. TRẦN VĂN TÍCH

Kỳ tới:

Phương-thức cải-cách Đông-y tại Đại-hàn

(1) Theo P. Huard, *Trung-Hoa lục-địa* có 20 Trường Đại-Học Đông-Y, có những giảng-tòa (chaires) về lịch-sử y-lý cổ-truyền trong các Trường Đại-Học Tây-Y, có một Hàn-Lâm-Viện Đông-Y, một Viện Thực-Nghiệm Châm-Cứu và một Viện Nghiên-Cứu Trung-Y về Y-lý cổ-truyền, thành-lập năm 1955 tại Bắc-Kinh (tldd).

(2) *Trung-Y-Dược niên-giãm*. Hương-Cảng, 1957.

(3) Croizier R.C.—*Traditional medicine in modern China*. Harvard University Press. Cambridge. Massachusetts. 1968.

BNP

A votre service

tous les services de la

BANQUE

NATIONALE

DE PARIS

Trên tàu « Helgoland »

Ngọc-Dung nũng nịu bảo tôi :

- Chị Barbara à, chị cho em vào thăm bệnh nhân đi.

Tôi chúm môi, lắc đầu, tát nhẹ vào má nàng, thân mật :

— Thôi mà, em lên phòng chị. Chúng ta còn nhiều chuyện cần nói.

Ngọc-Dung vẫn kéo nài :

- Rồi sẽ nói sau cũng được. Em muốn đi thăm cho khắp. Và có một số quà mang đến cho mấy em nhỏ. Thẻ danh dự với chị là sẽ không có chuyện « bé bối » như lần trước nữa đâu.

Tôi bật cười vì hai tiếng « bé bối ». Cái lỗi dùng từ ngữ đã ngộ nghĩnh lại được thốt ra bởi Ngọc-Dung, nghe vừa buồn cười lại vừa đáng yêu. Nó gói ghém cả một kỷ niệm đầy ý nghĩa và mỗi lúc nhớ tới tôi lại nghe lòng tôi nôn nao, bùi ngùi.

Chuyện xảy ra vào dạo Ngọc-Dung đến thăm tàu bệnh viện lần đầu tiên. Nàng đi với chú nàng là bác sĩ Huyền, nhân vật mà tôi sắp phải nói nhiều, trong bức thư này.

Ngọc-Dung, người bạn gái Việt nam nhỏ nhắn của tôi quả rất xứng đáng với cái tên khéo chọn. Ngọc-Dung, có nghĩa là *đung nhan đẹp như ngọc*. Mà đúng là như vậy. Con người này quả đã hội đủ những nét thanh quý điển hình về cái đẹp của người phụ nữ Việt-nam thuần túy. Ở nàng, có một thứ cốt cách mà dù lối phục sức, điểm trang có giản dị đến đâu, cũng đủ làm tôn trưởng vẻ cao sang, đài các,

và cái cung cách ý tứ, nét na, kín đáo— đặc tính cổ hũu của người đàn bà đức hạnh Việt Nam— đi đôi với sự hồn nhiên làm tăng thêm cái phong vận thanh lịch và cái duyên dáng cực kỳ quyến rũ. Hầu như bẩm tính thiên phú và một lối giáo dục gia đình khá thích nghi với thời đại đã tạo được cho Ngọc-Dung cái mực thước rất đẹp trong cách thể biểu hiện. Tuy đã được thoát ly hẳn cái khuôn khổ chật chội, cứng rắn còn sót lại của thứ lễ giáo cổ truyền khắc khe. Ngọc-Dung vẫn không có cái sở sảng, ngỗ ngáo của lớp thiếu nữ thuộc loại « đợt sóng mới ». Ở Ngọc-Dung cái gì cũng có chừng mực, cũng giữ được thể quân bình, cũng vừa phải, từ cử chỉ, điệu bộ đến ngôn ngữ và lối biểu lộ cảm tình. Nhưng có một điểm khiến tôi phải để ý với rất nhiều trăn trở và buồn thương. Tôi muốn nói đến một nét khá phổ biến mà tôi thường bắt gặp ở phần đông giới thanh thiếu niên, cả nam lẫn nữ, của cái xứ sở này. Là cùng với sức trẻ trung của tuổi tác, với cái nhựa sống tràn trề, sung dạt của chồi, lộc thanh tân. họ đã có sự già dặn về tâm tư, tâm hồn. để ánh mắt trong sáng, nụ cười tươi vui không che dấu nổi cái phảng phất của những nét buồn nãn, chán chường bắt nguồn từ cái thảm trạng dai dẳng của đất nước và đã lắng đọng, thấm sâu vào trong tiềm thức cộng đồng. Ngọc-Dung cũng vậy. Và chính những nét đượm buồn phảng phất ấy đã điểm chuyết thêm vẻ nao nùng, trang nhã cho cái dung mạo khả ái của nàng.

Thành thực, hồn nhiên, cởi mở, cô nữ-sinh-viên xấp xỉ cái tuổi hai-mươi này—nói tiếng Pháp khá trôi chảy—đã chinh-phục được tất cả thiện cảm của tôi ngay trong buổi đàm-thoại đầu tiên ở phòng khách.

Thế theo ý muốn của nàng và lời yêu cầu của bác sĩ Huyền, tôi hướng dẫn nàng đi thăm bệnh nhân trên tàu. Vừa qua mấy dãy giường bệnh, tôi thấy cặp mắt của nàng chớp nhanh, gương mặt tươi thắm như hoa xuân chuyển dần vào cái dáng thần thò, tê tái. Lặng-lẽ tiếp-tục rảo bước theo tôi, thỉnh-thoảng Ngọc Dung dừng lại, chăm chú, bùi ngùi lắng nghe tôi nói rõ về một vài trường-hợp đặc-biệt của bệnh-nhân. Và khi đến giường cuối cùng của phòng thứ nhất, trong lúc vẫy tay, mỉm cười với em bé đang ngồi ăn cam ở tầng giường trên, tôi bỗng nghe phía sau có một tiếng nấc nổi lên. Tôi quay vội lại. Ngọc Dung chừng như không còn đủ sức chế-ngự cơn xúc-động dữ-dội trong lòng, đưa tay nắm chặt lấy thành giường. Hai vai nàng rung lên. Hai dòng lệ tuôn đầm đìa theo với những tiếng nức-nở nghẹn-ngào.

— Xin lỗi nữ bác-sĩ...

Vừa nói, nàng vừa lấy khăn lau vội nước mắt với cái dáng bối rối, ngượng ngùng. Tôi ái-ngại nhìn nàng và tôi nghĩ là không nên đưa nàng đi sâu hơn nữa vào cái thế-giới của bệnh-n'ân. Thay vì tiến qua phòng thứ hai, tôi dẫn nàng xem qua phòng giải-phẫu rồi đưa thẳng trở về phòng khách. Hiểu ý tôi, bác-sĩ Huyền lặng-lẽ theo sau, và khi đã ngồi vào xa-lông, ông đốt thuốc hút, nhìn theo làn khói thuốc với dáng xao-xuyến, suy tư. Tôi bao pha cà phê mời

bác-sĩ và gọi nước cam tươi cho cô bạn nhỏ. Chỉ mới gặp gỡ, tôi đã mến nàng như một người bạn chí-thân, nhất là trong lúc này, với cái vẻ bi thương, sầu muộn, trông Ngọc-Dung mới đáng yêu làm sao.

— Tôi xin lỗi nữ bác-sĩ... tôi đã làm phiền...

— Sao cô lại nói vậy. Chuyện tự-nhiên lắm mà. Bọn chúng tôi quen rồi, cũng như bác-sĩ đây vậy, lăn-lóc với nghề nghiệp lâu rồi, nên mới chế ngự được. Cô là người giàu tình cảm, dễ xúc động, đột-nhiên phải chứng kiến những cảnh như vậy, thật khó mà làm chủ được lòng mình.

Ngọc-Dung bỗng ngẩng mặt lên, như muốn nói gì, nhưng rồi lại ngập ngừng thỉnh lặng. Và cũng ngay lúc ấy, tôi thấy bác-sĩ Huyền cũng ngẩng mặt lên, lắc nhẹ đầu mỉm cười nhìn tôi. Sự trùng-hợp của hai cử-chỉ này khiến tôi phải suy-nghĩ, vì hầu như cả hai đều có một phản-ứng đồng ý-nghĩa trước những lời tôi vừa nói. Tôi muốn tìm hiểu, nhưng bác-sĩ đã nói qua chuyện khác.

Rồi chẳng bao lâu, Ngọc-Dung và tôi đã trở thành một đôi bạn chí-thân thực sự. Tôi nhắc lại chuyện cũ và tôi hỏi nàng về điểm tôi đã băn-khoăn. Ngọc-Dung tâm-sự :

— Em đã muốn nói với chị ngay hồi đó, nhưng em còn bỡ ngỡ. Thực-sự không phải em đã khóc chỉ vì xúc-động trước cái cảnh đáng thương-tâm. Chính em cũng từng phải ngắm nhìn hàng ngày những cảnh-tượng thê-thảm như vậy, còn hơn nữa là khác. Trên 41 xứ-sở của em, chị cũng chán biết

rồi, ngày nào mà chẳng có cảnh chết-chóc, chẳng có tang-tóc, đau thương, chẳng có những con người lành-mạnh biến thành hạng người tật nguyền thương-phế, chẳng có những gia đình êm-ấm lâm cảnh chiếu đất, màn trời. Cũng quen mắt lắm rồi, chị à. Em sợ-dĩ đã khóc là vì...

Ngừng lại giây lát, rồi bằng cái giọng nghẹn-ngào, Ngọc-Dung nói tiếp:

— Qua cuộc thăm viếng hôm ấy, nhận rõ được lối cứu chữa, săn-sóc chu-đáo, tận-tình, cái tinh-thần nhân-đạo và thiện ý thể-hiện tình người một cách chân-thành của bác-sĩ đoàn và toàn thể nhân-viên trên tàu, tự dưng em thấy vừa cảm-kích vừa buồn tủi chị à.

— Sao lại buồn tủi?

— Với chị bây giờ em tưởng không cần phải dẫu-diểm. Em nghĩ tại sao người cùng một nước lại nở coi nhẹ tình đồng-bào, quên cái lẽ máu chảy, ruột mềm đang tâm đâm chém sát hại lẫn nhau, để đến nỗi những người bạn ở viên xứ phải lặn lội đến đây mà xoa dịu, hàn gấn bao nỗi đau thương, khổ hận. Tại sao những bàn tay xa lạ thì lại chăm lo băng bó, mà những bàn tay huynh-đệ thì lại thích chuyện tương tàn? Tại sao lại có một chuyện nghịch lý đáng thẹn thường, xót xa như vậy?

Thực là những câu hỏi náo lòng. Và câu chuyện trên đây càng làm cho tôi cảm thấy là mình may mắn. Sự từng trải và thói quen tạo nên bởi nghề-nghiệp quả đã giúp cho những người đàn bà như chúng ta có đầy đủ nghị-lực để làm chủ được tình-cảm, chế ngự được những xúc-động mãnh-liệt mà

chính nghề nghiệp thường đưa đến cho chúng ta như những thách đố hàng ngày. Với cái nghề y-sĩ, ít ra chúng ta cũng đã tạo được cho tâm-hồn, con tim, một lớp giáp, một cái vỏ bề ngoài hầu như chai đá, lạnh-lụng, trước những cảnh tượng, trong những trường-hợp bi-đát, thương-tâm vượt hẳn sức chịu-đựng của nữ-phái vốn là giống tạo sinh mẫn-cảm.

Tôi nói là may mắn, vì nếu còn thiếu một sự võ-trang tinh-thần vững chãi như vậy thì, chị Marguerite à, chị cũng biết đấy, làm sao một phụ-nữ, với cái bản-chất mềm yếu dễ xúc cảm, hay mũi lòng, rơi lệ như tôi thuở nhỏ, có thể khắc phục được sức kích động dữ-dội của những ấn-tượng kinh-hoàng, thâm-thảm ở đây, dù chỉ là trong một ngày mà thôi.

Mà trên đất nước này, chị thử nghĩ, chiến tranh đã kéo dài hơn hai mươi năm trời rồi đó. Trên cái lãnh-thổ phân qua, rách nát tới bời này, máu loang khắp nơi, tuôn trào bất tuyệt, và hầu như thịt xương nát rữa trong máu lệ, máu lệ khô đọng trong uất hận, đau thương thay vì dập tắt được khói lửa, lại biến thành một nguồn nhiên-liệu sung-thiêm để nuôi dưỡng sức ác-liệt của cuộc can qua. Ở đây không có lò hỏa-thiêu, không có phòng hơi ngạt, nhưng hơi oi, chị chớ vội tưởng tôi muốn nói lên một điều may mắn, mà, ngược lại, cơ sự còn bi-đát, thiếu náo hơn nhiều, bởi lẽ bất cứ nơi nào hay xó xỉnh nào cũng có thể là phòng hơi ngạt, là lò hỏa-thiêu cho người dân xứ này, cũng có thể dải ngộ cho họ, bất luận vào giờ giấc nào, một sự hóa-kiếp bất thần, vô

nghĩa như sự hóa kiếp không một tiếng vang của những con ve, cái kiến. Ngày đêm không những chỉ có hàng hàng, lớp lớp chiến sĩ đôi bên phải gục xuống vì một cuộc tranh chấp của hai thứ chính nghĩa phủ nhận lẫn nhau, mà còn có hàng hàng, lớp lớp lương dân phải ngã gục theo, một cách oan uổng, vô lối, với cái thân phận, nói theo một câu tục ngữ của người Việt, *những rười muôi trong cơn lúc lộn hăng say của trâu với bò*.

Với cái thái độ vô tư, trung lập mà sự mạng của chúng ta đòi hỏi, tôi chẳng biết qui tội cho ai, phiên trách bên nào trong những phe liên hệ. Chúng ta đến đây để thể hiện tình người, không phải đến để xét đoán. Vả lại dù muốn làm chuyện đó cũng chẳng dễ gì, khi bất cứ kẻ nào cầm súng để sát hại đối phương cũng có đủ lý do và một thứ chính nghĩa để biện minh cho việc nhúng tay vào máu. Tôi chỉ biết đau xót không ngừng trước những thảm họa, thống khổ vượt quá trí tưởng con người, trước những tội ác và những bạo hành thường gây ra cho tôi cái cảm giác rợn rợn, kinh hoàng như chính mình đang sống lùi trở lại với lớp sơ nhân thích đập sọ, dãn xương đồng loại để hút óc, hút tủy. Tôi chỉ biết gậm nhấm ngày đêm nỗi ân hận vì sự bất lực của mình trong cái nhiệm vụ xoa dịu, hàn gắn thương đau chỉ có phép lạ may ra mới xoa dịu nổi.

— *Trời ơi! cái xứ sở này nó sẽ ra sao?*

Lời thở than được thốt ra bởi bác sĩ Strauss, vào một buổi sớm cùng các bạn đồng sự ngồi uống cà-phê trong phòng khách. Lời thở than, mà cũng vừa là một câu hỏi này, đã khiến cho cả bọn nghi-ngợi rất nhiều trong dáng

suy tư, khắc-khoải. Mùi vị cà-phê bỗng nhạt hẳn đi. Tiếng rừ rừ thoát ra từ chiếc máy hút bụi và tiếng cười khúc-khích của hai chị lao-công người Việt, ở một góc phòng, không làm suy-suyển chút nào cái nặng-nề đột-ngột của bầu không-khí. Những làn khói thuốc thơm vươn lên cao một cách khó-khăn rồi oằn xuống lướt-thướt, giao téo vào nhau như những sợi tơ lòng rối loạn. Qua tấm kính lớn, nhìn ra dòng nước sông Hàn dâng cao và đục ngầu vì mấy ngày qua có mưa nguồn, tôi ngả người trên lưng ghế bành bọc nhung xanh, cần môi, thỉnh lặng không phải để bó-óc tìm lời giải-đáp — ai mà giải đáp cho nổi hử Trời! — nhưng để lan-man nghĩ tới cái tình trạng tràn ngập về công-tác y-tế mà chúng tôi đang phải đối-phó thường xuyên. Khả năng dung nạp có hạn, số nạn-nhân cầu được cứu chữa thì chẳng biết cơ man nào mà kể cho xiết. Công cuộc xây cất bệnh viện trên đất liền đang tiến hành nhưng dù có hoàn tất thì cũng khó mà thỏa-mãn được nhu cầu càng ngày càng gia tăng. Với một trăm tám chục giường, kể cả số hai chục giường vừa được tăng cường, với tám bác-sĩ, hai mươi lăm nam nữ y-tá, năm chuyên-viên phòng thí-nghiệm người Đức chúng ta, cộng thêm vào mười lăm nữ y-tá, tám thông-dịch viên, một chuyên-viên phòng thí-nghiệm người Việt, dù chúng tôi phục-vụ tới tận đêm ngày và dù tận-tâm đến đâu, tôi vẫn cảm thấy chỉ là những cố gắng vô-nghĩa, trước cái khối lượng bệnh-nhân gia tăng với-vội. Và tôi cũng thấy bồn chồn, xót xa, mỗi lúc tôi nghĩ đến những loạt người — không biết nên cho là bất hạnh hay phải gọi là may mắn — đã

thoát được bàn tay tử-thần, chỗi dậy, bò ra từ những đám nạn-nhân hung-nhúc mà hình-hài, xương thịt bầy nát, dưới sức công-phá của đại-bác, của đạn rốc-két, của chất nổ, của lựu-đạn được biến thành một thứ sinh lầy chan hòa máu lệ, hoặc đã gượng dậy, trườn lên từ các vực thẳm tối tăm của những làng mạc bị tàn phá, thiêu rụi, ngùn ngụt bao trùm tóc tang và tử-khí, để cố bám níu lấy cuộc sống với những thân hình tàn-tạ, bệnh-hoạn, tật-nguyên với cái tâm-trạng rối loạn hoảng-hốt của cánh chim vừa thoát nạn cung tên, những loạt người ấy hướng về nơi này với bao nhiêu cặp mắt mỗi mòn, bao nhiêu cánh tay cầu cứu và rồi, hỏi ôi, một số khá đông đã phải thất vọng vì sự khước-từ ngoài ý muốn của chúng tôi.

Những cảm nghĩ đau xót này càng làm cho tôi thương mến Ngọc-Dung và siết chặt thêm sự gắn bó của hai tâm-hồn, thấm-thiết đến độ chúng tôi có cảm-tưởng như cả hai chúng tôi là thành quả chia đôi của cùng một hợp tử, hơn là hai con người dị-chủng, khác biệt quốc-tịch, công-dân của hai quốc-gia cách trở nhau, qua không-gian, những hai châu lục-địa nối liền.

Trước những lời thăn-thỉ của Ngọc-Dung, tôi mỉm cười âu-yếm :

— Được rồi, chị sẽ chịu ý em. Nhưng trước khi đi thăm bệnh nhân, chị muốn cho em biết một chuyện này ngộ lắm. Máy hôm nay chị nôn nóng chờ em chính là vì cái vụ này đây.

Ngọc-Dung, với cặp mắt hung đen láy và cái dáng ngờ-ngác của con thỏ bạch, nhoẽn miệng cười, hỏi vội :

— Vụ gì vậy chị ?

— Bí-mật. Chưa nói được ngay bây giờ.

Tôi nắm tay nàng, vạch xem đồng-hồ :

— Muốn biết thì phải làm đúng theo lời chị dặn. Bây giờ là mười tám giờ hai phút. Em ngồi đây, xem báo và đúng nửa giờ... Nhớ là phải tôn-trọng thời-gian. Chậm đôi chút thì không sao, chứ sớm hơn là hỏng cả đó. Cứ đúng nửa giờ, em lên phòng chị. Nhớ kỹ chưa ? Pời.

Nói xong, tôi bỏ mặc Ngọc-Dung ngồi đấy, lên thẳng phòng tôi. Và nửa giờ sau đã nghe có tiếng gõ cửa.

— Chị Barbara, đúng nửa giờ rồi.

— Em cứ vào đi.

Vừa bước vào phòng, Ngọc-Dung đã đứng sững lại, trở mắt nhìn tôi và reo lên :

— Trời ơi, chị Barbara, chị đẹp quá cơ ! Chị mặc y-phục Việt-nam trông mới xinh làm sao.

Rồi nàng ngắm-nghía tôi từ đầu đến chân :

— Chiếc áo cắt khéo lạ. Màu lại khéo chọn. Mặc áo này, trông chị có cái vẻ cao sang, vương-giả của một công-chúa Đông-phương.

Tôi phát nhẹ vào người Ngọc-Dung :

— Em định cho chị đi phản-lực đó sao ?

— Không mà, em nói thực đó mà.

Nàng vuốt ve thân áo, ngắm nhìn những nét thêu, rồi lùi lại, tựa người vào lưng ghế, nghiêng mặt nhìn tôi chăm chú :

— Chị vừa dành cho em một sự-ngạc

nhiên thích thú. Em có cảm tưởng như bắt gặp một nàng tiên xuất hiện bất thần.

Tôi kéo Ngọc Dung lại phía đi-văng, ngồi xuống bên nàng :

— Em có biết vì sao chị sắm bộ cánh này không ?

— Chùng như chị sắp về nước, chị sắm để làm kỷ niệm chứ gì. Cứ nghĩ phải xa chị, em buồn ghê lắm.

Tôi lắc đầu, nắm lấy bàn tay nhỏ nhắn của Ngọc Dung :

— Còn lâu em à. Ít nhất cũng một năm nữa. Chị sắm bộ cánh này là vì tấm thiệp báo hỉ của em.

Đôi mắt Ngọc Dung chớp nhanh, bừng sáng hẳn lên với cái lóng-lánh của giọt sương mai dưới bóng triều-dương.

— Tin vui của em đã mang lại cho tất cả mọi người trên tàu này một niềm hoan-hỉ. Ai nấy đều mong chờ ngày đó. Bác sĩ Strauss sẽ bố trí để phần đông có thể tham-dự lễ cưới của em. Và chị, chị sẽ đến dự với lối phục-sức hoàn-toàn Việt-nam, với chiếc áo này...

Gương mặt rạng-rỡ, đôi má ửng hồng, Ngọc-Dung siết chặt bàn tay tôi :

— Trời ơi, sung sướng và hân-hạnh cho em biết mấy, hân hạnh cho chúng em biết mấy...

Nàng ôm chầm lấy tôi :

— Chị Barbara ! chị Barbara !

Và nàng chỉ nói lên được ngần ấy tiếng rồi thình lạng, âu yếm nhìn tôi với đôi mắt ràn-rụa những giọt lệ vui mừng.

— Cô Barbara à, chúng ta phải đính chính gặp một nguồn tin đã gây xao-xuyến cho công-chúng ở đây không ít.

— Thưa bác-sĩ Giám-đốc, tin gì vậy?

— Thật là phiền. Chẳng biết do đâu mà một vài tờ báo tung ra cái tin là tàu bệnh-viện này sắp rời Việt-nam nay mai. Theo chỗ tôi biết, nguồn tin này đã làm cho công-chúng hết sức hoang mang. Cần đính-chính ngay là tàu này chỉ rời khỏi đây khi nào bệnh-viện trên bộ đã thực-sự hoàn-thành.

— Chính bác-sĩ Huyền cũng đã cho tôi biết chuyện này, chiều hôm qua. Ông ta biểu lộ cả một niềm lo âu. Tôi đã liên-lạc đài Phát-thanh địa phương để nhờ loan báo đúng như lời bác-sĩ Giám-đốc vừa nói, và đã soạn thảo văn-thư nhờ đài truyền hình về việc này để trình ký sớm nay.

Gật đầu, tỏ vẻ hài lòng, bác-sĩ Glabrevui-vẻ nhồi thuốc vào tẩu, nhưng bỗng dừng ông ngừng tay lại nhìn tôi, nhàu mày và thở dài :

— Cô vừa nhắc đến bác-sĩ Huyền, tôi ân-hận quá chùng.

— Về chuyện hoa Quỳnh, thưa bác-sĩ ? Tôi cũng rất ái-ngại, không biết phải nói làm sao, lúc đưa tiễn, trước vẻ kém vui của người bạn chúng ta.

— Tôi tin là ông ta thông-cảm. Bác-sĩ Huyền cũng thừa biết rằng chúng ta rất khoái cái thú ngắm hoa Quỳnh nở và nghe cổ-nhạc Việt-nam trong cái không khí thân-mật mà bác-sĩ đã có nhã-ý tạo ra vì chúng ta. Riêng tôi, tôi rất quý bác-sĩ. Một tâm hồn cao-nhã, lại là một chiến sĩ nhiệt-thành và rất đặc-lực của Hồng-thập-tự.

— Có gì còn đáng cảm-mến hơn nhiều.

— Đúng như vậy.

Hơn bao giờ hết, qua mẫu đối thoại giữa tôi và bác-sĩ Giám-đốc vừa rồi, hình

ảnh ông bác-sĩ cao-niên người Việt, chú của Ngọc Dung, lúc này bỗng nhiên chiếm trọn cả trí-tưởng của tôi. Con người chân-thực, khả ái làm sao. Chiều hôm qua, ông đến tìm chúng tôi với một gương mặt hân-hoan, rạng-rỡ như vầng nguyệt tròn đầy chiếu tỏa trong đêm thanh ở vùng nhiệt-đới. Vừa bước vào phòng khách, ông đã vui vẻ xoa tay:

— Tôi mang đến cho các bạn một tin vui.

— Một tin vui, thưa bác-sĩ?

— Vâng, hoa Quỳnh lại sắp nở rồi. Cũng tại nhà tôi, và cuộc họp mặt của chúng ta đêm nay sẽ thích thú hơn lần trước bội phần.

Tôi làm sao quên được cái đêm ngắm hoa Quỳnh nở tại nhà bác-sĩ Huyền cách đây hai tháng. Hoa Quỳnh quả là một biểu-tượng cho tất cả cái thanh quý, cao nhã của các giống kỳ hoa và cái phong-độ uẩn-tàng của loại phẩm tiên không chịu đựng được sự xúc-phạm của cái nhìn trần-tục. Nó chỉ xuất-hiện vào lúc canh khuya thanh vắng để rồi lại thu hình, khép cánh vôi-vàng, hầu như cố tình thử-thách cái lòng chí-thành của hạng người sùng-mộ. Và càng đẹp thay mối tình đối với hoa của người Việt, hay của người phương Đông nói chung. Người Tây-phương chúng ta cũng biết yêu hoa, cũng tỏ ra quý hoa, nhưng cái tình của chúng ta đối với hoa, quả còn có phần khinh bạc. Chúng ta chỉ ngắm hoa cho vui mắt hay chỉ để tìm những giây phút sản khoái cho tâm-hồn. Chúng ta chỉ thấy hoa là hoa, hay dưới cái nhìn tinh-tế hơn, là biểu-tượng của hạng giai-nhân, là một nghệ-phẩm trác-tuyệt của đấng Hóa-công đáng được cung

chiêm, thán phục. Người phương Đông còn đi xa hơn, vì không những chỉ biết thưởng ngoạn một cách đắm say, họ còn bắt được nhịp cầu giao cảm giữa tâm-hồn họ với cái gọi là *hồn hoa thần hoa*. Những người sành uống trà, có trà đạo. Những người yêu hoa, có hoa đạo. Cái hoa-đạo thường được thể-hiện qua lối chăm-chút, nâng-niu và nhất là trong cái thú thưởng hoa được nâng lên thành nghi-thức thiêng liêng, vừa trang trọng, vừa tình tứ. Tôi được biết một ông bạn của bác sĩ Huyền, mỗi lúc nhận thấy hoa Quỳnh sắp nở, liền dùng xe xích-lò — một loại xe hai bánh có trần, người ngồi phía trước, phu đạp và lái ngồi riêng phía sau — đi khắp các nhà quen thân loan báo tin mừng và mời đến dự xem. Phải được tham-dự một buổi thưởng hoa, hòa mình vào cái không-khí gia-đình ấm cúng, thân mật, giữa cảnh đêm khuya thanh tĩnh, với những người bạn Việt-nam hiếu-khách, quây quẩn chung quanh một chậu sứ lớn, ánh ngời màu men xanh mát dịu, có chạm nổi hình tứ quý, trong có cội Quỳnh sắp đến giờ khai-sinh hoa lạ, cùng nhấp những ngụm trà thơm, cùng ăn những chiếc bánh ngọt nhỏ nhắn, xinh như những bài thơ và có nhiều hương vị đặc-biệt, cùng sống qua những giây phút hồi-hộp đợi chờ, chúng ta mới cảm nhận được tất cả cái thấm-thiết của tình người với tình hoa. Và càng cảm-động biết bao, khi những cuộc thưởng ngoạn như vậy lại được tổ-chức không phải chỉ vì cái lòng hiếu-khách sẵn có, mà vì cái chủ-đích biểu-thị một mối giao-tình nồng-hậu, cái mỹ-y đại-ngộ ân-cần mà chủ-nhân, vì sự cảm mến chân thực, muốn dành riêng cho chúng tôi là những người bạn viễn-

xứ đã lặn-lội tới đây chỉ vì một sứ mạng hoàn-toàn nhân-đạo. Rồi chị sẽ hiểu rõ vì sao, chị Marguerite, tôi muốn nhấn mạnh điểm này.

Lại cũng chính vì thế mà tôi đâm ra lúng-túng trước cái tin vui của bác sĩ Huyền vừa mang tới. Tôi chưa tìm ra được câu trả lời cho phải phép, thì bác-sĩ đã nói tiếp :

— Không chỉ ngắm hoa. Còn có cổ-nhạc Việt-nam nữa. Lần này thì chắc là các bạn sẽ được hoàn-toàn mãn-nguyện vì, may mắn quá, tôi đã mời được mấy tay danh-cầm, danh-ca cổ-nhạc nhân dịp họ ghé lại đây, trên đường từ Thủ-đô Saigon đến Huế. Có hai nữ danh-cầm thập-lục, lại có cả độc-huyền. Cô Barbara à, cô phải nghe độc-huyền mới được. Độc-huyền, ờ, độc-huyền, một thứ nhạc-khí đặc-biệt Việt-nam mà tôi lấy làm hãnh-diện được giới-thiệu với các bạn...

Tôi bỗng buột miệng kêu lên :

— Vậy thì đáng tiếc biết bao Thục là đáng tiếc. Làm sao bây giờ ?

— Cô Barbara, cô nói gì vậy ? Cô bảo sao ?

— Thưa bác-sĩ, vì là... à, thưa bác-sĩ, tôi muốn nói vì vụ pháo kích vừa rồi.

— Vụ pháo-kích ! mà sao ? Trời ơi, tôi hết sức cảm tạ Trời Phật về vụ đó. Quả là một chuyện may-mắn lạ-lùng. Nếu chiếc tàu này đậu cách bến xa hơn vài thước thì đã lặn đủ rồi còn gì ! Hay nếu hai quả hỏa-tiến sau cùng rơi ngay ven bờ mà nổ thì... phải biết. Nhưng rồi chỉ có hai tấm kính bị vỡ...

— Và một phen kinh-hoàng.

— Làm sao mà chẳng kinh-hoàng, vì hỏa-tiến nổ gần quá sá.

— Chúng tôi thì chẳng sao, chỉ tôi cho đám bệnh-nhân trên tàu. Có nhiều trường-hợp đã thuyên-giảm bỗng dưng trở nặng. Dù sao thì cũng là một may-mắn lớn. Chúng tôi vừa lo lại vừa mừng cho họ.

— Phải, phải, tôi biết. Quả tim và tâm hồn các bạn lúc nào cũng hòa theo một nhịp với quả tim, tâm hồn của những bệnh nhân trên tàu. Tôi biết rõ điều đó và tôi thâm-cảm vô-cùng. Chính vì thế mà, cô Barbara à, tôi tự thấy có bổn-phận phải tìm đủ mọi cơ-hội, tận-dụng mọi phương-thế khiêm nhường mà tôi có thể có, để biểu-thị cùng các bạn niềm tri-ân của đồng bào tôi, một niềm tri-ân sâu xa, chân thành.

— Thưa bác-sĩ...

— Không, xin cô và các bạn coi tôi là một người bạn chân thực và những lời tôi nói phát xuất ngay từ đáy lòng chứ không phải là những lời đãi bôi ở ngoài cửa miệng. Và, cô Barbara, chúng ta hãy trở về với vấn đề lúc nãy. Tôi không thấy vụ pháo kích có liên quan gì đến chuyện thưởng hoa của chúng ta chút nào.

Tôi mỉm cười :

— Có chớ, thưa bác-sĩ. Vì vụ pháo-kích đó mà chúng tôi được lệnh đem về, phải cho tàu rời bến. Cứ mỗi chiều vào khoảng từ mười bảy giờ rưỡi đến mười tám giờ, tàu phải lánh xa thành-phố cho đến sáng hôm sau.

Vẻ thất-vọng hiện rõ trên gương mặt, bác-sĩ Huyền nắm chặt hai bàn tay vào nhau, chống khuỷu tay lên mặt bàn, nghiêng đầu, tựa má vào đó, thở dài một tiếng :

— Thế là hỏng hết. Biết làm sao bây

giờ. Cuộc họp mặt này mà bất thành thì đáng tiếc biết bao nhiêu... Không dễ gì mỗi lúc muốn xem hoa Quỳnh mà hoa Quỳnh chịu nở. Và, cái khó hơn là tìm được danh-ca, danh-cầm cổ-nhạc, Từ lâu các bạn thường tỏ ý khao-khát được nghe cổ-nhạc. Tìm được hạng tài tử thượng-thặng, tôi mừng hết lớn. Ấy vậy mà rồi...

— Một thiệt-thòi lớn cho chúng tôi!

— Hay là để tôi gặp Bác sĩ Giám-đốc. Có thể được cô à. Chúng ta sẽ dùng xuồng máy, mãi cuộc lại trở ra tàu, có sao.

Cuộc vận-động bất thành. Theo những nguồn tin tình-báo, quân bên kia có thể sẽ tấn-công vào Thị-xã trong vòng ba đêm liền và đang cho tăng cường công tác sát máu về đêm.

— Lại vấn-đề an-ninh, thôi đành phải chịu vậy. Đáng tiếc.

— Bác sĩ còn nhớ là cũng vì vấn-đề an-ninh mà từ sau biển-cổ Mậu-thân, chúng tôi không còn được phép ra Huế nữa. Thực là thiệt-thòi cho tôi, vì từ lâu tôi ao-ước được đi xem lăng tẩm và được bơi thuyền trên mặt sông Hương vào đêm trăng, một lối du-ngoạn, mà theo những bạn hữu của tôi, đã ra ngoài ấy, cho tôi biết là còn thích thú hơn

những cuộc phiếm-du bằng thuyền ở Venise.

— Tiếc thực, cô Barbara, đêm nay mà vắng mặt các bạn thì tôi buồn lắm. Chẳng có gì sung-sướng cho tôi bằng thỉnh-thoảng tạo được cho các bạn những buổi giải-trí khả di di-dưỡng tinh-thần để bù đắp lại những nỗi khó nhọc mà các bạn phải chịu đựng.

— Thưa bác-sĩ, những cố gắng của chúng tôi đã có nghĩa-lý gì đâu...

— Có thể là chưa thấm vào đâu, quả vậy, nhưng vẫn là những công ơn vô-giá... Những công ơn mà chúng tôi phải ghi nhớ trọn đời.

Chúng tôi chia tay ở đầu thang cầu tàu. Tôi cúi-ngồi nhìn theo bóng ông bác-sĩ cao-niên, cao và mảnh-khảnh, dáng đi còn nhanh nhẹn, nhìn theo mái tóc hoa râm bỗng bỗng rối loạn dưới sức đùa nghịch của gió lộng sông Hàn, đang tiến xa dần xuống phía bên đá. Khi sắp lên xe, ông còn quay lại, đưa tay vẫy chào với một nụ cười gượng-gạo nở trên gương mặt đượm buồn. Nụ cười và những câu nói sau cùng có gì khiến tôi càng thêm ân-hận. Tôi đón nhận chúng với cả một niềm cảm-kích, một ray-rứt êm-ái trong lòng.

(còn tiếp 1 kỳ)

PHAN DU

Mùa Xuân đón đọc hai tác phẩm
cùng tác giả NGUYỄN-VĂN-HẦU

NỬA THÁNG TRONG MIỀN THẮT SƠN
VIỆT NAM TAM GIÁO SỬ ĐẠI CƯƠNG

do HƯƠNG SEN xuất bản

TRUNG TÂM NHÂN-XÃ-HỌC

(Anthroposocialism Center)

2, Nguyễn văn Thịnh Saigon

Hoàng-Xuân-Việt sáng lập và điều khiển

T.T.N.X.H. : Là Học-viện đầu tiên ở V.N. đề xướng giáo-dục Hậu-học-đường nhằm phát-triển toàn diện con người, giảm bớt thất bại, tận dụng khả-năng, bổ-túc đại-học bằng những khoa Tự-Lập thân ứng dụng ngay trong cuộc sống thực-tế muôn mặt.

T.T.N.X.H. : Phổ biến Nhân-xã-học, 12 tháng dự-bị, 36 tháng chuyên-khoa, là môn học được trình-bày trong 74 tác-phẩm của Ông Hoàng-Xuân-Việt thuộc loại Học Làm Người từ 20 năm nay nên Trung-tâm tuyệt-đối đứng ngoài chính-trị và Tôn-giáo, lại càng không liên-hệ gì đến một đảng nọ mang trùng tên.

12 MÔN : Do giáo-sư cấp Đại-học và Học-giả tên tuổi dạy và dùng trên 200 sách loại Học làm người làm sách giáo-khoa, là : 1) Hùng biện, 2) Xử thế. 3) Lãnh đạo, 4) Dụng nhân, 5) Tồ chức, 6) Khoa học ứng dụng, 7) Tâm luyện, 8) Bán hàng, 9) Hôn nhân, 10) Hướng nghiệp, 11) Viết văn và làm báo, 12) Thuật tư tưởng.

ĐẶC ĐIỂM : Vừa HỌC giáo-khoa vừa HÀNH bằng sinh-hoạt tập-thể. Mỗi tuần buộc đọc một quyển sách. Sau mỗi giờ học uống trà, nghe nhạc. Mỗi tháng du-ngoạn tinh-tâm. Mỗi tối chủ nhật Hội thoại và văn nghệ. Mỗi tuần nghe một diễn giả nói chuyện. Giảng đường tiện nghi, thanh lịch.

Nhập khóa 1/3, 15/3 và 1/4

Lời minh xác của nhà xuất bản An Tiêm

Đề tránh mọi sự ồn ào về việc xuất bản sách vở trong tình thế hiện tại của xứ Việt Nam, chúng tôi trân trọng có lời minh xác sau đây, về cuốn KIM CÁC TỰ tác giả nhà văn Nhật Bản Yukio Mishima, kẻ vừa tự sát hồi tháng 12-70.

Quyển Kim Các Tự của Mishima nhà xuất bản chúng tôi đã có bản dịch, tên sách đã được quảng cáo trên thư mục An Tiêm từ lâu (giữa năm 1969). Giữa lúc sách in sắp xong, thì được tin Mishima tự sát. Ở đời vẫn chán vạn sự trùng hợp đầu biền thế đó...

Nói lên điều trên đây để bạn đọc khỏi tưởng rằng, chúng tôi đã thừa cơ hội, lợi dụng tên tuổi Mishima để quảng cáo bán sách.

Saigon, ngày 20-2-71

Nhà xuất bản An Tiêm

TUỔI TRẺ HƯ KHÔNG

4 / Truyện dài HOÀNG NGỌC TUẤN

(Xin xem BK từ số 334, 335 và 339)

Tôi quá buồn vì những lời nói của My Cơ. Tôi chỉ là một gã thanh niên hồn nhiên, ngộ nghịch, đã đi qua một thời tuổi nhỏ tươi đẹp và muốn kéo dài mãi mãi thời gian vô tư ấy. Chập chững trong những bước chân đầu tiên vào bậc thềm của tuổi trẻ, mọi sự của đời sống đều nồng nàn xâm chiếm tôi, vào trong đôi mắt ngơ ngác của một người muốn đón nhận thường trực những cảnh tượng biến đổi mới lạ của bên ngoài. Luôn luôn và tuyệt đối ao ước chiêm ngưỡng những đổi thay, những muôn nghìn bộ mặt diễm ảo của mọi người mọi vật.

Mang trong mình một trái tim thơ dại, tôi say sưa với tình bạn hữu, với những thiếu nữ đẹp, với thiên nhiên kỳ ảo thân thuộc bên mình. Những ngày bỏ học la cà lê lết trên khắp vỉa hè thành phố, đêm miệt mài trong ánh sáng hiếm hoi của những quán nước, nơi chốn nhộn nhịp tiếng nhạc và cười đùa vui thú của bạn bè, ở tất cả những nơi, làm tất cả mọi điều mình thích, lắng nghe trong những cuộc rong chơi tiếng trống đập bập bùng đốt nóng dòng máu đỏ cuộn cuộn của tuổi trẻ,

đó là tháng ngày khá êm ái. Nhưng cũng vì thế, tôi trở thành một con người khác mình tưởng, một con người không mấy đẹp dưới mắt của người chung quanh. Người mẹ thường xuyên có những cái nhìn trách móc, những ông giáo nghiêm khắc sau làn kính cận cau có chê trách, những người quen và người lạ rùn vai bĩu môi khinh miệt. Mấy đứa em nhỏ buồn rầu trộm nhìn anh mỗi đêm khật khưỡng mở cửa về nhà. Và cả My Cơ nữa, cô gái nhỏ tình thân hơn ruột thịt, không biết rằng tôi, trong những phút mềm lòng và yếu ớt, ôm ấp hình ảnh nó qua bao đêm trần trọc không ngủ, đã thề nguyện với tất cả những đấng nào đáng gọi là Thượng đế thiêng liêng nhất là sẵn sàng làm bất cứ điều gì, vui lòng chịu đựng bất cứ những khổ nạn nào để cứu vớt con bé ra khỏi cảnh tật nguyện oan nghiệt. Chết cũng được, nếu một lần được nhìn thấy My Cơ nhảy nhót chơi đùa như những đứa trẻ con cùng tuổi, đôi chân nhịp nhàng mạnh mẽ lướt trên cát biển, đôi nạng gỗ vất đi để trả lại nụ cười thiên thần từ lâu nay không bao giờ thoáng thấy trên môi cô bé.

Có lẽ My Cơ cũng thương mến

tôi, nhưng nó không thương được tất cả Cô bé dẫu còn tuổi thơ, nhưng đã có cái nhìn đòi hỏi tôi phải thế này thế nọ, như những người lớn khác. Họ muốn cái gã tuổi trẻ ngồ ngáo này phải trở thành một người mẫu mực. Một cậu thư sinh ngưỡng mộ sách vở học đường và chỉ biết xây tương lai của mình trong chữ nghĩa, trên những mảnh bằng mỏng manh nhàu nát như miếng giấy lộn. Một người nề nếp, có giáo dục, đàng hoàng, lịch sự, áo quần và cử chỉ phải thật đứng đắn, thời khóa biểu của cuộc đời là siêng năng dưới mái trường, lớn lên có một địa vị nào đó trong xã hội nhờ bằng cấp, hay nhờ cảm tình và sự quen biết của những tay to mặt lớn.

Tôi không thế như thế, tôi không bao giờ muốn trở nên một người áp dụng sát nút đúng theo lịch trình của người đời vạch sẵn. Tôi muốn sống, muốn vươn vai, muốn trở thành, muốn bay tung ngàn cao mãnh liệt như một cánh chim rừng, đập vỡ tất cả những lồng son tù ngục. Tôi muốn điên cuồng múa nhảy theo nhịp điệu cuồng nộ rộn ràng của hơi thở, của dòng máu. Tôi muốn sống như màu thanh xuân của những đợt sóng đại dương vụn vỡ. Tôi muốn sống cho tận cùng, thành thật với những đam mê ao ước cháy âm ỉ trong tâm hồn. Mong mơ ném mình vào trong những cánh rừng sâu hiểm trở, những sa mạc bao la bão cát, những ngọn đỉnh ngất trời chưa có dấu chân người chinh phục, những đáy vực sâu quẩn rũ với màu đen bí mật âm u của nó.

Không muốn mình trở thành con người đang được xã hội chờ đợi rông lượng thâu nạp, dần dần tôi cảm thấy mình bơ vơ giữa những bộ mặt người ngày đêm vây bủa chung quanh, lạc lõng như một cụm mây nhỏ xa xôi của những trời chiều ngập nắng.

— Phải thế không ?

Tôi giật mình nhìn My Cơ, cái câu hỏi khó chịu ấy vang lên một lần nữa đột ngột, lôi kéo tôi ra khỏi những ý nghĩ miên man đang xôn xao trong đầu óc.

— Tại sao anh lại như thế ?

Cô bé muốn tiếp tục với những thắc mắc già dặn này đến bao giờ. Nó dựa người vào thân một chiếc thuyền hư đang nằm trên bãi cát, một lúc sau cô bé vẫn còn thấy tôi im lặng, nó ngồi xuống trong bóng mát dưới khoang thuyền, tay sờ nắn bâng quơ phiến gỗ cứng sần sùi của vỏ chiếc thuyền, tách ra những miếng cây nhỏ màu nâu bóng gãy vụn rơi trên cát.

Tôi nóng giận :

— Đừng hỏi nữa, kéo tao bỏ về bây giờ. Trời đã nóng mà mày còn làm tao đồ mồ hôi thêm.

My Cơ ủ rũ nhắm mắt lại, như tránh ánh nắng chói chang của mặt trời ban trưa đang dần dần tràn ngập trên biển.

Nắng đã nhiều, tôi cảm thấy những giọt mồ hôi nhọt nhọt bắt đầu thấm trong lưng áo. Tôi cởi trần, chiếc áo vắt bừa bãi lên con thuyền. Sóng biển xanh ngát mời gọi, với dòng nước mát trong hứa

hẹn sự khoái trá như một ly nước cam vắt ngọt ngào. Lát sau, chỉ bặt một chiếc quần ngắn, tôi chạy ào xuống biển, đợt sóng đập mạnh vào ngực và tung tóe trên khắp thân người. Tôi nhảy nhót, ngập đầu trong những làn sóng mát rượi, thú vị và bật cười sặc sụa khi thỉnh thoảng có những cơn sóng lớn bất thần xô tôi té nhào, nước mặn chảy ào vào trong miệng.

Tôi nhìn thấy đôi mắt thèm thưỡng của Mỹ Cơ xa dần, cô bé vẫn chôn mình một chỗ, bất động như một đám rêu non trên mỏm đá, yên ả trong bóng mát hiếm hoi dưới thân con thuyền, trong khi bên ngoài nắng lửa đang thiêu đốt bãi cát trắng.

Tôi bơi ra xa, chui mắt vào sâu trong biển, màu xanh của rong rêu mơ màng đi vào đôi mắt cay xè vì vị mặn của biển cả. Rồi tôi ngóc đầu lên khỏi mặt nước, hít ào ạt khí trời, nhìn thấy cả một màu xanh bao la vây kín quanh người, chệnh choáng nhấp nhô những ngọn sóng vật vờ.

Ở biển người ta thường tắm mỗi sáng hay vào buổi chiều, không ai tắm mình dưới ánh nắng của buổi trưa như tôi bây giờ. Điều này làm tôi thú vị khi nghĩ rằng giờ đây chỉ có tôi một mình dưới biển. Chia xẻ dòng nước mát trong trắng của nó, thông cảm với sự chuyển động dào dạt trong lòng nó và đắm chìm êm ái trong tấm thân mềm như lụa của biển.

Những tia nắng nở hàng triệu bông hoa lấm tấm rực rỡ trên biển, mặt nước lấp lánh như một bầu trời

đêm nhiều sao sáng. Mơ hồ qua làn ánh nắng mù mịt ấy, tôi nhìn thấy những cánh buồm nhỏ nhoi xa thẳm, lạc lõng trên đường đi đến một cuối chân trời nào giữa những cánh buồm ra đi vì nghề nghiệp, có một cánh buồm lãng mạn nào tách bến không cần lý do, không phải để tìm sống, không đeo trong mình một công việc phải làm nào cả. Có một cánh buồm trắng nào bay nhanh vời vợi trên dòng nước, thanh thoi như một cánh chim lượn trên trời, ngạo nghễ bỏ lại bến bờ với những mái nhà lụp xụp, những ánh lửa êm ả của gia đình, để tự do ra đi, say sưa với trời gió lộng và những chân trời xa vô định. Tôi cố tìm một cánh buồm phiêu lãng như thế, tôi ao ước được nó mang theo, chia xẻ mùi vị nồng nàn và gian khổ với nó trong những cuộc giang hồ. Xa lìa tất cả, xa lìa những ngày cũ kỹ buồn tẻ như những viên đá lăn hồi bị nước biển ăn mòn.

Một chiếc thuyền như thế thật đẹp đẽ và cao quý biết bao. Chỉ cần giăng lên một cánh buồm căng phồng đón nhận tất cả những ngọn gió bất cứ thời về đâu, trong lòng thuyền không cần mang theo lưới đánh cá, không cần thức ăn và địa bàn tìm phương hướng, không cần những hình ảnh đang chờ đợi sự trở về. Chỉ đầy ắp trong khoang thuyền gỗ đó mùi mặn mặn của nước biển thấm ướt lâu ngày, những hơi thở dồn dập nóng hổi của nỗi khát khao ruồi rong phiêu bạt cho đến ngày cuối cùng, cho đến lúc tấm buồm phong sương rách tàn tạ, những phiến gỗ của thân thuyền mỗi mòn rã mục, là

sẽ bắt đầu một cuộc đắm chìm ghé rợn cuối cùng vào sâu trong lòng đại dương thăm thẳm.

Có cánh bướm nào như thế cho tôi không? Hay chính từ thân thể tôi, trên hai vai sẽ mọc lên cánh bướm rờ dai ấy. Trái tim là chiếc bánh lái rẽ lối, tóc tung bay làm cánh bướm lỏng lẻo và dòng máu đỏ sôi nóng lên những ngọn cuồng phong xô đẩy đến một cõi vô cùng.

Sóng bỗng đập vào mặt tôi mùi mặn và mát lạnh, trả tôi về với cảnh tượng bên mình. My Cơ kêu gọi tôi từ bãi cát, tôi nhô đầu lên cao cười với nó và đưa tay vẫy vẫy, cô bé có vẻ đang nôn nao khi nhìn tôi ngụp lặn bơi lội trong biển; nó đã thêm thường điều này đã lâu, một mơ ước quá nhỏ bé và đơn giản nhưng từ bao năm nay và biết đến bao giờ nữa, vẫn chỉ là một điều ước mơ không đạt được. Từ xa nhìn vào bờ, tôi bỗng nhìn thấy một đám trẻ con nghịch ngợm đuổi bắt nhau từ xóm chài lười, chúng té nước và ném cát vào mặt nhau, la hét ầm ĩ. Tôi chợt hơi lo ngại. Cả bọn khoảng năm sáu

đưa mặt mũi lem luốc, ở trần hoặc mặc những áo thô rách, bỗng khám phá thấy My Cơ ngồi lặng yên dưới hông chiếc thuyền. Chúng đồng loạt reo hò thích thú, bỏ mặc trò chơi của mình và vây chặt chung quanh My Cơ. Điều lo sợ của tôi đã có vẻ bắt đầu. Một con bé cùng tuổi với My Cơ làm bộ mặt mày nhăn nhúm trêu chọc rồi cất giọng lè nhè kêu lên:

— Ê... ê, con què... con què.

Thế là cả bọn cùng ồ lên nhái lại, vừa vỗ tay vừa kêu réu như một bầy kên kên:

— Công chúa chân gỗ. Công chúa chân gỗ... Công chúa què...

Bóng dáng của My Cơ từ xa, bị che lấp sau những thân hình nhảy múa của bọn nhỏ, nên tôi không thấy được khuôn mặt của cô bé nhưng tôi biết chắc rằng đôi mắt đã tràn đầy những giọt nước mắt tức tưởi. My Cơ cũng không kêu lên một tiếng nào. Điều này làm tôi lo sợ hơn cả, tôi nóng nảy bơi nhanh vào bờ, hai cánh tay khoát nước mạnh mẽ nhưng không thấy mỗi như thường lệ.

Đón đọc:

HÌNH NHƯ LÀ TÌNH YÊU

Tập truyện đầu tay của HOÀNG-NGỌC-TUẤN

Tác giả quen thuộc trên những tạp chí văn nghệ:

VẤN ĐỀ, BÁCH KHOA, KHỞI HÀNH...

*Những câu chuyện thơ mộng, thành thật lạ lùng nhất
của tuổi trẻ*

QUÁN VĂN xuất bản — ĐINH CƯỜNG vẽ bìa

Trong phút chốc, tôi chạy ào lên bờ, vừa bốc những nắm cát ném vào đầu bọn nhỏ, vừa la hét khàn cả giọng :

— Cút đi, đồ mắt dạy... cút đi.

Bọn nhỏ giật mình hoảng sợ khi thấy tôi chạy lại, tôi lúc này có vẻ như là một tên hải tặc vừa đổ bộ từ ngoài khơi vào. Một thằng bé đang giả vờ làm người què, chân làm bộ đi khập khiễng, bất thần đôi chân dõng lại thể bình thường co giò phóng chạy. Cả bọn bắt chước nhau ù té dõng đi mất, nhưng cũng có một hai đứa lì lợm vừa chạy vừa ngoái cổ lại kêu lên : con què... con què.

Tôi điên tiết đuổi theo chúng một đoạn, vừa chửi bới chúng lại vừa ném cát tới bời. Trong chốc lát, cả bọn nhỏ biến mất sau xóm nhà và những thân cây dừa san sát.

Tôi trở về chỗ chiếc thuyền hư. My Cơ úp mặt trong hai cánh tay vòng lại của nó, trên làn da hồng rạm nắng của cô bé, đã ướt những nước mắt. Tôi ngồi xuống bên cạnh nó, lặng thinh không dỗ dành và đợi cho nó hết khóc, giây phút ấy kéo dài thật lâu làm tôi nóng ruột. Nhưng rồi My Cơ cũng ngừng đầu lên, đôi mắt nó mờ mịt một vẻ buồn bã thật dễ sợ và chiếc mũi đỏ ửng như trái cây chín. Cô bé quay đi để khỏi nhìn tôi và hai tay giận hờn đập liên hồi vào thân chiếc thuyền gỗ.

— Tại anh bỏ em một mình, tại đó mới đến chộc.

Tôi vuốt mái tóc có những sợi ẩm tẩm cát của cô bé.

— Tao xin lỗi.

Cô bé vẫn chưa bằng lòng với lời nói của tôi. Nó cứ tiếp tục thút thít khóc làm tôi phải dở dành đủ chuyện, tôi hứa đại chiều nay tôi sẽ dẫn cô bé đi tìm sò trong vùng biển cạn, sẽ tìm kiếm trong những ghềnh đá bí mật nhất, cạy những con sò bám cứng trên lớp rong rêu. Và khi hoàng hôn xuống, mặt trời lặn cho một cuối ngày, tôi sẽ nhóm lửa nướng cho My Cơ ăn những con sò béo mặm, đỏ như huyết, thơm phức bên ánh lửa hồng.

Cô bé nguôi ngoai dần, môi nó cắn lại với nhau, mắt buồn nhìn mơ hồ ra biển.

— Thôi từ nay anh đừng chơi với em nữa. Chơi với một con què, anh không biết mắc cỡ sao ?

Tôi cảm thấy đau nhói, hơn bất cứ những lời công kích ác độc nào nhắm vào mình.

— Đừng nói bậy, My Cơ. Tao sẽ giết chết những đứa nào trêu chọc mày. Không có mày ở cái tình lý buồn chán này, tao vui làm sao nổi.

— Anh có những bạn khác đi chơi vui hơn. Em chỉ là một con nhỏ có tật, xấu xí.

Tôi mỉm cười, đưa tay đánh vào đầu tôi vài cái nhẹ nhẹ làm My Cơ ngạc nhiên. Tôi nói :

— Tao còn tật nguyên hơn cả mày. Người ta nói tao có một cái gì trục trặc ở trong đầu.

My Cơ tỏ vẻ không hiểu. Tôi không muốn dài dòng giải thích cho nó làm gì. Phải, tôi cũng không hơn gì con bé, hai đứa tôi thuộc vào một thế giới tàn tật, bất bình thường.

Đôi chân của Mỹ Cơ bị tật nguyên, còn tâm hồn tôi hình như cũng đang nuôi nấng những con vi trùng điên cuồng nào đó. Nhưng tôi yêu những con vi trùng của tôi, dầu nó có giết đời tôi trong vực sâu nào đó, cắt lia tôi ra khỏi thế giới của những con người khôn khéo, hạnh phúc trong đời. Tôi vẫn yêu hồ thắm của tôi, yêu cái bóng tối mềm mại như đêm, của cô độc và lạ lùng, cái bóng tối tuyệt đối mù đen đến nỗi không nhìn được bàn tay, nhưng biết đâu trong đó tôi sẽ nhìn thấy chân dung đích thực của con người mình.

Tôi dìu Mỹ Cơ đứng dậy, chỉ cho nó nhìn thấy trời đã bị nắng cháy thiêu đốt, nói cho nó biết thật là điên nếu cứ phơi mình mãi trên bãi cát biển đã nóng bỏng hơi lửa của mặt trời mùa hạ. Dầu cho nắng lúc nào cũng tươi tắn, da trời lúc nào cũng cao ngất trong xanh và biển cả thì cho đến bao giờ cũng vang lên bài hát quyến rũ bất tuyệt từ những lớp sóng vỗ về, như bàn tay điều luyện lướt trên những phiếm dương cầm.

Khi gần đến xóm chài lưới, tôi chia tay với Mỹ Cơ. Tôi bỗng thốt lên thật bất ngờ.

— Vĩnh biệt em, Mỹ Cơ.

Cô bé kính ngạc nhìn tôi hỏi lại, tôi lúng túng nói:

— Không có gì cả, tao nói đùa một chút. Chiều nay tao sẽ gặp lại mày trên biển, và sáng mai nữa.

Tôi nói rõ ràng như thế nhưng trong lúc Mỹ Cơ xa dần rồi mất hút sau những tấm lưới rách đang phơi trên nhánh cây dừa, một thứ tiếng nói khác vẫn vang lên trong đầu óc tôi, người ngoài không nghe thấy được, nhưng nó nổ bùng mãnh liệt từng tiếng mồn mồn một trong tôi, Vĩnh biệt em, Mỹ Cơ, anh không gọi "mày, tao" với em nữa, anh muốn nói thật dịu dàng, như muốn làm em vui lòng một lần cuối. Vĩnh biệt em, Mỹ Cơ. Vĩnh biệt thị trấn quen thuộc, biển cả quen thuộc, gia đình quen thuộc, mái

trường và bạn bè quen thuộc, em quen thuộc.

Sáng mai, tôi chắc chắn sẽ ra đi, đến một nơi nào đó xa lạ chưa hề biết. Để làm gì, tôi không biết rõ. Thời này chắc không còn một cánh buồm phiêu lưu nào chở tôi ra đi trong vẻ đẹp vĩ đại của một cuộc giang hồ. Nhưng còn những chuyến xe hòa, con đường rầy hun hút, những chuyến xe đò vẫn âm thầm khởi hành vào mỗi buổi sớm mai.

Sáng mai, tôi sẽ là một kẻ đoạn tuyệt với những ngày cũ kỹ chết mòn, tôi sẽ là một kẻ lữ hành vô vọng, ở ngoài sự tưởng tượng của Mỹ Cơ và khác với lời quyết đoán của Đình.

Tại sao? Hình như có tiếng nói khàn khàn buồn bã của Mỹ Cơ vang lên. Tại sao? Tôi không biết phải trả lời thế nào cho em.

Có lẽ bởi vì tôi yêu tất cả.

(Còn tiếp)

HOÀNG NGỌC TUẤN

Đề lật úp bọn ma đầu văn nghệ và phê bình đang tác oai tác quái trên các tạp chí xuân động, bè phái và hèn nhất từ thời bọn văn nô... đến bọn học phiệt... hôm nay, đầu tháng 3-1971 tạp chí sáng tác văn nghệ xuất bản bất định kỳ:

M A T
Đ A T

do NGUYỄN - ĐỨC - SƠN chủ trương biên tập sẽ ra lại một cách liên tục dù bất cứ trở ngại nào. Bài vở xin gửi về 71B Tự Do Blao.

Tội làm Người

Thơ NGUYEN-THỊ-VINH

Em là con ai

em từ đâu tới.

(người hành khất già đã nuôi em)

trên hè phố nằm trong manh chiếu rách

lay em bé xíu

chân em bé xíu

mắt nhắm hờ giấc ngủ thiếu lời ru

vành môi non ngậm núm vú cao su

dính cát bụi của chân người qua lại

màn tóc máu phất phơ trước gió

tấm thân non

mền nhỏ

bỏ phơi trần

bầy ruồi nhặng xúm vào thương em hả ?

không đâu em !

chúng chẳng có lòng nhân

tội gì nhỉ ?

em phải mang sớm thể

tội làm người

của thế kỷ hai mươi

thế kỷ có máy bay hỏa tiễn

có phi thuyền đi dạo mặt trăng

(loài người dành quyền năng tạo hóa)

mỉa mai thay không cứu được làm than

em năm đó

là chứng minh cụ thể

nếu sống được

mai này em biết nói

có ai hỏi

cha em mẹ em đâu ?

em Việt nam hay giống giống Âu châu

chắc ngo ngác em nói rằng

không biết
sẽ có phút nhìn mình em tự hỏi
em là ai
con Việt hay con lai
da nhẵn nhúm sớm pha màu sương gió
thời thơ ngây mà không có mẹ cha
hè phố là nhà
xin ăn để sống
mắt tủi hồ nhìn người qua kẻ lại
em tưởng rằng em chẳng phải loài người
nhưng không, em phải biết
em cũng là người
của thế kỷ hai mươi
thế kỷ chúng ta
có những nhà bác học vượt không gian
có nhà văn
nhà báo
có sách
có thơ
có mực in giấy trắng
cả một nền văn minh thời đại
hãnh diện đi em.

(1971)

Nắng vàng quê hương

Thơ PHAN-PHỤNG-THẠCH

Em có về thăm Đại-Lộc không ?
Nắng xưa e nhạt áo em hồng.
Những con bướm của thời thơ-ấu,
Còn trở về bay trong nắng trong ?

Quê cũ bên trời, ơi nhớ lắm !
Cuộc tình còn đó những mê-si
Thương em áo lụa chiều hoe nắng
Thương cả con đường em bước đi.

Đời đã ba mươi, hồn đã mỏi
Lẽ nào trôi mãi giữa hoang-liêu
Em bây giờ cũng như sương khói
Không nhớ sao lòng anh hắt-hiu,

Bao giờ em trở về Đại-Lộc
Nhớ gửi cho anh ít nắng vàng
Với đóa hoa em cài mái tóc
Phượng người anh sẽ đón xuân sang

Đành quên

Thơ LÊ-VĂN-TRUNG

Lặng T. h. Thư và H. đ. Thao

Anh ngồi nhìn cụm hoa vàng bông nhớ
Thuở bình yên em gánh gạo qua đồng
Má hồng thơm như lúa đồng mới nở
Lòng reo vang như mở hội bên sông

Lời hẹn ước trăm năm tình nghĩa cũ
Xóm làng xưa mái rạ lúp tranh nghèo
Đôi ta là chim rừng là bướm nội
Cười nhau giữa ngày xuân ấm nắng vàng reo

Anh nhớ từng cơn đường thôn, lối xóm
Những đêm hè đom đóm lập loè bay
Nhớ khói hoàng hôn, nhớ sương buổi sớm
Nhớ nụ hôn nồng, lành lạnh gió heo may

Nhớ khóm bèo trôi, nhớ chùm bông súng
Trường làng xưa, chim sáo nở mùa này
Nhớ lũy tre xanh, sân đình rợp bóng
Nhớ buổi hẹn hò tay ấm trong tay...

Anh ngồi nhìn cụm hoa vàng bông nhớ
Thuở thanh bình xa lắm phải không em ?
Lời hẹn ước ? không bao giờ tao ngộ
Phút trùng lai, thôi nhé cũng đành quên

Con đường cũ kềm gai, mìn nghẽn lối
Mà phượng trời khói lửa cố hương ơi !
Em đã chết hay vẫn mòn mỏi đợi
Còn gì đâu ! Thôi đã lạc nhau rồi.

Xuân Tân Hợi

BASTOS *Live*



巴
士
多
金
牌
煙
多
地
超
等
貴
名

Siêu đẳng thượng hảo hạng

ĐÃ PHÁT HÀNH :

15 GƯƠNG PHỤ NỮ

của MARIANNE MONESTIER
NGUYỄN HIẾN - LÊ lược dịch

«Tôi mong rằng đọc xong cuốn này, lòng tự tín của bạn gái sẽ tăng lên; họ sẽ thấy nếu họ muốn thì cũng lập được những sự nghiệp lấy lòng như đàn ông, mà nền văn minh tương lai sẽ không phải của riêng đàn ông xây dựng, vì họ không kém đàn ông về một phương diện nào hết.» (Trích lời tựa)

Trí-Đăng xuất bản và Đồng Nai phát hành

Như nổi ước mơ

Trực đến tìm tôi vào chiều chúa nhật, lúc trời còn nắng gắt. Tôi đang viết dở bức thư gửi thăm người bà con. Hẳn ngồi chơi giấy lát đề đợi.

Ra đường, tôi hỏi hẳn đi đâu. Hẳn nói đâu chẳng được, chơi mà. Hẳn dẫn tôi đến nhà một đứa con gái quen, trông cũng được nhưng hơi gầy. Bà mẹ nàng tiếp chúng tôi ở phòng khách, bà hỏi về chuyện học hành làm ăn. Chợt nhà sau có tiếng cãi nhau từ một sòng bạc, bà nói đề phân trần:

— Chủ nhật nào ông nghỉ là cũng có một sòng như vậy, tháng bốn kỳ. Ông không trẻ như các cậu, đề đạo phổ đạo phường. Còn bọn nhỏ thì luôn luôn xin tiền đi xi nê.

Thấy câu chuyện đã đi quá xa, chúng tôi đứng dậy kiêu từ. Trực lại đưa tôi đến nhà một người con gái khác bà con với hẳn. Quanh quẹo trong hai ba khúc kiệt, qua những khu ga-ra nhỏ nhỏ, những thùng xe, trần xe, đầu máy bị cạo sơn lem luốc bày ra ngồn ngang choán hết cả lối đi. Giỏ rác đầy ngập vỏ dừa, cùi bắp, chuột chết, giẻ rách, ruồi xanh. Nước rửa chén, giặt đồ, vẩy cá cơm thừa đồ loang lổ trên mặt đường cát. Lúc Trực nói vào đây chơi tí đã tôi mới kịp nhớ

là hẳn đưa tôi đi chơi. Người con gái vắng nhà, người đàn ông, có lẽ là anh cô ta đón Trực bằng mấy tiếng lâu ngày quá chú. Anh ta đứng lên nhường cho chúng tôi chiếc giường mùng, sang ngồi ở chiếc giường tre đối diện không giải chiếu. Anh gọi thằng con lớn đang chơi ngoài đường về pha nước. Nó chạy xuống bếp rồi chạy lên không. Một lát, anh lại giục, nó lại đi lảng vảng rồi đến đứng cạnh chúng tôi.

Trong nhà đồ đạc tuy ít nhưng kê san sát vào nhau, ba chiếc giường làm thành hai dãy có lối đi ở giữa, một chiếc bàn tróc vẹc-ni đặt gần cửa sò, trên có mấy quyển sách giáo - khoa trung - học và hai chiếc ly thủy tinh ngả màu ngà. Dọc theo bức vách bằng tấm thiếc hoa, một sợi dây kẽm căng dọc đề mắc áo quần người lớn và trẻ con. Từ trên xà nhà lủng lẳng hai chiếc áo dài màu đàn bà. Người đàn ông rất vui vẻ, có gương mặt trắng bạc, anh không nói gì về cuộc sống tại đây cả. Anh chỉ than phiền là không đi đâu được đề thăm bà con, tuy thế anh vẫn hỏi thăm những người quen biết luôn. Anh bị thương đã năm tháng, một viên đạn đại liên xuyên qua bắp vế, một viên nữa nhắm vào bàn chân trái đứt dây gân. Năm quân-

y viện mới về nhà khoảng tháng nay, chờ ra hội-đồng giám-định y-khoa. Tôi nói chắc anh được giải ngũ. Anh cho là chuyện đó không khó, nhưng giải ngũ xong sẽ làm gì để sống, anh mong được làm việc nhẹ tại hậu cứ. Tháng nay vẫn lãnh lương. Anh vừa nói vừa cầm chiếc khăn lông quấn quanh bàn chân tái nhợt, rồi mở ra, rồi quấn lại. Có lẽ đấy là cách xoa dịu những tê nhức bên trong.

Nắng đã dịu, nhưng trong nhà, dưới mái tôle còn hơi hâm hấp. Mồ hôi thấm đầy cổ áo, tôi bước ra đứng ở cửa đón gió. Một người đàn bà đứng tuổi mặc độc chiếc "may-ô" bên trên, để lộ gần hết phần nửa thân hình, đang khom lưng múc nước trong giếng xi-măng. Khi thau nước đầy, bà ta ngừng tay làm bầm nóng quá trời. Tôi trở vào nhìn Trục lặp lại: nóng quá trời!

Khi chúng tôi ra tới lộ thì nắng tắt hẳn. Mấy bà vú em bồng trẻ nhỏ hóng mát. Tôi đoán bây giờ tại phòng trọ không còn đứa nào, Hứa, Chương cũng đã đi chơi. Tôi không muốn đi thêm nữa, về ăn cơm trước, để phần cho hai đứa hẳn. Từ khi tôi về dạy học tại đây cùng với Hứa, Chương, ba đứa thuê chung một phòng trọ, ăn cơm thàng. Cứ trưa trưa Hứa chở tôi đi ăn cơm rồi chở về nằm ngủ. Tuy nói ngủ nhưng tôi chỉ đợi cho đến 2 giờ để bắt đầu buổi chiều. Còn Hứa dù không ngủ, hẳn cũng gắng nằm im đắp chiếc mũ xoa lên mặt. Ngoài việc dạy học hẳn chẳng thêm bận tâm đến một điều nào khác. Tôi trường luôn luôn với hai

cây bút xanh đỏ hần hoi. Ngày nghỉ, có khi hẳn mang sò ra cọng điềm một cách cẩn thận, không phàn nàn, không thú vị. Tưởng cứ đem đặt hẳn vào một công việc nào vừa sức là hẳn nhận làm một cách im lặng như vậy. Dù trái tính nhưng tôi lại mến Hứa và thích ở chung với hẳn. Căn phòng trước kia dơ dáy, nhờ Hứa sửa soạn treo thêm ít tranh ảnh nên trông sạch mắt hơn. Một vài ngày, bà chủ bảo người nhà quét dọn hộ chúng tôi một lượt. Bà hay trách:

— Mấy cậu lười đến mực xương.

Nhưng bà khen chúng tôi khéo chọn, khéo ở với nhau. Thỉnh thoảng, bà nhờ tôi đi mua một hộp thuốc bổ, cái bóng điện hay viết đơn xin phép cho thằng con nhỏ học lớp đệ-lục. Có lẽ trong hình thù và lối sống của tôi, bà không cho tôi là một người lớn. Mà chính tôi cũng nghi ngờ như thế. Tôi mà lớn à? Tôi nghĩ tôi chưa phải là một người lớn như thiên hạ. Bạn bè cũ của tôi tại chúng có gia đình, con cái bề thế, còn tôi vẫn lông bông như Sâm bảo:

— Sao anh không chịu lập gia đình cho vui, để coi cú lông bông mãi hóa mất nét mặt.

Vài phút trơ trọi nghe như lạnh lạnh, tôi cũng cùng ý nghĩ ấy. Ừ nhỉ, tôi coi cú vô cùng. Sớm đi tối về mặc lòng, chẳng ai hỏi han đến, giờ nào ăn, giờ nào ngủ cũng tùy. Lắm khi đi chơi về khuya sò soạng tìm cái núm điện để mở đèn, ngời còi đôi vớ có mùi hôi hôi thấy uề-oại chạy khắp người. Vừa nằm xuống rã rời từng phần, từng cánh tay, bấp chán rưng

ra được. Khô rất cổ họng như trong một cơn đau, và tự nhiên thêm một cuộc ái ân hay có người tình săn sóc. Trong những lúc ấy muốn uống ly nước chẳng ai pha cho, muốn ăn tô phở chẳng ai mua hộ, thậm chí có khua động cũng một mình mình nghe. Sự sinh-hoạt của tôi vô cùng độc-lập không có một bàn tay nào tham dự. Tôi chưa được người yêu nào săn sóc một lần. Tôi cố nhớ lại xem, tuyệt nhiên là không có, chỉ trừ Sa đến với tôi trong mấy ngày muộn màng nhất, vội vàng nhất rồi cũng bỏ lại mình tôi. Cuộc tình ngắn ngủi ấy cuối cùng tôi còn giữ của Sa chiếc bàn chải đánh răng. Tôi cất chiếc bàn chải như là vật quý, thỉnh thoảng sức nhớ đi tìm cho ra và từ đó cuộc tình sống lại rất mông lung. Nhưng tôi thắc mắc không rõ Sa đối với tôi có được như thế không. Nàng có thỉnh thoảng sức nhớ lại tôi không, song cái gì sẽ nhắc nhở về tôi đấy nhỉ. Bây giờ xa xôi không còn tin tức nữa, ai biết được ai ở những nơi đâu, ra thế nào. Nhưng lại như mới đây còn quanh quần đầu đây trong gian phòng này chẳng hạn. Hình ảnh lớp học, mấy mươi bộ mặt xếp đặt rõ ràng trước mắt tôi. Mấy thầy cô lững thững bước trên hàng hiên trước giờ vào lớp, mấy cây ngô đồng sum sê rợp bóng trên sân cát rộng in hàng ngàn dấu chân nhỏ li ti. Ngày đó kể đã lâu, tôi và Sa có dạy chung một trường. Tôi thích dạy buổi chiều, về thật muộn, sau hết. Sa cũng nán lại về sau. Sân trường vắng, nắng thay màu vàng ồng hoặc rực rỡ hẳn lên.

* *

Ngày tiếp nối nhau qua đi chẳng có gì mới lạ thêm vào. Nhưng cũng như một chiếc xe chạy trên đường thật tốt, có gặp phải cái ổ gà, viên đá, khúc quanh người tài xế mới nhớ được mình đang di chuyển. Và cuộc đời cũng có một vài lúc nhắc nhở rằng mình đang có mặt. Vẫn cứ là chuyện không đâu, nhưng là tình cờ hay xếp đặt. Tôi không đi dạy, đứng đợi về đây, không có Sa ở đây, Sa không đi qua đời tôi và nàng đứng đợi đi xa thì có gì khác hơn cho tôi. Tôi định ninh rằng đời là thế. Còn tôi phải đứng lại để nhìn những gì lướt qua như người ta xem một cuốn phim chiếu trên màn ảnh. Ngộ nghĩnh lạ! Sa vẫn tiếp tục xa mất đầu đường kia con đường. Tôi có gọi nàng cũng không quay lại.

Tôi ngồi vào bàn viết thư, không phải viết gọi Sa để mong níu kéo lại chút tình cảm nào. Lại nữa cũng không biết đâu mà gọi. Nhưng tôi viết, tôi là người khát nước cần được uống bởi những nhắc nhở ngày nào còn tro trước mắt. Nhiều lần tôi muốn xin đòi đi khỏi trường này. Tôi mong gặp lại Sa một lần để biết rõ ràng nàng đã có chồng hay chưa. Có hay chưa, chuyện đó không còn là phần tôi nữa, mà tôi vẫn muốn biết. Dù Sa chưa có chồng, tôi vẫn không tin nàng thuận lấy tôi. Về tôi, Sa nhận xét:

— Con trai như anh tầm thường lắm.

Tầm thường thật chứ, cơ chỉ có thể làm trò cho bọn nhỏ hằng ngày, nuôi ước mơ có lấy chỗ dung thân

êm ả. Nhưng ở đâu tôi cũng chẳng được đón chào. Tôi đã lần lượt đi từ nơi này đến nơi khác, cuối cùng đâu cũng như nhau. Những trường gần thành phố không ở được bao lâu, những trường vùng núi non hẻo lánh thì như thể đi đày. Cuối tháng chờ chực máy bay trực thăng về tỉnh. Chiều chiều nghe tiếng trực thăng « ục ục » xa xa nhớ nhà kinh khủng. Kỳ thật tôi không có cả nhà riêng để nhớ, chỉ nhớ chị tôi, chị Tiểu thôi. Tôi ở với chị từ nhỏ cho đến năm hai mươi tuổi bắt đầu đi làm xa. Và chỉ có dịp về thăm chị vào những ngày tết nhứt. Nay chị cũng không biết rõ ràng tôi hiện ở đâu. Tôi kể đại lược là chỗ này chỗ nọ. bởi tôi cho có nói đông dài cũng thành vô ích. Bây giờ thấy thương chị lạ thường. Tôi trách là đã xử tệ với chị, phải chi tôi nói chính xác về nơi tôi ở để có lần chị sẽ đến thăm tôi hay chị bớt đi lo lắng. Tội nghiệp, chị rất ái ngại mỗi khi tôi xách gói ra đi :

— Bao giờ cậu về lại ?

Nhớ chị, tôi nhớ giọng hát ru con ầu ơ của chị trong những buổi trưa :

Măng giang nấu cá ngạnh nguồn,

Tới đây anh phải bán buồn mua vui.

Chắc vốn liếng về những câu hát ru con của chị cũng nghèo nên tôi cứ nghe hoài hai câu ấy. Đôi lần chị muốn tôi vô đạo :

— Chị hằng cầu nguyện Chúa che chở cậu.

Từ trên cao xa cũng thấu nỗi thành tâm của chị, nhưng tôi là một tên ngoại đạo, nên chẳng có được ân sủng thiêng liêng nào. Những ngày

sống lẻ loi trơ trọi là hình phạt đối với tôi. Hay tôi vô đạo ? Tôi xin đòi về gần chị Tiểu ? Tôi xin đến với Sa ? Giá chị Tiểu không có chồng để theo ở với tôi, hay hơn nữa giá Sa là vợ tôi. Tôi chỉ mong được sống một cách bình an tầm thường nhất gần gũi người chị hay yên lặng bên cạnh người vợ tôi thương. Sa là vợ tôi, sao không thể nhỉ ? Để tôi yên phận suốt đời và tư hữu từng cái ăn cái ngủ. Tôi vốn tầm thường mà đời thì rắc rối nên mọi chuyện vẫn lải ước mơ. Tư tưởng tôi đã bị mà nhả hết mọi cạnh góc và lăn tròn như một viên bi ve.

cOo

Tôi thức dậy sau một giấc ngủ dài, có lẽ là 2, 3 giờ sáng. Chiếc máy thu thanh chạy pin còn hát trên đầu giường. Giờ này tôi hoàn toàn bị quên hẳn, tôi mất tất cả rồi. Con thạch sùng tặc lưỡi từ trên mái ngói.

TRỊNH KHẢ NGUYÊN

Sách mới

— Cách xử thế của người nay nguyên tác « *Winning Your Way with People* » của K.C. Ingram. Nguyễn-Hiển-Lê lược dịch. Tao Đàn xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 278 trang, gồm 6 phần như : *Luyện cá tính; Thói quen làm cho ta thành công hay thất bại v.v. .*

— Kỹ thuật thái cực quyền của Võ-Sư Trần-minh Thanh và Lạc-Hà do Tủ sách võ thuật xuất bản và gửi tặng. Sách dày 136 trang, trình bày : « *Lý thuyết—Trọn bài thái cực quyền—Thời thủ và phân thể chiến đấu* » Có rất nhiều hình ảnh rõ ràng và tiện lợi cho những người tự luyện. Giá nhất định 150 đồng.

SINH HOẠT

THỜI SỰ KHOA HỌC

Apollo 14

Ngày 26 tháng 2 này, 3 phi hành gia của phi thuyền Apollo 14 mới thực sự trở lại đời sống bình thường của họ. Ngay sau khi đặt chân trở lại Trái đất, họ bị cô lập trong vòng 3 tuần lễ để tránh mọi sự lây trùng có thể xảy ra. Những lời chúc mừng của Tổng thống Hoa-kỳ, của nhân viên thủy thủ đoàn mẫu hạm New-Orleans đều phải diễn ra ngoài khung cửa kính của căn phòng cô lập di động (MQF: Mobile Quarantine Facility). Từ MQF thứ nhất trên tàu, họ được chuyển qua MQF thứ nhì đặt trên chiếc phi cơ vận tải khổng lồ C.141 của không lực Mỹ và được đưa ngay về Houston. Nơi đây họ bị cô lập cho tới khi mãn hạn.

Từ trong phòng cô lập, Shepard và Mitchell mô tả lại cuộc hành trình của Apollo 14, nhất là hai lần thám hiểm bên ngoài phi thuyền của họ vào ngày 5 và 6 tháng 2 vừa qua. Shepard nhận thấy ánh sáng mặt trời quá chói chang, khiến ông và người bạn đồng hành Mitchell đôi khi phải lấy tay che mắt mặt dầu là lớp kính che mặt của họ đã được tráng một màu vàng phản chiếu ánh sáng. Chiếc xe «cút-kít» không gian (Modularized Equipment Transporter) tuy có 2 bánh nhưng đã giúp ích họ rất nhiều trong việc vận chuyển các dụng cụ thí nghiệm. Việc làm cho Shepard và Mitchell thất vọng là đã không được phép leo lên tới đỉnh một miêng

hố hình chóp đã có dự định trong chương-trình. Việc này có vẻ quá nguy hiểm. Trong cuộc họp báo vô tuyến truyền-hình từ trong phi-thuyền Kitty Hawk, khi phi thuyền này còn cách trái đất 115.000 dặm trên đường về, hai phi-hành-gia cho biết họ bị cản trở vì những tảng đá quá to lớn trên sườn hố. Có rất nhiều những tảng đá mà bề cao vượt quá đầu người. Mitchell và Shepard đành phải thu nhặt những tảng đá nhỏ nằm rải rác đó đây trên khúc đường mà họ đã đi qua. Nhờ có chiếc xe cút-kít nên số lượng đất đá lấy được nhiều hơn.

Số vật liệu này sẽ được cơ quan NASA gửi tới chùng 200 Trung-tâm khảo-sát ở các quốc-gia trên thế-giới để nghiên cứu. Một cuộc hội nghị sẽ được tổ chức để cộng bổ những khám phá thu lượm được từ mọi nơi. Ủy-ban tuyển chọn sơ khởi (P.E.T: Preliminary Evaluation Team) đã chú ý tới một mảnh đá nhỏ màu trắng có điểm đen mà Mitchell đã đập bể được từ một khối đá to hơn, và tin rằng nó sẽ cho ra nhiều yếu tố quan trọng trong việc phỏng đoán niên-kỷ của mặt trăng.

Trong cuộc hành trình vất vả kéo dài hơn 9 ngày trời, cả 3 phi-hành-gia tuy vẫn luôn luôn tỉnh táo nhưng không khỏi tỏ ra mệt mỏi. Trong lúc Roosa và Mitchell đều sụt cân thì riêng một mình Shepard lại lên cân. Đây là lần đầu tiên một phi-hành-gia lại lên

cần sau một chuyến bay ngoài không gian trở về. Đó chẳng phải là một điều đáng mừng cho phi-hành-gia này. Các nhà bác học nhìn vào sự-khiến này với một con mắt nghiêm trọng. Chắc chắn Shepard sẽ được chiếu cố hơn hai người bạn đồng hành của ông khi cả ba « mãn hạn cô lập ».

Shepard là phi-hành-gia đầu tiên của chương-trình Mercury và hiện nay là phi-hành-gia lớn tuổi nhất của Hoa-kỳ.

Sự thật về ung thư

Bác sĩ Frank Rauscher, thuộc Viện ung thư quốc gia Hoa kỳ đã có một kết luận lạc quan : « Vào năm 1980, chúng ta sẽ làm giảm 1/3 số thương vong vì ung thư, và vào cuối thế kỷ này chúng ta sẽ thanh toán nốt số 2/3 còn lại ». Kết luận của ông là bằng tổng kết của những nỗ lực phi thường của hàng trăm nhà bác học ưu tú nhất của nước Mỹ trong những năm đã qua. Những phương tiện tối tân nhất của khoa học đều được sử dụng vào mục tiêu khám phá ra sự bí ẩn của bệnh ung thư và một phương pháp điều trị hiệu quả. Tổng thống Nixon cũng muốn dành cho nước ông cái vinh hạnh lớn lao ấy : « Thời cơ đã đến cho nước Mỹ. Chúng ta sử dụng những cố gắng đã từng phá vỡ được nguyên tử, đã từng đưa nhân loại lên được nguyệt cầu, vào công cuộc chinh phục căn bệnh nguy hiểm này ».

Bệnh ung thư như một thách đố cay đắng đối với y học. Ngay ở Mỹ, nơi có những phương tiện trị liệu tối tân nhất, trong năm nay đã có 330 000 người chết vì ung thư. Trong số hơn

220 triệu người Mỹ, sẽ có 25% tức hơn 50 triệu người có hy vọng một ngày nào đó sẽ bị ung thư. Tỷ lệ này ở các nước khác tất nhiên phải lớn hơn nhiều, và những phương tiện trị liệu tất nhiên phải thua xa nước Mỹ. Bệnh ung thư là căn bệnh nguy hiểm số 1 ngày nay, nó cùng với các bệnh về tim đang là 2 tên đồ tể giết chết hàng triệu người mỗi năm. Các bệnh nhiễm trùng như sùng phổi, sùng ruột, lao đã trở nên hiền lành sau khi thuốc trụ sinh ra đời. Ở các quốc gia có đời sống xã hội cao, những bệnh này hầu như biến mất, trái lại nó vẫn còn tồn tại rất nhiều ở các quốc gia nghèo khổ. Bệnh về tim là một căn bệnh của những kẻ giàu có ! Như vậy là trong thế giới bệnh tật cũng có một sự kỳ thị rõ ràng.

Những tiến bộ trong bước đường chinh phục bệnh ung thư, đầu tiên và quan trọng nhất là sự tìm ra nguyên nhân của nó. Ngày nay, hầu hết mọi nhà bác học đều coi siêu-vi-trùng như là nguyên nhân hiển nhiên của các loại ung thư. Cơ chế gây bệnh của siêu-vi-trùng phải chờ đến sự khám phá của nhà sinh vật học Howard Temin, mới trở nên rõ ràng. Howard Temin là một giáo sư trẻ tuổi của viện đại học Wisconsin, năm nay ông mới 36 tuổi. Cách đây trên 6 năm, Temin đã nghi ngờ về sự tuyệt đối của định luật Watson — Crick về di truyền. Theo hai nhà bác học này thì cơ chế di truyền được khởi đầu từ những phân tử DNA (Dexoxyribonucleic acid), những tín hiệu di truyền sẽ được DNA truyền sang phân tử RNA (Ribonucleic acid) và RNA sẽ theo những tín hiệu đó để tạo nên protein. Những diễn biến này

khá phức tạp và gồm nhiều giai đoạn, đã trở thành một lý thuyết cổ điển trong lãnh vực di truyền học. Temin nghĩ rằng không phải luôn luôn cơ chế di truyền đi từ DNA sang RNA, trong một vài trường hợp nó có thể đi ngược lại. Ông và cộng sự viên Satoshi Mizutani, một bác sĩ người Nhật tới làm việc ở phòng thí nghiệm của ông, đã thành công trong thí nghiệm minh chứng giả thuyết trên. Họ đã công bố khám phá của họ trong một cuộc thuyết trình ngắn ngủi ở Houston. Chính nhờ ở cuộc nói chuyện này mà họ biết được một nhà bác học khác cũng đã thành công trong mục đích tương tự: đó cũng là một nhà sinh vật học trẻ tuổi khác, bác sĩ David Baltimore ở viện kỹ thuật Massachussets. Baltimore đã nghe giả thuyết của Temin và tìm cách chứng minh. Sự tình cờ làm cho sự thành công của họ cùng xảy ra 1 lúc. Sau đó nhà di-truyền-học tăm tiếng Sol Spiegelman, đã theo phương pháp của Temin cô lập được phân hóa tố (enzyme) đã biến RNA sang DNA và đặt tên là *RNA dependent DNA polymerase*. Phân hóa tố này chỉ có ở các siêu-vi-trùng gây bệnh ung thư và không có ở các loại siêu-vi-trùng khác. Bác sĩ Robert C. Gallo và các cộng sự viên cũng tìm thấy 1 chất tương tự trong các tế bào bạch huyết của 3 bệnh nhân bị bệnh ung thư bạch huyết của ông. Việc khám phá ra RNA dependent DNA polymerase có một tầm quan trọng đặc biệt: nó giúp chẩn đoán bệnh và giúp trị bệnh. Đầu tiên, khi chất này tìm thấy trong tế bào ung thư bạch huyết, nó xác nhận giả thuyết ung thư do siêu vi

trùng gây nên là có thật, người ta có thể đo mức phân hóa tố này để định bệnh và hơn nữa tìm ra cái thứ thuốc ngăn chặn hoạt động của nó và do đó trị được bệnh ung thư. Tuy nhiên, một nhà bác học khác, bác sĩ George Todaro lại tìm thấy loại phân hóa tố này ở cả những mô bình thường. Như vậy nó không tiêu biểu gì cho bệnh ung thư cả. Dù sao cũng cần phải có một thời gian nữa để vấn đề có thể trở nên rõ ràng hơn.

Trong lúc các nhà khảo cứu đang cố gắng khám phá ra tận nguồn gốc căn bệnh ung thư, thì trên thực tế, tại các bệnh viện, người ta phải đương đầu với những bệnh nhân thực sự. Những phương pháp cũ trị cổ điển được cải tiến dần để tạm thời cứu chữa bệnh nhân. Từ khi các vụ ghép các cơ quan từ người này sang người khác xảy ra thì ngành miễn nhiễm học lại sinh ra, một mối liên quan mật thiết với ngành ung thư học. Nơi các bệnh nhân được ghép một bộ phận từ người khác, có một tỉ lệ rất lớn bị bệnh ung thư. Lý do phỏng đoán là tại vì các bệnh nhân này phải dùng nhiều thuốc kháng-miễn-nhiễm, nên phản ứng của cơ thể chống lại các tế bào ung thư cũng bị giảm sút. Từ đó, người ta nảy sinh ra ý nghĩ là giúp cơ thể tự chống lại ung thư bằng cách tăng khả-năng miễn-nhiễm này lên. Bác sĩ Phil Gold ở Montréal, đã tìm được một kháng-sinh đặc biệt của các ung thư ở bao tử. Kháng sinh này có thể tìm ra ở trong máu của bệnh nhân. Trong hơn 1500 bệnh nhân của ông, 95% thử nghiệm có kết quả và việc định bệnh bằng phương pháp này trong khá nhiều trường hợp cho một kết quả

sớm hơn là dùng quang tuyến X.

Các nhà giải phẫu cũng cố gắng hoàn thiện các phương pháp mổ của họ. Hiện nay, các loại ung thư một khi sớm định được bệnh đều được chữa trị bằng cách giải phẫu. Nhờ khoa giải phẫu tạo hình, các nhà giải phẫu được rộng tay hơn, như trong trường hợp ung thư vú, phải cắt bỏ vú, các bắp thịt ở ngực, các hạch bạch huyết ở ngực và tay: vấn đề sau khi mổ là phải tạo lại cho bệnh nhân một thân thể đủ lành lặn để thích hợp với cuộc sống bình thường.

Những phương pháp chữa trị bằng phóng xạ và hóa chất cũng đạt được những tiến bộ khả quan. Bệnh ung thư bạch huyết cấp tính, rất hay có ở trẻ em, có thể làm chết bệnh nhân trong vòng vài tháng, ngày nay một phân nửa có thể sống sót sau 5 năm và một

vài trường hợp có thể coi như khỏi hẳn. Các loại thuốc được dùng chung hay thay đổi để tránh sự kháng thuốc của tế bào ung thư như đã xảy ra trước đó. Sự tiến bộ của kỹ thuật cho phép chế tạo những máy phóng xạ mạnh gấp 10 lần những máy cũ. Tia phóng xạ mạnh mẽ được điều khiển một cách chính xác, chỉ có tác dụng vào mô ung thư mà không làm hại tới các mô lành chung quanh. Kết quả là hơn 50-60% bệnh nhân bị bệnh Hodgkin ở một giai đoạn muộn màng cũng có thể sống sót sau nhiều năm.

Người ta hy vọng sự lạc quan của bác sĩ Frank Rauscher đã nói ở trên sẽ trở thành sự thực. Thế hệ con cháu chúng ta sẽ nhìn bệnh ung thư dưới con mắt ngày nay chúng ta dành cho các bệnh như sưng phổi, sưng ruột...

TỬ DIỆP

Rượu bổ
QUINQUINA

Quina '9'
CỔ ACIDE GLUTAMIQUE





*khai vị,
ăn thêm ngon.*

BỔ OC
bồi dưỡng
cơ thể



BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Giải Văn học Nghệ thuật 1971

Giải Văn học Nghệ thuật 1971 của Tổng thống VNCH về bộ môn Việt sử : giải nhất đã được trao cho Tạ Chí Đại Trường với cuốn «*Lịch sử nội chiến ở VN từ 1771 đến 1802*», về bộ môn «Tham luận về tư tưởng chánh trị Đông Tây hiện tại» giải nhì được trao cho Vũ Tiến Phúc (tên thực là Vũ Bá Ước) với cuốn : *Kiến quốc cơ bản luận*, về bộ môn Văn các giải nhất nhì ba đều được trao cho 3 nhà văn phái nữ : Túy Hồng với truyện *Những sợi sắc không*, Nguyễn thị Thụy Vũ với truyện *Khung rêu* và Trần Thy Nhã Ca với truyện *Một giải khăn sô cho Huế*, về bộ môn Thơ, giải nhất : Tạ Ký với tập thơ *Sầu ở lại*, giải nhì : Hà huyền Chi với *Còn gì cho anh*, giải ba : Thế Viên với *Mưa quê hương v. v...*

Những nhà biên khảo, nhà văn nhà thơ trúng giải trên đây đều là những cây bút quen thuộc trong làng văn, làng báo nhất là : Tạ Chí Đại Trường, Túy Hồng, Thụy Vũ đều không xa lạ gì với độc giả Bách Khoa.

Cũng nên ghi lại : Các tác phẩm dự thi về hội-họa và điêu-khắc đều ít so với mọi năm, trái lại về nhiếp ảnh thì lại rất nhiều.

Phim *Cúi mặt*, phỏng theo truyện dài *Cúi mặt* của nhà văn Bùi Đăng đã mang lại 3 giải cho Nha Điện ảnh : Đạo-diễn xuất sắc : Thân Trọng Kỳ Nam tài tử xuất sắc : Cao Huynh (Nữ tài tử xuất sắc là Kim Vui trong «*Chân trời tím*»). Một giải khuyến khích

về diễn viên trong phim «*Cúi mặt*» được trao cho Lý Quốc Mậu.

Tam-Lang thượng thọ

Chiều 20 tháng 2 vừa qua, tại nhà hàng Thanh Thế, một số đông văn nghệ sĩ già thực thụ (chứ không phải cụ non) đã tổ chức một lễ thượng thọ rất giản dị, nhưng vô cùng thân mật để mừng lão trượng Tam-Lang lên ngôi 70 tuổi... Toàn là những người đã lao mình vào văn học, nghệ thuật, báo chí từ trên dưới nửa thế kỷ nay, tự động gọi nhau đến đây làm một cái lễ rất «gia đình» mừng 70 tuổi đời và ít nhất cũng là trên 50 tuổi nghề của nhà văn kiêm ký giả kiêm chủ trương phục hưng ngành bình dân ca kịch : Tam Lang Vũ Đình Chí.

Với sự chủ xướng của hai lão văn sĩ Vũ Bằng và Thượng Sĩ (có sự ủng hộ của tạp chí Văn Học) các mái tóc bạc trên những thân hình còn trảng kiện của Lãng nhân Phùng Tất Đắc, Tam Ích, Phạm Cao Cung, Nguyễn Như Cảnh, Trịnh Hoài Đức, Hoàng Lan Nguyễn Xuân Huy, Kinh Kha, Phương Hữu Trần Văn Bằng, Linh Điều Thanh Tao, Kim Dân, Võ Công Tài, Trần Mộng Lân, Thanh Lãng, Hoàng Ly, Phạm Duy, Tú Duyên... đã kề sát nhau chung quanh một bàn tiệc mà thức ăn hay rượu tuy rất thịnh soạn nhưng cũng không ngon lành bằng không khí đầm ấm của những vị vong niên nhưng chưa vong thân đó... Sự nghiệp của lão trượng Tam Lang đã được nhắc nhở đến

trong lễ thượng thọ này, và một vài hậu sinh (như kẻ viết bài này) đã được biết rằng từ trước 54, tác giả *Tôi Kéo Xe* đã từng làm Chủ bút và cộng tác viên của nhiều nhật báo, tuần báo như *Ngọ Báo, Tin Mới, Giang Sơn, Tự Do, Vịt Đực, Tia Sáng, Con Ong, Duy Tân, Đông Tây...* và ngay từ 1918 cụ đã viết cho tờ *Thực Nghiệp* và những đoản thiên tiểu thuyết đầu tiên đăng trong *Nam Phong* đã mang rất nhiều tính chất kích động thanh niên như *Truyện một du học sinh, Ôi thiếu niên...* Nhà văn và kịch gia này lại có thể được coi như một trong những cây bút lớn về loại văn tả chân xã hội như *Lọng cụt cán, Tôi kéo xe, Giọt lệ sông Hương.*

Trong lễ thượng thọ này, ngoài những bài thơ họa đi họa lại giữa các bạn già (xin nói riêng: nhiều bài thơ rất tục và rất hay) người cầm bút trên nửa thế kỷ là Tam-Lang Vũ Đình Chí còn kể lại cho anh em nghe những chuyện vinh nhục của nghề và cái điều làm cho mọi người thích thú là thấy anh vẫn còn khỏe mạnh minh mẫn và hăng say. Họa sĩ Tú Duyên đã vẽ một bức tranh lụa với quả đào tiên và chừa một khoảng trống để anh em viết hoặc ký lên đó tặng Tam-Lang. Và với một tinh thần rất khiêm tốn, Tam Lang đã xin được viết lên đó một bài thơ ngắn và coi bức tranh lụa như là của chung anh em...

Được tham dự một buổi sinh hoạt hoàn toàn văn nghệ giữa các văn nghệ sĩ già tuổi nhưng chưa già nết

này, trong một giai đoạn mà tình hình kinh tế chính trị chiến tranh thường làm thui chột con người, kẻ thuật lại lễ kỷ niệm này rất là cảm động và nghĩ rằng các vị tiền bối trong làng văn nghệ báo chí này phải sát vai với nhau hơn nữa để duy trì sự có mặt của mình trong một giai đoạn mà giá trị tinh thần của dân tộc đang bị đe dọa nhất.

Một tác phẩm cũ của Nhật-Tiến

«*Người kéo màn*» là tác phẩm thứ tư của nhà văn Nhật Tiến xuất bản cách đây tám năm (1962) và đã được một số nhà văn như Dương Nghễ Mâu, Nguyễn Đình Toàn, Đỗ Tấn, Bùi Đình Nguyễn Xuân Viên v. v... cho là có nhiều sắc thái mới lạ đối với nền văn học Việt Nam. Nay «*Người kéo màn*» mới được tác giả cho tái bản.

Nhật Tiến là một nhà văn đã có 15 tác phẩm thuộc nhiều loại khác biệt. Riêng về «*Người kéo màn*» ta có thể thấy vấn đề mà tác giả muốn trình bày là sự quạnh hiu mệnh mông và ý thức chỗi dậy trong con người, trước một xã hội đầy phản trắc, lừa lọc và bỉ ổi. Qua một thể văn khá mới lạ, nửa kịch nửa truyện, «*Người kéo màn*» được dựng bởi những bối cảnh trong sân khấu và ngoài đời, bởi thực và giả, bởi những động tác và ngôn ngữ của nhân vật khi ồn ào, khi nặng trĩu những trầm mặc, suy tư, chúng soán vào nhau một cách khéo léo chặt chẽ và trong sự cuốn soán đó lại đầy những giao động mâu thuẫn.

Nhiều nhà văn cho là do những mâu thuẫn đó, tác giả đã làm nổi bật được những bản khoán nghi hoặc triển miên giữa con người với chính mình, với đồng loại và cuộc đời.

Với một kỹ thuật dựng truyện vượt ra ngoài khuôn phép, bố cục, mẫu mực của tiểu thuyết cổ điển, với một nội dung xoay quanh những biến chuyển sâu xa trong nội tâm, "Người kéo màn" đòi hỏi ở người đọc một sự tìm tòi và suy nghĩ. Phải chăng đó là một yếu-tố đã không mang lại sự thành công về mặt tài-chánh cho nhà xuất bản. Nghe đâu "Người kéo màn" là một tác phẩm bán chậm của nhất của Nhật Tiến: Chừng 200 cuốn sau tám năm; số còn lại đã được mỗi chiếu cố rất kỹ. Nay trong hoàn cảnh kinh tế khó khăn, mà tác giả vẫn cho tái bản "Người kéo màn" thì quả là một việc làm dũng cảm. Chúng ta ước mong lần thứ 2 này tác phẩm truyện kịch của Nhật Tiến sẽ gặp được nhiều may mắn hơn lần thứ nhất.

Những sáng tác mới của Phạm Duy

Trong dịp Tết vừa qua Phạm Duy bị đau. Anh đã phải cầu cứu đến cả Tây Y lẫn Đông Y mới khỏi. Nhưng trong khi nằm nhà uống thuốc anh lại sáng tác được một loạt bài rất khác biệt: Tâm ca, Tục ca rồi lại Đạo ca nữa. Nghe đâu anh đã làm được đến Đạo ca 3 rồi và anh dự định làm luôn 10 bài Đạo ca. Riêng bài Tâm ca mang tên "Người lính trẻ" Phạm Duy cũng bị mời lên phối hợp, nhưng anh chưa kịp phối hợp thì mọi người đã thuộc rồi! Còn bài Tục ca mang tên "Tôi có người yêu" thì mới có

một số nhỏ bạn bè được nghe thôi. Xin đăng nguyên văn sau đây lời ca của 2 bài nói trên để bạn đọc nhớ lời ca trước khi làm quen với nhạc:

NGƯỜI LÍNH TRẺ

(tâm ca)

*người lính trẻ chết trận chiều qua
nên trăng sao rụng hết chẳng ngờ
người lính trẻ chết trận hồi mai
nên hôm nay chẳng có mặt trời*

*người lính trẻ chết trận ngày mai
trên quê hương ngọn lúa rụng rồi
người lính trẻ chết trận ngày kia
trên ngôi cao là hết dị kỳ*

*nhiều vị trời ngồi ôm mặt khóc
từng vị thần rủ nhau chạy mất
tình chỉ còn mầu tang lạnh ngắt
và còn gì nhan sắc người yêu*

*sờ vào đàn thì giây vừa đứt
đọc chuyện tình dòng chữ rụng rơi
rồi loài người đổi thay hình dáng
rồi trần trường về thuở hồng hoang*

*người lính trẻ chết trận ngoài khơi
nên không nghe chủ nghĩa tuyệt vời
người lính trẻ chết trận bờ ao
không dương danh một chế độ nào*

*người lính trẻ chết trận còn đau
nên không lâu nở võ địa cầu
người lính trẻ chết trận rồi nghe
xin nghe đây tận thế gần kề*

*người lính trẻ chết rồi còn chi?
còn chi!*

TÔI CÓ NGƯỜI YÊU

(tục ca)

*tôi có người yêu cái đít to như thằm
thúy hăng
cái đít nhìn qua đã khiến cho ta phải
ngỡ ngàng*

*vừa to vừa lớn như những mặt vua
đẹp như mặt chúa cũng phải thua
nhưng có ngờ đâu cái đít em không
phải thứ thiệt*

mấy chú triều-tiên khuyến khích em
 bơm nhựa dưới thịt
 nhiều khi cảm nóng tiêm thuốc vào
 mông
 làm ông thầy chích rất khổ tâm

tôi có người yêu cái vú to như là cái
 đình

đôi vú nhà binh cứng rắn như chế độ
 nước mình

lại thêm hùng tráng như những quả
 bom

người dân nhìn thoáng hết hồn luôn

nhưng có ngờ đâu cái vú thơm ngon
 lành nhất đời

ban nãy thành thối muốn bóp chơi cho
 khỏe cái người

người yêu bèn thét: đôi vú vừa bơm
 lệch đi thì chết cấm sờ luôn

tôi có người yêu mái tóc quăn như là
 sóng thần

mái tóc hình như giống tóc xi-nê của
 mấy đầm

vừa êm vừa mát thơm ngát mùi hoa
 dứa vai vào đó rất là mê.

nhưng có ngờ đâu mái tóc em mua ở
 chú Oăn

hay chú Duyệt quen vẫn thấy đăng trên
 tờ báo tuần

trời cho bộ tóc em cắt cụt ngang
 đầu em trọc lốc giống thầy tăng...

... Phần sau còn nhiều cái ly kỳ, xin
 đề bạn đọc nghe bản nhạc sẽ biết tiếp
 thì thích thú hơn.

Vụ án Đối Diện

Đầu năm Tân-Hợi, làng báo đã sôi
 sục vì Sắc lệnh số 006 Thủ tướng ký
 ngày 21-1-71 ấn định thể thức thi
 hành Chương 11 Luật ấn định Quy
 chế Báo chí. Người ta đã tưởng sau
 Tết này lại có một vụ báo chí tranh
 đấu chống chính quyền sôi nổi như vụ
 tăng giá giấy đầu năm ngoái. Nhưng
 ngày 16-2-71 Thủ tướng đã ký Sắc
 lệnh số 014 thâu hồi sắc lệnh số 006
 nói trên.

Hai hôm sau, ngày 18-2-71 trong

một phiên tòa Sơ thẩm Saigon xử
 « báo chí » L.M. Chân Tín Chủ-nhiệm
 nguyệt san Đối Diện và L.M. Trương-
 Bá-Cần, tác giả loạt bài « 25 năm xây
 dựng xã hội chủ nghĩa » đăng trên Đối
 Diện đã lãnh một bản án nặng nhất
 từ trước đến nay đối với người làm
 báo và viết báo: mỗi người 9 tháng
 tù và 100 000 đồng tiền phạt, nguyệt
 san Đối Diện bị đình bản 6 tháng.

Nguyệt san Đối Diện xuất bản từ
 tháng 7-69, do hai vị Linh mục: Chân
 Tín và Nguyễn Nghị làm Chủ nhiệm
 và Chủ bút, Tòa soạn đặt tại 38 Kỳ
 Đồng Saigon, cho tới tháng 2-71 đã
 ra tới số 20. Đối Diện là một trong
 những tờ báo chống chiến tranh và
 tích cực đòi hòa bình cùng Chủ trương
 hòa giải dân tộc. Trong năm 70 Đối
 Diện đã có thời kỳ bị tịch thu trong
 8 tháng liên tiếp khi thì vì 1 bài thơ
 khi thì vì một bài tiểu-luận hay biên-
 khảo và đã lãnh một án 1000 000 đồng
 phạt phạt. Đọc trên Đối Diện người ta
 cũng gặp những cây bút quen thuộc
 như: Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh
 Trung, L.M. Nguyễn Ngọc Lan v.v...
 và rất nhiều cây bút trẻ.

Vụ án Đối Diện đã làm sôi nổi dư
 luận làng văn, làng báo, sinh viên và
 các giới Công giáo trong tuần qua.
 Theo tin các báo thì Hội Sử học V.N
 dự định phản kháng nhà cầm quyền
 vì cho rằng L.M. Trương Bá Cần,
 Tiến sĩ Sử học Đại-học Sorbonne chỉ
 viết bài nói trên với tư cách sử-gia
 (đó cũng là lập luận của luật sư bênh
 vực cho L.M. Trương Bá Cần trước
 Tòa án) và nhà cầm quyền đã công khai
 bẻ bút một sử gia qua bản án ngày
 18-2. Trung tâm Văn bút Việt nam
 cũng phản kháng cho rằng vụ án đã
 làm « hoen ố sinh hoạt văn hóa » Ông
 Chủ tịch Hội Chủ báo V.N. cũng yêu
 cầu các báo làm băng đen nơi trang
 nhất đề bày tỏ sự ủng hộ đối với tạp
 chí Đối Diện và hầu hết các báo đã
 lên tiếng phản đối bản án nói trên.
 Tổng hội sinh viên Saigon cũng ra

tuyên cáo ủng hộ tạp chí Đối Diện và phản đối nhà cầm quyền... L.M. Trương Bá Cần lại còn là Tổng Tuyên úy của Liên Đoàn Thanh Lao Công. Ông lại tuyên bố là sẽ chịu đi tù chứ không ký chống án nên dư luận càng xôn xao nhất là dư luận Công giáo.

Một cuộc hội-thảo về vụ án Đối Diện đã được tổ chức tại nhà thờ họ « Các Thánh hTứ Đạo » (Vườn Xoài) tối 22-2. Trong dịp này L.M. Chân Tín có lên tiếng là quyết tâm tranh thủ công cuộc hòa giải dân tộc và chính quyền đã mượn tay Tòa án để đàn áp báo chí và càng ngày càng đi vào con đường bóp chết tiếng nói trung thực của giới

cầm bút thể hiện sự thực và khát vọng của đồng bào.

Vụ kiện của Thế Uyên

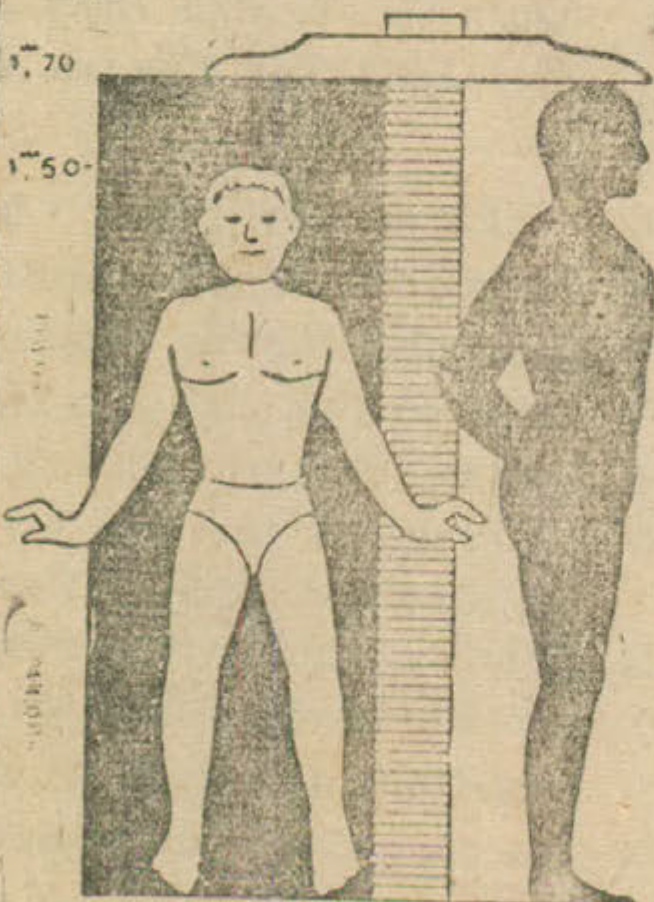
Cũng ngày 18-2-71 xử vụ án Đối Diện trên đây Tối Cao Pháp Viện đã thụ lý hồ sơ của nhà văn Thế Uyên do Luật sư Vũ Văn Mẫu nhiệm cách và biện hộ, kiện Bộ Thông Tin là vi hiến khi duy trì Sở kiểm duyệt sách nguy trang dưới tên « Sở phối hợp nghệ thuật ».

Hy vọng thắng kiện của nhà văn Thế Uyên cũng là hy vọng của tất cả mọi người cầm bút ở miền Nam này.

THU-THỦY

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỬ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU BIẾT BI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHỎE.
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RĂNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHỔI.
- MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

Số KN : 78 MBYI/QCPD

Diễn trình của một sự nghiệp

(Tiếp theo trang 22)

đã mô tả như ông vua truyện tiểu lâm — và tuy thế, chắc cũng không dễ gì có thể rũ bỏ được nỗi u buồn mang nặng trên tâm hồn, bằng vài ba bài hát. Do đó mà tôi đã nói ở một bài trước đây rằng niềm vui trong một vài bài *Via Hè Ca* không tự nhiên đối với Phạm Duy (ít ra đó là cảm tưởng của những kẻ viết bài này... kẻ này có thể nghĩ sai!...) Nhưng dù sao Phạm Duy vẫn cần viết ra những bài *Tôi bảo tôi mãi mà tôi không nghe. Sức Mấy Mà Buồn. Nghèo Mà Không Hèm* v.v..., bởi vì tôi nghĩ sự tự do sáng tạo của ông vẫn quan trọng hơn là... bệnh táo bón của một số trong chúng ta!

* * *

Trong những năm 1965-66-67, Phạm Duy soạn những bài hát cho cán bộ xây dựng nông thôn và những bài hát cho quân đội như *Từ Đại Công Khai, Nông Thôn Quật Khởi Hát Hay Không Bằng Hát Hay, Khoác Áo Màu Đen* và một số bài khác — và cho xuất bản bốn bài *Dân Ca* cũng được sưu tầm từ nhiều năm trước như các bài dân ca đã nói trên, là *Lý Con Sáo, Lý Che Hường, Lý Chim Khuyên* và *Lý Quạ Kêu*.

Năm 1966 ông soạn bốn *Tâm Ca* mới: *Nhân Danh*, lời ca ác liệt; ý nghĩa súc tích, khúc điệu và hòa điệu tương ứng với một kỹ thuật điệu xò lạ thường; và *Bi Hải Kịch* và *Đi Vào Quê Hương*, lời ca của Thái Luân và Hoa Đất Nắng, giọng mỉa mai chán chường, khúc điệu chua chát và có phần quái đản, hoàn toàn

hợp với lời ca; *Những Gì Sẽ Đem Theo Về Cõi Chết*, một tác phẩm rất đặc biệt, sức xúc động mạnh mẽ hiếm có. tác phẩm của một người chưa hẳn đã thấy *Cái Chết* gần kề tuy nhiên, — điềm tế nhị — đã thấy nó không còn xa như trước... Và sau rốt là một hòa bình ca: *Kỷ Niệm*. Ở đây bao nhiêu là hăng say, đồng thời bao nhiêu là buồn bã của con người đã xẽ bóng đang nhớ thương biết bao nhiêu là sự việc, vâng, có lẽ là những sự việc quan trọng nhất và đang mong ước gần như tuyệt vọng được người ta trả lại cho ông tất cả.

* * *

1967, sự nghiệp trước tác tiếp tục được xây dựng thêm: *Người Yên Của Cán Bộ, Hò Yêu Nước, Dân Quân Tự Vệ, Anh Hùng Trong Trắng Tay Súng Tay Cày* và *Bà Mẹ Phù Sa*...

Tác giả đã viết câu: « Nhớ thương bà mẹ Gio Linh »... ở trên đầu bản hợp phổ *Bà Mẹ Phù Sa*, một bản nhạc có tính cách gần như *thôi miên* với nét nhạc trơ trụi thật đau xót — Nhưng cái trơ trụi mà người ta thường nhận thấy ở Phạm Duy vào khoảng bán điệp thập niên 60 ấy, nếu nó liên hệ rất nhiều với nỗi niềm trơ trụi trong nội tâm tác giả thì đồng thời nó cũng tiêu biểu cho nước Việt nam mỗi lúc mỗi thêm trơ trụi, mỗi lúc mỗi thêm trần trụi trong niềm đau khổ! Trong một xứ sở đầy tang thương ấy, thỉnh thoảng người nghệ sĩ từ bỏ cái duyên dáng quen thuộc của

mình để chọn lấy một lối diễn đạt trực tiếp hơn, giản dị hơn, thấm thía hơn và cũng sâu sắc hơn — Nhưng nếu phần lời ca của *Bà Mẹ Phù Sa* đầy cảm xúc liên tục — hãy nghe bản ghi âm do Thanh Vũ thực hiện chỉ có độc tiếng đàn ghi-ta đệm theo: thật là cảm động! thật là hay! — thì về phần khúc điệu, nét nhạc và tiết điệu lại *sắc sảo* lạ thường. Thật là vững vàng, đầy nghệ thuật! Từ năm này qua năm khác, Phạm Duy luôn luôn tiến xa, từ chỗ tuyệt đỉnh này sang chỗ tuyệt đỉnh khác...

Nhưng nghệ sĩ có từ bỏ cái duyên dáng của mình — tôi xin nhấn mạnh — may mắn thay, đó chỉ là trong những trường hợp đặc biệt mà thôi, và trước năm 1967 ấy, chúng ta lại được biết bài *Tôi Đang Mơ Giấc Mơng Dài*, lời thơ của Lệ Lan, công trình tinh vi của một nàng tiên và một ông hoàng nghệ thuật.

Ồ, vẻ đẹp của bài hát ấy, làm sao có thể viết nên lời!.. Trên bài thơ vừa xinh xắn vừa cảm động ấy, Phạm Duy đã chạm trở một khúc điệu nhẹ nhàng vui tươi — một niềm vui tươi đã gạn bớt đau khổ — nhẹ nhàng nồng nhiệt, sự nồng nhiệt đặc biệt của Phạm Duy làm cho ca khúc của ông có đặc điểm riêng. Lại thật là cảm động, thật là tuyệt hảo.

* * *

Năm 1968, xuất hiện các bài *Tôi không Phải Là Gõ Đá*, *Một hai ba Chúng Ta Đi Linh* — một ca khúc mỉa mai, nhịp hành khúc — *Nhìn Mặt, Tôi Biết, Kỷ Vật Cho Em* — bài hát này chỉ bắt đầu nổi tiếng từ cuối năm 1970 — và hai bài tâm ca khác là *Trả Lại Tôi Tuổi Trẻ* — bài hát dấu kín niềm cảm xúc và chân lý dưới một khúc điệu vui tươi và nhịp nhàng — và *Chuyện Hai Người Linh Việt nam* một kiệt phẩm vô song, trong đó Phạm Duy đã nói *hết* về cuộc chiến tranh hãi hùng này trong hai đoạn ca làm ứ lệ.. Cũng trong năm này nhạc sĩ hiến cho chúng ta bản *Khi Tôi Về*, một

Hòn bình ca. Dựa theo một bài thơ của Kim Tuấn dựa theo lời thơ ấy, nhạc sĩ đã xây dựng một khúc điệu cực kỳ hùng tráng và linh động, một loại hành khúc mới, với một kỹ thuật điệu xảo phi thường, với một khúc điệu có lối hòa âm rất bao la, rất đặc biệt, tóm lại rất là Phạm Duy.

Trong những năm 1969-1970 ấy, đối với người Việt nam — theo một lối nói của chính Phạm Duy — thì hòa bình hình như hóa thành mỗi lúc một thêm *hư ảo*. Nhưng con người ấy, đối với tất cả và trái với tất cả, vẫn muốn giữ vững hy vọng. Bài *Ngày Sẻ Tới* nói lên niềm hy vọng ấy, và nói một cách tuyệt vời làm sao! Lời lời trau chuốt, chứa nặng muôn vàn cảm xúc, khúc điệu kiêu kỳ, hùng tráng, hòa điệu phong phú và phóng khoáng — Thật là huy hoàng! — Bài *Cung Chúc Việt nam* lại cũng nói về niềm hy vọng ấy, những lần này nói bằng cách dịu dàng và bình tĩnh hơn nhiều, một cách phổ quát và tượng trưng hơn nhiều. Những lời cung chúc của Thanh Hữu ở đây đã gợi hứng cho Phạm Duy một số trong những câu thơ thích thiết nhất, đẹp đẽ nhất của ông, những câu thơ phản ánh được tất cả những gì là *khêm cung đích thực* nơi con người mà thiên hạ từng kết tội là kiêu căng quá đáng ấy... Khúc điệu của bài này thoát tiên u buồn rồi nhẹ nhàng tươi sáng, mặc dù — lại một lần nữa — có phần trơ trụi.

Bản *Một Ngày... Một Đời*.. Sẽ kết thúc năm 1969 ấy. Mỉa mai, xót thương, nước mắt, chối từ, chấp nhận, tiếc than, hy vọng: tất cả cùng chan hòa lẫn lộn trong một điệu khúc có màu sắc gần như huyền bí... Vâng, cái định mệnh hãi hùng của nhân loại ấy, chính là Phạm Duy, chính là một người Việt nam đã phô diễn nên.

(Còn tiếp)

GEOGERS E. GAUTHIER

Montréal, 1-1971

THU-THỦY dịch

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Mười lăm gương phụ nữ nguyên tác của Marianne Monestier, Nguyễn-hiến-Lê lược dịch, Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 266 trang, gồm ba phần, mỗi phần đều có tiểu sử hoặc phỏng vấn : 4 nhà hy sinh cho nhân loại, 5 nhà mạo hiểm và 6 văn sĩ tất cả đều phái nữ. Bản đặc biệt. Giá 210 đồng.

— Khắc sâu lên đá tập truyện của Nguyễn-thị Mỹ Linh. Ấn-quán Nghĩa-An xuất bản và tác giả gửi tặng. Bìa do Minh-Ly trình bày và minh họa. Sách dày 186 trang. Gồm 10 truyện ngắn. Bản đặc biệt. Giá 180 đồng.

— Đêm ngủ ở tình tập truyện của Hoàng-ngọc-Biên, do Cảo Thơm xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 178 trang. Gồm 5 truyện ngắn, có nhiều phụ bản của tác giả.

— Cánh đồng đã mất truyện dài của Thảo Trường, bìa của Duy Thanh, Tân Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 130 trang. Giá nhất định 50 đồng.

— Một ngày trong đời Ivan Đê-nixôvith, nguyên tác của A. Xôlgienit-xyn, Thạch Chương và Trần Lương Ngọc dịch theo bản dịch Anh ngữ của Max Hayward và Ronald Hingley, Nguồn Sáng xuất bản và Trần Lương Ngọc gửi tặng. Sách dày 280 trang, có thêm phần nói về tác giả A. Xôlgienit-xyn và bản dịch lá thư của tác giả gửi « Hội nghị các Nhà Văn Xô Viết »

(5-1967). Mẫu bìa của Duy Thanh. Bản đặc biệt. Giá 320 đồng.

— Bóng ma trong rừng Mỹ-châu truyện khoa học cho tuổi trẻ, của Minh Hương, do Alpha xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 92 trang gồm 10 câu chuyện khoa học, có chú thích, là cuốn đầu của bộ « Khả năng kỳ diệu của loài vật », rất ích lợi cho tuổi trẻ. Bản đặc biệt. Giá 120 đồng.

— Vòng tay thế giới tuyển tập Dân ca Việt nam và Dân ca 12 nước trên thế giới (Anh, Hoa Kỳ, Pháp, Phi, Nga, Đại Hàn, Đức, Ý, Tiệp Khắc, Nhật, Thái Lan, Do Thái) do Phạm Duy sưu tập, Quảng Hóa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 68 trang gồm ngót 40 bài Dân ca (nhạc và lời) Giá 180đ.

— Yêu nhau khi còn thơ tuyển tập 10 bài tình ca của Lê Uyên Phương, Quảng Hóa xuất bản và gửi tặng. Sách in khổ 21×20 rất đẹp, bìa và phụ bản Nguyễn Quỳnh, Quang Vũ trình bày. Giá nhất định 200đ.

— Khuynh hướng số 1, tạp chí phát huy văn hóa, tư tưởng, nghệ thuật. Chủ trương: Trịnh Biên Hoài, Phạm Văn Thơm, Đoàn công An. Tòa soạn: 8, Lê Lợi Long Xuyên. Mỗi số khổ 15×21 dày 96 trang, gồm thơ và truyện. Giá 60 đồng.

— Mai sau đặc san Xuân 71, của Lý Văn Phạm Anh ngữ đặc biệt trường Bồ Đề, Nha Trang, do ô. Huỳnh Tấn, giáo sư gửi tặng. Mỗi số khổ 20×27 in ronéo 2 mặt, dày 178 trang, gồm thơ, truyện, hồi ký, nhật ký, đoản văn, điều tra, tranh vẽ... rất phong phú.